

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: VĂN HOÁ – DU LỊCH

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương

Người hướng dẫn : TS. Nguyễn Ngọc Khánh

HẢI PHÒNG – 2010

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**DU LỊCH THIỀN – HIỆN TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN Ở QUẢNG NINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
NGÀNH: VĂN HOÁ - DU LỊCH**

Sinh viên : Nguyễn Thị Phương

Người hướng dẫn : TS. Nguyễn Ngọc Khánh

HẢI PHÒNG - 2010

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Phương
Lớp : VH 1002

Mã số: 100798
Ngành: Văn hóa du lịch

Tên đề tài: **Du lịch Thiên – Hiện trạng và giải pháp phát triển ở
Quảng Ninh**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

.....

.....

.....

Người hướng dẫn thứ 2:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:

Nội dung hướng dẫn:

.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày.....tháng.....năm 2010

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.....tháng.....năm 2010

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2010

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGŨT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của đề tài(so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày.....tháng.....năm 2010

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ
CỦA NGƯỜI CHẤM PHẢN BIỆN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP
Tên đề tài: Du lịch Thiên – Hiện trạng và giải pháp phát triển ở Quảng Ninh

của sinh viên: Nguyễn Thị Phương **Lớp:** VH 1002

1. Đánh giá chất lượng đề tài tốt nghiệp về các mặt thu thập và phân tích tài liệu, số liệu ban đầu; cơ sở lý luận chọn phương án tối ưu, cách tính toán chất lượng thuyết minh bản vẽ, giá trị lý luận và thực tiễn của đề tài.

2. Cho điểm của người chấm phản biện:
(Điểm ghi bằng số và chữ)

Ngày tháng năm 2010
Người chấm phản biện

Lời cảm ơn!

Khóa luận tốt nghiệp được coi là một công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên sau 4 năm học, tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nâng cao khối kiến thức và kỹ năng đã được trang bị tại trường và phát huy sở trường của mình trong công trình nghiên cứu khoa học. Khóa luận chính là việc mang các kiến thức lý luận, kỹ năng vận dụng chúng vào thực tiễn một cách có khoa học và sáng tạo, rèn luyện khả năng tư duy, đặt vấn đề và giải quyết vấn đề một cách độc lập, rèn luyện cho sinh viên tính tự vận động trong nghiên cứu.

Để hoàn thành khóa luận này đòi hỏi sự cố gắng rất lớn của bản thân cũng như sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn cùng sự cổ vũ động viên to lớn từ gia đình, bạn bè.

Trong quá trình làm khóa luận em đã nhận được sự hướng dẫn chỉ bảo tận tình của TS. Nguyễn Ngọc Khánh. Em xin được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến thầy. Đồng thời em cũng xin được cảm ơn Ban giám hiệu nhà trường, các thầy cô giáo, gia đình và bạn bè đã giúp đỡ, ủng hộ em suốt quá trình để em có thể hoàn thành tốt khóa luận này của mình.

Tuy nhiên, do kiến thức, kinh nghiệm thực tế còn nhiều hạn chế và thời gian nghiên cứu ngắn nên khóa luận không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy giáo, cô giáo và các bạn, những ai quan tâm đến đề tài này để em có thể rút ra được những kinh nghiệm và trong tương lai em có thể có những đề tài tốt hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên
Nguyễn Thị Phương

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1.Lý do chọn đề tài.....	1
2. Mục đích nghiên cứu.....	3
3. Đối tượng nghiên cứu	3
4. Phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Kết cấu của đề tài	4
CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DU LỊCH THIỀN	5
1.1.Khái niệm Thiền.....	5
1.1.1.Thiền tông Việt Nam.....	6
1.1.2.Khái niệm Thiền.....	8
1.1.3.Vai trò của Phật giáo trong đời sống tâm linh người Việt.....	13
1.2.Khái niệm du lịch và du lịch Thiền.....	17
1.2.1.Khái niệm du lịch	17
1.2.2.Khái niệm du lịch Thiền.....	19
1.3.Các sản phẩm du lịch Thiền.....	19
1.4.Vai trò du lịch Thiền trong hoạt động du lịch.....	20
1.5.Du lịch Thiền ở một số nước Châu Á và một số tỉnh, thành phố Việt Nam.....	21
1.5.1.Du lịch Thiền ở một số nước Châu Á.....	21
1.5.2.Du lịch Thiền ở một số tỉnh, thành phố Việt Nam.....	23
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC SẢN PHẨM DU LỊCH THIỀN Ở QUẢNG NINH	27
2.1.Khái quát về tỉnh Quảng Ninh	27
2.2.Tài nguyên du lịch Thiền ở Quảng Ninh	29
2.2.1.Hệ thống các chùa, thiền viện	29
2.2.1.1.Đặc điểm chung	29

2.2.1.2.Một số chùa, thiền viện tiêu biểu	30
2.2.2.Các loại hình nghệ thuật Thiền	44
2.3.Hiện trạng khai thác sản phẩm du lịch Thiền ở Quảng Ninh	53
2.3.1.Tình hình hoạt động du lịch Quảng Ninh trong thời gian qua.....	53
2.3.2.Hiện trạng khai thác du lịch Thiền ở Quảng Ninh.....	56
2.3.2.1.Thiền viện và chùa ở Quảng Ninh	56
2.3.2.2.Các loại hình nghệ thuật Thiền trong các chùa và thiền viện Quảng Ninh	62
2.3.3.Đánh giá chung về hoạt động du lịch Thiền ở Quảng Ninh	63
CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH THIỀN Ở QUẢNG NINH	66
3.1.Phương hướng phát triển du lịch Quảng Ninh trong thời gian tới.....	66
3.2.Một số giải pháp phát triển du lịch Thiền ở Quảng Ninh	70
3.2.1.Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động du lịch, hợp tác phát triển du lịch.....	71
3.2.2.Bảo vệ và tôn tạo các tài nguyên du lịch Thiền vốn có của Quảng Ninh.....	71
3.2.3.Xây dựng nhận thức khai thác du lịch Thiền.....	74
3.2.4.Đào tạo nguồn nhân lực du lịch Thiền.....	75
3.2.5.Quy hoạch không gian Thiền.....	77
3.2.6.Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch Thiền.....	78
3.2.7.Xây dựng sản phẩm du lịch Thiền	79
3.2.7.1.Mở các khóa tu tập Thiền cho mọi đối tượng.....	79
3.2.7.2.Xây dựng các chương trình cho du lịch Thiền.....	80
3.2.8.Kêu gọi khuyến khích đầu tư vốn cho du lịch Thiền.....	90
3.2.9.Tăng cường liên kết các tuyến điểm du lịch Thiền.....	91
3.2.10.Tăng cường phối hợp du lịch Thiền với các loại hình du lịch khác.....	92
KẾT LUẬN	94

PHẦN MỞ ĐẦU

1.Lý do chọn đề tài

Từ xa xưa trong lịch sử nhân loại, du lịch đã được ghi nhận như một sở thích, một hoạt động nghỉ ngơi tích cực của con người. Ngày nay du lịch trở thành một nhu cầu không thể thiếu được trong đời sống văn hóa – xã hội của các nước. Về mặt kinh tế, du lịch đã trở thành một trong những ngành kinh tế quan trọng của nhiều nước công nghiệp phát triển. Du lịch được coi là một ngành công nghiệp – công nghiệp du lịch – công nghiệp không khói và hiện nay ngành công nghiệp này chỉ đứng sau công nghiệp dầu khí và ô tô. Đối với các nước đang phát triển, du lịch được coi là cứu cánh để vực dậy nền kinh tế chậm tiến của quốc gia.

Cuộc sống ngày càng phát triển, đời sống của con người càng ngày càng được nâng cao, mặt khác khoa học kỹ thuật công nghệ ngày càng hiện đại nên con người ngoài nhu cầu lao động, làm việc thì còn có nhu cầu không thể thiếu đó là nhu cầu nghỉ ngơi, nâng cao tầm hiểu biết, tìm hiểu khám phá thế giới xung quanh, tìm hiểu các nền văn hóa khác nhau... và con người có nhu cầu đi du lịch ngày càng cao với các loại hình du lịch khác nhau: du lịch thăm quan, du lịch thể thao, du lịch MICE, du lịch mạo hiểm, du lịch khám phá, du lịch văn hóa....

Dường như các loại hình du lịch trên đã khá quen thuộc với chúng ta, để phát triển hơn nữa, tận dụng những tài nguyên sẵn có của đất nước hơn nữa, các loại hình du lịch mới phải được nghĩ tới.

Trên thế giới, đặc biệt các nước có nền Phật giáo phát triển như Nhật Bản, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ... với nguồn tài nguyên nhân văn – hệ thống các chùa chiền, các loại hình nghệ thuật như trà đạo, ẩm thực, thư pháp hội họa Thiên - họ đã phát triển một loại hình du lịch mới, khác hẳn với các loại hình du lịch quen thuộc đó là du lịch Thiên và loại hình du lịch này khá

phát triển. Nhưng ở Việt Nam, một đất nước cũng có trên 13.900 ngôi chùa trong đó có nhiều ngôi chùa cổ kính, nhiều Thiền viện thì đây lại là loại hình du lịch mới xuất hiện chủ yếu ở một số thành phố như Đà Lạt, Nha Trang, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên loại hình du lịch này cũng là nhu cầu tất yếu vì khi đời sống vật chất được nâng cao, cuộc sống hiện đại bận rộn chịu nhiều sức ép, khiến người ta cần có những phương tiện thư giãn, xoa dịu tinh thần, có nhu cầu tìm đến những chỗ tĩnh tại và khám phá những nét đặc sắc của Phật giáo, con người lại muốn trở về với văn hoá mang tinh thần phương Đông - Thiền tông, tìm lại sự thăng bằng và yên ổn trong tâm trí để nhìn cuộc sống rõ ràng và vị tha hơn... Và du lịch Thiền là một giải pháp thích hợp và hiệu quả. Đến với Thiền không phải chúng ta đến với một tư thế ngồi im lặng mà chính là để tìm đến một lối sống bình dị, đơn giản, ung dung, tự tại, không cuốn theo bởi dòng đời.

Trên thế giới đã có rất nhiều tác phẩm viết về Thiền như: Thiền Luật - Suzuki, Chén trà Nhật Bản - Okakura kakuro...

Ở Việt Nam, cũng có nhiều tác giả nghiên cứu về Thiền tiêu biểu như: Hương Thiền - Thiền sư Nhật Quang, Thiền tông Việt Nam cuối thế kỉ XX - Hoà thượng thiền sư Thích Quang Từ, Hướng dẫn Thiền – chùa Phật Quang, Thiền Nhật Bản và đời sống người Nhật – Trần Thị Minh Tâm, Giáo trình Thiền học – Tỳ kheo Thích Chân Quang...

Nhưng hầu hết các tác phẩm chỉ dừng lại ở chỗ nghiên cứu về lịch sử Thiền tông, cách hành Thiền thế nào? Ý nghĩa của hành Thiền ra sao? Thực sự chưa có tác phẩm nào đi sâu vào nghiên cứu về Thiền trong du lịch, phục vụ cho du lịch và du lịch Thiền vì đây là loại hình khá mới mẻ.

Ở Quảng Ninh, nơi được coi là có điều kiện để phát triển du lịch, nhưng trên địa bàn tỉnh hiện nay hầu hết là phát triển loại hình du lịch tự nhiên với tài nguyên du lịch biển (Vịnh Hạ Long, Trà Cổ, Vân Đồn...). Loại hình du lịch lễ hội chùa chiền (Yên Tử, Cửa Ông, Quỳnh Lâm, Cái Bầu...) cũng khá phát triển nhưng đơn giản chỉ là thăm quan, văn cảnh chùa, đền và làm lễ

dâng hương để cầu xin những điều may mắn, tốt đẹp cho bản thân, gia đình...Loại hình du lịch Thiền hầu như chưa phát triển ở Quảng Ninh mặc dù Quảng Ninh – Yên Tử là nơi xuất phát của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, nơi có hệ thống chùa chiền phong phú gắn liền với cảnh quan rừng núi tươi đẹp, nơi có hai Thiền viện là Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử và Thiền viện Giác Tâm – yếu tố quan trọng để phát triển du lịch Thiền.

Phát triển du lịch Thiền không làm mất đi vẻ thanh tịch, tính chất thiêng liêng, bản sắc văn hóa dân tộc và đang đòi hỏi nghiêm túc được đặt ra cho rất nhiều ngành, cấp, cá nhân những người làm du lịch và văn hóa.

Là một người con sinh ra và lớn lên trên quê hương Quảng Ninh, lại may mắn được học chuyên ngành Văn hóa du lịch tại Đại học Dân lập Hải Phòng, đã thôi thúc người viết lựa chọn đề tài “Du lịch Thiền – Hiện trạng và giải pháp phát triển ở Quảng Ninh” để đóng góp một phần sức lực nhỏ bé của mình vào sự nghiệp phát triển du lịch Quảng Ninh.

2. Mục đích nghiên cứu

- Luận giải những vấn đề về Thiền và du lịch Thiền nói chung
- Các loại hình du lịch thiền và thực trạng khai thác loại hình du lịch này ở Quảng Ninh
- Đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển loại hình du lịch thiền ở Quảng Ninh
- Nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch Thiền ở Quảng Ninh, xây dựng sản phẩm du lịch Thiền. Từ đó phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch Thiền của những địa phương có điều kiện.

3. Đối tượng nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu: Các tài nguyên về thiền, giá trị thiền như hệ thống các chùa chiền, danh thắng cảnh, văn hoá ẩm thực, trà đạo....có thể khai thác và phát triển du lịch Thiền ở Quảng Ninh.

- Đối tượng nghiên cứu: Hiện trạng và giải pháp phát triển du lịch Thiền ở Quảng Ninh.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Không gian nghiên cứu: đề tài giới hạn trong lãnh thổ tỉnh Quảng Ninh
- Nội dung nghiên cứu: đề tài tập trung nghiên cứu một số chùa tiêu biểu ở Quảng Ninh, trong đó chú trọng đến hiện trạng khai thác sản phẩm du lịch Thiền, từ đó đưa ra một số giải pháp khai thác có hiệu quả du lịch Thiền của Quảng Ninh.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích tổng hợp lý thuyết
- Phương pháp phân loại, hệ thống hóa lý thuyết
- Phương pháp thu thập số liệu và xử lý số liệu
- Phương pháp thống kê
- Phương pháp thực địa

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài lời mở đầu, kết luận, phụ lục và tài liệu tham khảo, phần nội dung gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung về du lịch Thiền

Chương 2: Hiện trạng khai thác sản phẩm du lịch Thiền ở Quảng Ninh

Chương 3: Một số giải pháp phát triển du lịch Thiền ở Quảng Ninh

CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DU LỊCH THIÊN

1.1. Khái niệm Thiên

Theo truyền thuyết Phật giáo thì đạo Phật ra đời vào thế kỉ VI TCN, người sáng lập đạo Phật là Xitđácta Gôtama (Siddharta Gautama), sau khi thành Phật được đệ tử gọi là Xakia Muni (Thích ca Mâu ni), là một hoàng tử, con vua Sutđôđana (Suddhodana) nước Kapilavaxtu ở chân núi Hymalaya (vùng đất bao gồm một phần miền Nam nước Nêpan và một phần các bang Utta, Prađesơ và Biha của Ấn Độ ngày nay).

Về niên đại của Phật, hiện nay đang có những ý kiến khác nhau. Có một số người cho rằng Phật sinh năm 563 và mất năm 483 TCN; một số người khác thì cho rằng Phật sinh năm 624 và mất năm 544 TCN. Tín đồ Phật giáo lấy năm 544 làm ngày Phật nhập Niết bàn.

Sau khi Phật tịch, đạo Phật được truyền bá nhanh chóng ở miền Bắc Ấn Độ. Để soạn thảo giáo lí, quy chế và chân chính về tổ chức, từ thế kỉ V – III TCN, đạo Phật đã triệu tập 3 cuộc đại hội ở nước Magađa, quốc gia lớn nhất ở Ấn Độ lúc bấy giờ. Từ nửa sau thế kỉ III TCN, tức là sau đại hội lần thứ ba, đạo Phật trước tiên được truyền sang Xri Lanca, sau đó truyền đến các nước khác như Myanma, Thái Lan, Indônêxia, Campuchia, Lào....

Phật giáo du nhập vào Việt Nam rất sớm. Có nhiều ý kiến khác nhau về sự du nhập Phật giáo vào Việt Nam nhưng theo các nhà nghiên cứu của giới sử học nước ta thì Phật giáo vào Việt Nam từ những năm đầu công nguyên, ý kiến thống nhất là thế kỉ II – III SCN.

Phật giáo đến Việt Nam từ hai phía Ấn Độ và Trung Quốc, hoặc là trực tiếp hoặc là gián tiếp qua các sứ trung gian như Campuchia, Lào, Chiêm Thành. Phật giáo Việt Nam hội tụ cả hai dòng Phật giáo chính là Đại thừa và Tiểu thừa, chịu ảnh hưởng của ba tông phái chính là Thiên tông, Tịnh Độ tông và Mật tông, trong đó Thiên tông là sâu sắc nhất. Đồng thời, Phật giáo Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của Nho giáo, Lão giáo, những phong tục tập quán

và tín ngưỡng dân gian, tạo ra những nét riêng biệt. Phật giáo Việt Nam đã có bề dày lịch sử gần 2000 năm với những bước phát triển thăng trầm khác nhau trong từng giai đoạn lịch sử. Trong quá trình đó, Phật giáo Việt Nam đã xây dựng cho mình truyền thống yêu nước, gắn bó với dân tộc, góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa dân tộc trong tư tưởng, đạo đức, phong tục tập quán, tâm lý, tình cảm, lối sống của nhân dân.

1.1.1. Thiền tông Việt Nam

Thiền là một tông phái thuộc Phật giáo Đại Thừa, khởi nguyên từ một phương pháp tu tập của Ấn Độ giáo và được Phật tử Thích Ca Mâu Ni sử dụng như một cách thức tư duy để chứng nghiệm chân lý.

Giáo lý để phân biệt Thiền tông với các tông phái đạo Phật còn lại đó là “Tâm tông truyền riêng ngoài giáo lý” điều này xuất phát từ điển tích: khi Phật sắp nhập Niết bàn, e rằng đời mắc vào lỗi lầm nên có bảo Văn Thù Bồ tát rằng: Ta rông rã 49 năm chưa từng thuyết pháp một chữ nào. Lại bảo ta có thuyết pháp gì chăng? Nhân tiện tay cầm cành hoa giơ lên, mọi người không hiểu, chỉ có Ca Diếp tôn giả mỉm cười. Phật biết ông hội ý tâm hợp mới đem chính pháp truyền cho.

Như thế Ca Diếp là tổ thứ hai tiếp nối con đường đức Phật để truyền bá “yên lặng hùng biện” của người. Sau Ca Diếp, Ấn Độ có ghi nhận 26 vị tổ sư khác và vị tổ sư thứ 28 – người có công nối liền tư tưởng Phật giáo Ấn Độ với Phật giáo Trung Hoa là Bồ Đề Đạt Ma.

Thế kỷ VI, vị tổ thứ 28 của Phật giáo là Bồ Đề Đạt Ma khi truyền đạo Phật từ Ấn Độ sang Trung Hoa đã đưa phép Thiền theo. Tại đây, phép Thiền và triết lý Phật giáo đã hấp thụ nền văn hóa Trung Hoa, kết hợp với những tư tưởng của Đạo giáo trở thành một tông giáo lớn.

Thế kỷ VI-VII cũng là thời kỳ mà tại Trung Hoa, Phật pháp là đối tượng tranh cãi của nhiều tông phái. Và để đối lại với khuynh hướng “triết lý hóa” của các tông phái khác, các Thiền sư đã chủ trương không xây dựng nghi thức tôn giáo, lý luận về giáo pháp mà chỉ quan tâm tới kinh nghiệm chứng ngộ,

hành giả trực ngộ để nhận ra được bản thể của sự vật và đạt giác ngộ. Người có công phát triển Thiền trở thành một tông giáo phổ biến rộng rãi tại Trung Hoa là Thiền sư Huệ Năng (638-713) - vị tổ thứ 6 của đạo Thiền.

Thiền Trung Hoa tiếp tục được truyền qua 5 đời sư tổ lần lượt là: Huệ Khả, Tăng Xán, Đạo Tín, Hoàng Nhãn, Huệ Năng. Đến đời Huệ Năng, Thiền được chia làm hai phái Nam tông và Bắc tông. Phái Bắc tông do Thần Tú sư huynh của Huệ Năng phổ độ, chủ trương “tiệm ngộ” giác ngộ dần dần trong khi phái Nam tông do Huệ Năng phổ độ chủ trương “đốn ngộ” giác ngộ ngay tức khắc. Phái Nam tông phát triển ngày càng rộng rãi và chia thành 5 dòng nhỏ: Lâm Tế, Quy Như, Tào Động, Pháp Nhãn, Vân Môn.

Tới thời Đường và đầu thời Tống, Thiền tại Trung Hoa được chia làm nhiều tông phái. Tiêu biểu là Ngũ gia thất tông (năm phái bảy tông) gồm: Tào Động tông, Vân Môn tông, Pháp Nhãn tông, Quy Ngưỡng tông, Lâm Tế tông và hai bộ phận của Lâm Tế tông là Dương Kỳ phái và Hoàng Long phái. Thời kỳ này, Thiền không chỉ là một tôn giáo phổ biến mà còn trở thành một triết lý sống có ảnh hưởng mạnh mẽ tới mọi mặt của đời sống xã hội Trung Hoa. Đây cũng là thời kỳ Thiền tông được truyền sang các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam (mặc dù trước đó, từ thế kỷ 6, Thiền tông đã được truyền sang Việt Nam từ Ấn Độ, nhưng Thiền tông Trung Quốc thì phải tới thời kỳ này mới được phổ biến tại Việt Nam).

Khi được truyền sang các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam, Thiền tông nhanh chóng được nhiều người theo. Nhiều dòng Thiền mới được thiết lập. Lúc này, Thiền đã trở thành một lối tư duy, một triết lý sống có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

Ở Việt Nam, Thiền giáo được truyền vào từ rất sớm. Dòng Thiền tu thứ nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam do nhà sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinītaruci) truyền sang. Ông là người Ấn Độ, qua Trung Quốc rồi đến Việt Nam truyền đạo tại Chùa Dâu (Bắc Ninh) vào năm 580. Sau đó truyền cho

thiền sư Pháp Hiền người Việt Nam, mở đầu cho dòng Thiền tông giáo ngoại biệt truyền vào Việt Nam, dòng Thiền này truyền được 19 thế hệ.

Dòng thiền tu thứ hai do Thiền sư Vô Ngôn Thông, người Trung Quốc truyền sang vào thế kỷ IX. Năm 820 Vô Ngôn Thông đã qua Việt Nam và đã ở chùa Kiến Sơ (làng Phù Đổng – Tiên Đức – Bắc Ninh) bắt đầu truyền bá giáo lí. Người kế nghiệp ông là Cảm Thành, dòng Thiền này truyền được 17 đời.

Dòng thiền thứ ba do Thảo Đường, người Trung Quốc, vốn là tù binh bị bắt tại Chiêm Thành và được vua Lý Thánh Tông giải phóng khỏi kiếp nô lệ và cho truyền đạo tại chùa Khai Quốc (nay là chùa Trấn Quốc - Hà Nội) vào năm 1069. Đệ tử theo học rất đông trong đó có cả chính vua Lý Thánh Tông, lập nên dòng Thiền thứ ba truyền được 6 đời. Thiền tông thời Lý mang một đặc trưng dễ nhận thấy đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn đạo Thiền với Nho giáo, Tịnh Độ tông.

Sang thời Trần có vua Trần Nhân Tông từng nghiên cứu về Phật học dưới sự hướng dẫn của thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ. Sau khi ngài xuất gia năm 1299 đã lên tu trên núi Yên Tử, đã thống nhất các Thiền phái tồn tại trước đó ở Việt Nam và lập nên Thiền phái Trúc Lâm – dòng Thiền của người Việt Nam với ông tổ là người Việt Nam. Các sư Pháp Loa, Huyền Quang, là tổ thứ hai, thứ ba của Thiền phái này.

Sau này, ở Việt Nam còn xuất hiện một số thiền phái khác từ Trung Hoa sang như Tào Động (thời Trịnh - Nguyễn), phái Liên Tôn (thế kỷ XVI-XIX), phái Liễu Quán (thế kỷ XVIII) và phái Lâm Tế (thời Nguyễn).

1.1.2. Khái niệm Thiền

Thiền là từ chữ Hán, đọc đủ là Thiền na, có xuất xứ từ tiếng Pàli *Jhàna*, có nghĩa là gom tâm lại, nhiếp tâm lại. Tuy nhiên, ngữ căn *Jhà* lại có liên quan đến ý nghĩa thiêu đốt.

Về sau, về phía Trung hoa, người ta gán thêm từ phía sau như Thiền quán, Thiền định, Thiền tọa, Thiền tông, Thiền khách, Thiền đường, Thiền

su... Ít ai dùng cả hai âm Thiền na như xưa.

Tuy nhiên, ý nghĩa chính của Thiền vẫn là sự thực hành đưa đến tâm trí an tĩnh, không xuất hiện ý nghĩ, không dấy động tình cảm, và vẫn sáng suốt.

Người ta vẫn liên hệ Thiền với tư thế ngồi kiết già bất động vì từ đức Phật cho đến các vị thánh nhân đều ngồi Thiền với tư thế đó.

Sự phát triển rộng hơn cho phép người ta thực hành Thiền khi đi bộ thong thả, đúng phương pháp. Còn đối với những người có khả năng giữ được tâm, kiểm soát tâm thường xuyên thì được gọi là người biết Thiền trong bốn oai nghi đứng đi nằm ngồi.

Thiền được định nghĩa với nhiều cách khác nhau như sau:

Định nghĩa Thiền là công việc làm an định: Nếu định nghĩa Thiền là một công việc làm an định nội tâm thì Thiền là một động từ. Đó là sự thực hành, sự tu tập của nội tâm, không mang ý nghĩa hành động của thân thể bên ngoài.

Nếu có những phương pháp kết hợp việc tu tập nội tâm với các động tác của cơ thể thì các động tác đó cũng chỉ là phụ, việc thực hành bên trong tâm mới là điểm chủ yếu. Ví dụ như kinh hành (Thiền đi), trà đạo (Thiền uống trà), cung đạo (Thiền bắn cung)...

Khi nói rằng Thiền trong mọi oai nghi, mọi hoàn cảnh có nghĩa là luôn cố gắng làm cho tâm được thanh tịnh trong khi đang làm việc hay đang giải quyết công việc bên ngoài. Hành giả phải giống như chia tâm ra làm hai, một dành để giải quyết công việc, một dành để kiểm soát tâm. Tuy cực khổ, nhưng công đức tu hành như vậy rất sớm.

Định nghĩa Thiền là trạng thái của một nội tâm an định: định nghĩa thứ hai này cho Thiền có ý nghĩa một danh từ. Đó là một trạng thái nội tâm đã thay đổi khác với lúc còn xao động. Tuy nhiên tùy theo mức độ bớt vọng tưởng mà tâm sẽ có những trạng thái khác nhau.

Không bao giờ Thiền có nghĩa là nội tâm yên lặng và mờ mịt. Thiền luôn luôn phải vừa không vọng tưởng, vừa tỉnh giác. Đó là lý do tại sao khi bắt đầu tu tập Thiền chúng ta phải tập biết toàn thân, biết hơi thở, biết nội

tâm...Vọng tưởng được hóa giải, được kiểm soát bởi cái biết chứ không phải bởi sự tránh né hay che lấp. Ưu điểm của việc biết rõ vọng tưởng là càng đi sâu, ta càng phát hiện những sai lầm trong đạo đức của mình để sửa chữa. Nhưng phương pháp tránh né hay che lấp thì không có được ưu điểm này.

Định nghĩa Thiền là cả một đời sống đẹp: với định nghĩa thứ ba, Thiền là một bức tranh tổng thể của một đời sống tốt đẹp trên nhiều phương diện. Dĩ nhiên căn bản của Thiền vẫn là một nội tâm an tĩnh, nhưng người ta vẫn đòi hỏi Thiền cũng phải là cả một đời sống thánh thiện, chuẩn mực, mà vẫn ung dung, đầy trí tuệ, khôn ngoan.

Thiền là một thuật ngữ được nhiều tôn giáo sử dụng để chỉ những phương pháp tu tập khác nhau, nhưng với một mục đích duy nhất là: đạt kinh nghiệm “Tỉnh giác”, “Giải thoát”, “Giác ngộ”.

Dấu hiệu chung của tất cả các dạng tu tập Thiền là sự hướng dẫn con người đạt một tâm trạng tập trung, lắng đọng, như là một hồ nước mà người ta chỉ có thể nhìn thấu đến đáy nếu mặt nước không bị xao động.

Tiến sĩ khoa tâm lí học kiêm Thiền sư người Anh David Fontana viết tóm tắt rất hay về thế nào là Thiền: "Thiền không có nghĩa là ngủ gục; để tâm chìm lặng vào cõi hôn mê; trốn tránh, xa lìa thế gian; vị kỉ, chỉ nghĩ tới mình; làm một việc gì không tự nhiên; để rơi mình vào vọng tưởng; quên mình ở đâu. Thiền là: giữ tâm tỉnh táo, linh động; chú tâm, tập trung; nhìn thế giới hiện hữu rõ ràng như nó là; trau dồi tấm lòng nhân đạo; biết mình là ai, ở đâu."

Thiền là một trạng thái tâm thức không thể định nghĩa, không thể miêu tả và phải do mỗi người tự nếm trải. Trong nghĩa này thì Thiền không nhất thiết phải liên hệ với một tôn giáo nào cả - kể cả Phật giáo. Trạng thái tâm thức vừa nói đã được các vị thánh nhân xưa nay của mọi nơi trên thế giới, mọi thời đại và văn hoá khác nhau trực nhận và miêu tả bằng nhiều cách. Đó là kinh nghiệm giác ngộ về thế sâu kín nhất của thật tại, nó vừa là thế của Niết-bàn và vừa của Luân hồi, sinh tử. Vì vậy, Toạ thiền không phải là một

phương pháp đưa con người đi từ vô minh đến giác ngộ, mà là giúp con người khám phá bản thể thật sự của mình đang mỗi lúc hiện diện.

Thiền là tỉnh thức để nhận biết tất cả nhưng không bị mắc vào sự yêu ghét và thản nhiên trước mọi mọi việc. Sống Thiền là buông bỏ mọi ràng buộc, mọi định kiến, thói quen, khuynh hướng, các gò bó tâm khiến con người cảm thấy khổ và qua đó ta trở nên thực sự minh mẫn và được sống tự do, thoải mái trong sự hoà đồng với tự nhiên.

Thiền thực chất là đơn giản hơn mọi người thường nghĩ. Hầu hết chúng ta đều đã ít nhiều trải qua khoảnh khắc của Thiền. Đó là những khi chúng ta một cách vô thức hoàn toàn tập trung cao độ vào một việc gì đó và lắng nghe được hơi thở của mình, hay dường như nín thở. Khi đó, vô hình chung chúng ta đã giải phóng trí não khỏi toàn bộ những ý nghĩ lộn xộn vốn thường xuyên xâm chiếm tâm trí. Ngày nay chúng ta tiêu hao năng lượng chủ yếu do việc suy nghĩ, do tư duy và tâm trí nhiều lúc bị tràn ngập những tạp niệm bởi tâm trí không theo sự kiểm soát của lý trí. Đó là nguyên nhân chủ yếu làm cho chúng ta cảm thấy mệt mỏi căng thẳng, khiến trong lòng bất an và ở mức độ trầm trọng hơn là dẫn đến những chứng bệnh có nguyên nhân sâu xa do yếu tố thần kinh, như bệnh trầm cảm, bệnh dạ dày, bệnh tim mạch... Thiền là kỹ thuật để chúng ta luyện và làm chủ cả thân và tâm.

Trong Phật giáo, chữ Thiền được dùng để chỉ định hai cách thực tập. Đó là “Thiền định” (samatha), và “Thiền Minh Sát” (Vipassana).

Thiền định (Samatha) là cách tập trung tư tưởng vào một sự vật và không để bị chi phối bởi gì khác. Đây là cách tập thích hợp cho người mới tập thiền. **Thiền Vipassana (Minh Sát)** hoặc “**Thiền quán**” là kỹ thuật thiền khoa học và độc đáo của Phật giáo nguyên thủy. Trong thiền Vipassana người tập chỉ cần sống trọn vẹn với giây phút thực tại, không cần phải chọn đề mục đặc biệt để tập chú tâm, hoặc phải hòa nhập với chúng. Với phương pháp này, chỉ cần chú tâm, tỉnh thức để quan sát mọi hiện tượng mà không kèm theo một định kiến chủ quan về nó cũng như không chủ động tác ý lên sự vật đang

quan sát để hiểu đúng bản chất như nó là. Thiền Vipassana là một trạng thái tỉnh thức, nhận biết rất rõ ràng bất cứ ý niệm, tình cảm hay cảm giác nào từ tất cả các giác quan đang khởi lên mà không có phản ứng gì.

Thiền và Yoga

Thiền và Yoga là liệu pháp hữu hiệu để cân bằng giữa cuộc sống vật chất và tinh thần, giải quyết những vấn nạn, những căn bệnh chung của thời đại. Thiền và yoga vốn xuất phát từ Phương Đông như các phương pháp tập luyện để đưa con người tiến tới giác ngộ giải thoát hay hoà đồng với vũ trụ, nhưng ngày nay đã phổ biến khắp trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống như một môn thể thao để rèn trí não và thân thể. Ngoài việc để tăng cường sinh lực, có được cuộc sống quân bình, giữa đời sống vật chất và tinh thần, tại các nước phát triển Thiền và Yoga đang được áp dụng một cách rộng rãi như một liệu pháp hữu hiệu để nâng cao hiệu suất lao động trí óc trong mọi giới, từ chính khách, đến nghệ sĩ, doanh nhân, công chức...

Yoga là gì? Yoga là phương pháp đặt thể xác và hô hấp vào trong các tư thế, trạng thái đặc biệt (asana) dưới sự kiểm soát khắt khe của ý thức, nhằm tìm lại sự quân bình với toàn thể.

Điểm tương đồng giữa thiền Vipassana và Yoga Phật giáo Tây Tạng là khi tập Yoga, con người tỉnh thức, chú tâm rõ ràng đến cơ thể, làm cơ thể thoải mái, thân ái và tốt với cơ thể, dùng những bài thực tập Yoga để cảm thấy giây phút hiện tại. Đây là vài khía cạnh Yoga tương quan với Thiền.

Thiền là một trong những phương pháp của Yoga. Nhưng khi tọa Thiền ta cần phải chọn nơi thanh tịnh, ngồi đúng tư thế, điều chỉnh hơi thở, minh tưởng, thống nhất, an định.

Thiền cùng yoga là gì?

Thật không phải là việc dễ dàng đối với đa số khi bắt đầu thử ngồi tĩnh tại, nhắm mắt để tập hành Thiền bởi tâm trí còn ngổn ngang và thân thể đang mỏi mệt. Kết hợp Thiền cùng Yoga sẽ giúp con người khắc phục điều này.

Thiền xuất phát từ luyện tâm trong tĩnh lặng (âm). Còn Yoga bắt đầu từ rèn thân và thiên về động (dương). Thiền cùng Yoga là phương pháp kết hợp thiền Vipasana trong các tư thế *đơn giản* nhất của Yoga để giúp chúng ta đạt trạng thái cân bằng một cách *dễ dàng* nhất. Đây là sự kết hợp hài hoà giữa âm và dương, cương và nhu, động và tĩnh, trong và ngoài. Thiền cùng Yoga là liệu pháp hữu hiệu có tác dụng nhanh chóng và hiệu quả lâu dài nhằm giúp con người chuyển hoá tích cực cả thân và tâm, đưa chúng ta về trạng thái quân bình sáng khoái, minh mẫn và hợp với lẽ tự nhiên của trời đất. Thực tập Thiền cùng Yoga là cách đầu tư dễ dàng và hiệu quả để khai thác và phát triển một tối ưu và bền vững mọi tiềm năng sẵn có trong chính con người nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng cuộc sống.

1.1.3. Vai trò của Phật giáo trong đời sống tâm linh người Việt

Ở Việt Nam, Phật giáo vẫn là một tôn giáo lớn, có sức hấp dẫn đối với đa số quần chúng nhân dân. Theo các nhà nghiên cứu tôn giáo, tiềm năng tinh thần của đức tin giúp con người cân bằng, hài hòa hơn trong mối quan hệ với thế giới và bản thân mình, giúp cho hiện thực trở nên hoàn hảo và mang tính người hơn.

Thế kỷ 20 đã trôi đi trong lời tiên tri của Blavatski – Một thành viên của Hội Thông Thiên học thế giới – “thế kỷ của sự tiến bộ tri thức nhưng suy thoái tâm linh”. Đầu thế kỷ 21, con người lại chứng kiến những đổi thay đến chóng mặt của cuộc sống hiện tại với những nghịch lý ngày càng sâu sắc: con người vươn tới toàn cầu, vươn tới tầm cao và chiều sâu của vũ trụ nhưng lại xa lạ với đồng loại, hiểu sâu sắc hơn những bí ẩn của thế giới vật chất vi mô và vĩ mô nhưng lại bất lực trước những bí ẩn ngay trong đời sống tâm linh của mình.

Toàn cầu hóa với sự phát triển của khoa học tác động tới sự phát triển nhiều mặt trong đời sống xã hội nhưng lại dẫn tới nguy cơ hủy diệt loài người bởi chiến tranh hạt nhân, ô nhiễm môi trường, bệnh hiểm nghèo...Nên văn minh vật chất một mặt đáp ứng tốt hơn cho những nhu cầu của con người,

mặt khác lại khiến cho nhiều người bị tha hóa, tự đánh mất mình, trở thành nô lệ cho những ràng buộc vật chất. Một nhà báo Mỹ đã so sánh rằng: về mặt vật lý, nhân loại đang ở trong thời đại nguyên tử nhưng về mặt tâm lý học thì lại đang đứng ở thời kỳ đồ đá, giống như một người chân buộc vào máy bay phản lực còn chân kia buộc vào chiếc xe bò kéo.

Phật giáo cho rằng khổ đau của con người chưa chấm dứt bởi sự giằng co giữa quá khứ và hiện tại, truyền thống và hiện tại, tín ngưỡng và khoa học, tâm linh và vật chất... Trong một thế giới tiến lên không ngừng, cá nhân mỗi con người không thể không hướng ra bên ngoài, hội nhập với nền văn minh nhân loại để không bị tụt hậu. Nhưng nỗi cô đơn trong hiện hữu và những khổ đau trần thế lại khiến cho con người phải hướng vào trong, tìm lối thoát tâm linh...

Trong xã hội Việt Nam xưa, khi con người phải chịu nhiều khổ đau của chế độ bóc lột, của phong kiến, thực dân, đế quốc xâm lược, khi những người dân lao động nghèo khổ không tìm được bất cứ một quyền lợi nào trong xã hội, khi mất niềm tin họ đã tìm đến tôn giáo như một sự an ủi, tìm một chỗ dựa ở thế giới huyền ảo.

Trong xã hội Việt Nam ngày nay, khi xã hội đã rất phát triển, con người có mọi quyền lợi và điều kiện phát triển toàn diện; nhưng vẫn còn những rủi may, bấp bênh của cơ chế thị trường và nỗi cô đơn hiện hữu trong xã hội công nghiệp hiện đại... Kết quả điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam cho thấy: 21% thanh niên đã từng cảm thấy thất vọng về tương lai, 25,3% buồn đến nỗi không thể hoạt động bình thường, 32,4% buồn về cuộc sống nói chung (Báo Giáo dục và Thời đại số 107).

Ảnh hưởng sâu sắc nhất của Phật giáo là đối với người Việt Nam hiện nay vẫn là ảnh hưởng tinh thần, tâm linh. Xét tới cùng, con người tìm đến tôn giáo chính là để thỏa mãn nhu cầu tâm linh, để chạy trốn khỏi nỗi cô đơn, nỗi sợ hãi sự ngưng đọng, trì trệ, thất bại trong cuộc đời, để được đáp ứng khát vọng giải thoát khỏi trạng thái mất niềm tin, lạc hướng. Phật giáo đã thực hiện

chức năng bù đắp tâm linh, khắc phục khoảng trống tâm tư bằng việc tạo dựng cho con người niềm tin vào chính bản thân mình. Từ niềm tin vào bản thân, con người có thêm sức mạnh để cải tạo thế giới và cải tạo bản thân mình, “nhân hóa” hiện thực, giúp cho hiện thực hoàn hảo hơn.

Với niềm tin tuyệt đối vào con người, Phật giáo chỉ ra con đường giải thoát khỏi khổ đau là sự tự khai phóng những năng lực tinh thần từ trong chiều sâu tâm thức mỗi con người bằng trí tuệ và đạo đức. Từ quan niệm: “vạn pháp duy tâm tạo”, Phật giáo đi tới khẳng định: giải thoát là tự cởi bỏ ách nô lệ tinh thần trong chính tâm mình, đưa cái tâm trở về trạng thái vô tâm, trong trẻo, tròn trịa, không tì vết, phẳng lặng như mặt hồ không gợn sóng. Đó là con đường vươn tới cái chân (hiểu đúng thực tướng của vạn vật), cái thiện (suy nghĩ thiện, hành động thiện) và cái mỹ (vươn tới cái đẹp vĩnh hằng của cõi Niết Bàn). Giải thoát tâm linh bằng nỗ lực tự thân là nét độc đáo của Phật giáo.

Bởi thế, Phật giáo với cái nhìn sâu sắc về đời sống tâm linh và lời kêu gọi khai phóng những năng lực tâm linh cá nhân để giải thoát khổ đau nhân thế vẫn có giá trị tham khảo và thực hành trong xã hội hiện đại. Khẳng định sức mạnh tự giải thoát có trong mỗi con người, Phật giáo đã tiếp thêm cho con người niềm tin vào chính bản thân mình, khuyến khích, động viên con người vươn tới hạnh phúc và tự do. Niềm tin ấy giúp con người khắc phục tư tưởng ỷ lại người khác hay thái độ nhần nhục chịu đựng để làm chủ cuộc đời mình. Trên thực tế, nếu không có niềm tin vào bản thân thì con người không bao giờ có được sự giải thoát thực sự. Trong mọi sự đổi thay của xã hội, con người cần có sự tự giác cao để hành động.

Con người Việt Nam hôm nay tìm về với đạo Phật cũng là để khắc phục sự xung đột giữa cái tôi cá nhân và thực tế cuộc sống, làm dịu đi những ham muốn nhục dục, giải thoát trạng thái tâm lý khổ đau, đạt tới tự do nội tâm. Trong xã hội hiện đại, không ít người bị cuốn vào cơn lốc của nền văn minh vật chất và văn hóa ngoại lai. Cơ chế thị trường là cơ chế của sự mua bán, trao

đổi hàng hóa nên các đối tượng, các quan hệ, kể cả quan hệ tình cảm vô hạn, vô hình cũng trở thành hữu hạn, hữu hình để bị đặt lên cán cân trao đổi. Điều này dẫn tới nghịch lý là con người giàu lên về vật chất nhưng lại nghèo đi về tinh thần và tình cảm. Phật giáo và tinh thần giải thoát ít nhiều có thể giúp con người tham khảo để lập lại trạng thái quân bình trong đời sống, cũng tránh lối sống đam mê dục lạc, cơ hội thực dụng trong cơ chế thị trường, giúp con người điều chỉnh hành vi, bớt phần tham lam, vị kỷ để hướng tới sự vị tha, nhân ái nhiều hơn, dạy con người một thái độ sống phù hợp trước những bất trắc của đời sống.

Thiền là một trong những giá trị lớn của Phật giáo. Hiện nay Pháp thiền của Phật giáo được nhiều người trên thế giới thực hành. Thiền một mặt là phương pháp dưỡng sinh để phòng và chữa bệnh, mặt khác là phương pháp giúp con người đạt tới trạng thái cân bằng nội tâm, giảm tải sự căng thẳng thần kinh, giải tỏa stress. Con người tìm thấy sự giải thoát khổ đau qua việc đi xuyên qua chiều sâu nội tâm, đánh thức cái tâm thức thăm thẳm trong bản thể mỗi con người, cái mà Phật giáo Đại thừa gọi là “Trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật”.

Bằng hành Thiền, con người có thể cởi bỏ những ràng buộc quá tải của đời sống, vượt qua những vọng tưởng sai lầm, qua tầng băng nổi của ý thức để nhập vào chiều sâu vô thức, đạt tới bản thể tuyệt đối, hòa nhập làm một với đại ngã vô biên – một trạng thái đỉnh cao của giải thoát. Tâm hồn con người trở nên thanh thản, độ lượng; trí tuệ sáng suốt, nhạy bén hơn. Bản ngã được giải phóng khỏi cái tôi ích kỷ, thấp hèn để giao cảm, hòa đồng với cuộc đời. Cuộc sống của mỗi người vì thế mà nhẹ nhàng, khoáng đạt, công việc đạt hiệu quả cao hơn; quan hệ giữa người với người độ lượng, nhân ái hơn.

Ở Việt Nam, trong số những người áp dụng phương pháp hành Thiền của Phật giáo, có một số người thuộc giới trí thức (hội Thiền của giới trí thức chiếm 0,7% các hội Thiền). Thiền giúp họ tĩnh lặng, giải thoát khỏi những quay cuồng, náo nhiệt của đời sống, đánh thức tiềm năng sáng tạo trong mỗi

con người. Tuy nhiên, hành Thiền đòi hỏi một thái độ kiên trì, bền bỉ. Vì vậy, ở một số người cực đoan, việc hành Thiền tốn quá nhiều thời gian, khiến họ xao nhãng công việc và yêu cầu thực tế. Mặt khác, một số người nhấn mạnh quá mức tính chất siêu lý trí của Thiền, hạ thấp tư duy logic thông thường nên đã thể hiện lối suy nghĩ bất thường, lập dị. Điều này khiến đạo Phật trở nên huyền bí, xa lạ và khó hiểu đối với người bình dân.

Nhìn chung, Phật giáo đang có ảnh hưởng tới mọi bình diện của đời sống người Việt Nam hiện nay. Khắc phục những thiếu hụt thực tại và khoảng trống tâm linh của thời đại, Phật giáo giữ vai trò bù đắp tâm linh, lập lại trạng thái cân bằng, hài hòa, khai phóng năng lực tâm linh từ trong chiều sâu tâm thức mỗi con người. Với vai trò này, Phật giáo đã góp phần bổ sung, hoàn thiện hơn lý luận về con đường giải phóng con người trong thời đại ngày nay.

1.2. Khái niệm du lịch và du lịch Thiền

1.2.1. Khái niệm du lịch

Ngày nay, du lịch đã trở thành một hiện tượng kinh tế xã hội phổ biến không chỉ ở các nước phát triển mà còn ở các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên cho đến nay, không chỉ ở nước ta, nhận thức về du lịch vẫn chưa thống nhất. Trước thực tế phát triển của ngành du lịch về mặt kinh tế cũng như trong lĩnh vực đào tạo, việc nghiên cứu, thảo luận để đi đến thống nhất một số khái niệm cơ bản về du lịch là điều cần thiết.

Do hoàn cảnh (thời gian, khu vực) khác nhau, dưới mỗi góc độ khác nhau, mỗi người có một cách hiểu về du lịch khác nhau. Đúng như một chuyên gia nhận định “đối với du lịch, có bao nhiêu tác giả nghiên cứu thì có bấy nhiêu định nghĩa”.

Thuật ngữ “du lịch” được bắt nguồn từ tiếng Hi Lạp có nghĩa là đi một vòng, trong Tiếng Việt thuật ngữ này được dịch thông qua tiếng Hán có nghĩa là đi chơi, du lịch có nghĩa là từng trải. Tuy nhiên người Trung Quốc gọi du lịch là du lãm với nghĩa là đi chơi để nâng cao nhận thức.

Sau đây là một số khái niệm:

Theo Ausher “du lịch là nghệ thuật đi chơi của các cá nhân”.

Năm 1963 với mục đích quốc tế hóa, tại hội nghị Liên Hợp Quốc về du lịch các chuyên gia đã đưa ra định nghĩa về du lịch như sau: “Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ, hiện tượng và các hoạt động kinh tế bắt nguồn từ các cuộc hành trình và lưu trú của cá nhân hay tập thể ở bên ngoài nơi ở thường xuyên của họ hay ngoài nước họ với mục đích hòa bình. Nơi đến lưu trú không phải là nơi ở thường xuyên của họ”.

Khác với quan điểm trên, các tác giả *Bách khoa toàn thư* lại tách nội dung của du lịch thành hai phần riêng:

Theo nghĩa thứ nhất: Du lịch là một dạng nghỉ dưỡng, tham quan tích cực của con người ngoài nơi cư trú với mục đích nghỉ ngơi, giải trí, xem danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa nghệ thuật...

Theo nghĩa thứ hai: Du lịch được coi là một ngành kinh doanh tổng hợp có hiệu quả cao về nhiều mặt, nâng cao hiểu biết về tự nhiên, truyền thống, lịch sử, văn hóa dân tộc từ đó góp phần làm tăng thêm tình yêu đất nước, đối với người nước ngoài là tình hữu nghị đối với dân tộc mình; về mặt kinh tế du lịch là lĩnh vực kinh doanh mang lại hiệu quả rất lớn có thể coi là hình thức xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tại chỗ.

Theo quan điểm của *Tổ chức thương mại thế giới WTO*: “ Du lịch là một tập hợp các hoạt động và các dịch vụ đa dạng liên quan đến việc di chuyển tạm thời của con người ra khỏi nơi cư trú thường xuyên của họ nhằm mục đích tiêu khiển, nghỉ ngơi văn hóa, nghỉ dưỡng và nhìn chung là nhiều lí do không phải kiếm sống ”.

Luật du lịch Việt Nam , tại chương I, điều 10 định nghĩa: Du lịch là hoạt động của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong thời gian nhất định.

Tóm lại ta có thể hiểu du lịch như sau:

- Sự di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú nhằm mục đích phục hồi sức khỏe, nâng

cao tại chỗ nhận thức về thế giới xung quanh, có hoặc không kèm theo việc tiêu thụ một số giá trị tự nhiên, kinh tế, văn hóa và dịch vụ do các cơ sở chuyên nghiệp cung cấp.

- Một lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu nảy sinh trong quá trình di chuyển và lưu trú qua đêm tạm thời trong thời gian rảnh rỗi của cá nhân hay tập thể ngoài nơi cư trú với mục đích phục hồi sức khỏe, nâng cao nhận thức tại chỗ về thế giới xung quanh.

1.2.2. Khái niệm du lịch Thiền

Do du lịch Thiền là một loại hình du lịch mới xuất hiện nên hiện nay vẫn chưa có khái niệm cụ thể về du lịch Thiền.

Du lịch Thiền có thể hiểu một cách chung như sau: du lịch Thiền – Zen tourism (hay Zen Tour) là hình thức tổ chức cho khách du lịch tham gia vào các hoạt động văn hóa mang tính Thiền nhằm giúp con người thư giãn hay nhận diện ra một lối sống mới thông qua nhiều hình thức: luyện yoga, văn cảnh chùa, uống trà đạo, cắm hoa, vẽ tranh Thiền, thăm zen spa, sống cuộc sống của thầy tu đạo Thiền.

1.3. Các sản phẩm du lịch Thiền

Du lịch Thiền được hiểu là loại hình du lịch mà ở đó con người có thể hưởng thụ những sản phẩm văn hóa và tinh thần của một vùng, một quốc gia hay của cả nhân loại. Các tài nguyên Thiền được khai thác phục vụ hoạt động du lịch trở thành sản phẩm du lịch Thiền. Vậy sản phẩm du lịch Thiền tạm chia thành hai loại:

- Hệ thống các thiền viện, chùa chiền
- Các loại hình văn hóa, nghệ thuật chịu ảnh hưởng của tư duy Thiền và triết lý Thiền: thơ Thiền, tranh Thiền, tượng thiền, nghệ thuật thưởng thức trà, nghệ thuật ẩm thực, nghệ thuật sắp đặt vườn nhà, nội thất, môn võ thái cực trường sinh đạo.

Các sản phẩm du lịch Thiền trên đã tạo ra các chương trình du lịch Thiền cơ bản:

- Tham quan các thiền viện, các công trình kiến trúc thiền, kết hợp luyện Yoga, chữa bệnh...
- Tham gia vào cuộc sống, sinh hoạt giống như các Thiền sư
- Thường thức, chiêm ngưỡng, cảm nhận những nét đặc sắc của các loại hình nghệ thuật Thiền như cắm hoa, trà đạo, bonsai, ngắm hoa, ẩm thực, họa Thiền...

1.4. Vai trò du lịch Thiền trong hoạt động du lịch

Du lịch Thiền là loại hình du lịch đã xuất hiện ở các nước Châu Á và đã khá phát triển, nhưng ở Việt Nam đây dường như là một loại hình du lịch mới mẻ, song nó có nhiều khả năng để phát triển.

Du lịch Thiền có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch:

- Tạo ra sản phẩm du lịch mới, bền vững và hấp dẫn. Góp phần làm phong phú, đa dạng thêm hệ thống sản phẩm du lịch.

- Khắc phục hậu quả của tính thời vụ trong kinh doanh du lịch. Hầu hết các loại hình du lịch khác như du lịch biển, du lịch văn hóa, du lịch mạo hiểm...đều có tính thời vụ, nhưng du lịch Thiền là loại hình du lịch không có tính thời vụ, người ta có thể đi du lịch Thiền bất kì thời gian nào trong năm vì Thiền không phụ thuộc vào sự thay đổi hay điều kiện của khí hậu.

- Tạo nhiều khả năng phát triển của ngành du lịch, mang lại lợi nhuận và doanh thu mới vì du lịch Thiền hiện tại và tương lai là nhu cầu cần thiết của con người. Khách du lịch sẽ muốn tìm lại cảm giác an tĩnh, tự tại, tìm lại thăng bằng cho cuộc sống đầy bon chen, xô bồ trong thời đại công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phát triển du lịch sẽ quay lại củng cố, phát triển bền vững các giá trị văn hóa, nghệ thuật Thiền, các di tích, thắng cảnh chùa, thiền viện.

- Phát huy và sử dụng một cách có hiệu quả hơn nguồn tài nguyên du lịch nhân văn như: hệ thống các chùa chiền, thiền viện, các giá trị nghệ thuật hội họa, điêu khắc, thư pháp, trà đạo.....cũng như khai thác được các giá trị cảnh quan thiên nhiên hấp dẫn khác, các giá trị Phật giáo phương Đông.

- Du lịch Thiền là loại hình du lịch thân thiện với môi trường, phát triển du lịch Thiền làm cho thiên nhiên được bảo vệ tốt hơn, là điều kiện để tiếp tục phát triển du lịch trong giai đoạn hiện tại và tương lai.

- Việc tìm hiểu các sản phẩm du lịch Thiền góp phần nâng cao nhận thức của người dân về Thiền, giá trị Phật giáo phương Đông, từ đó làm cho họ có ý thức trong việc bảo vệ, giữ gìn các giá trị văn hóa, nghệ thuật cũng như các công trình kiến trúc, không gian Thiền. Đồng thời làm phong phú cho diện mạo đời sống xã hội, tăng tính cố kết cộng đồng và khơi dậy lòng tự hào dân tộc.

1.5. Du lịch Thiền ở một số nước Châu Á và một số tỉnh, thành phố Việt Nam

1.5.1. Du lịch Thiền ở một số nước Châu Á

Hiện nay, bên cạnh các loại hình du lịch khám phá, nghỉ dưỡng... du lịch Thiền (Zentourism) đang là loại hình được ưa chuộng tại các nước có nhịp độ phát triển đô thị cao. Lập lại cân bằng tâm linh, thư giãn và thân thiện với môi trường là những đặc trưng cơ bản của loại hình du lịch này.

Du lịch Thiền đang được phát triển mạnh tại nhiều nước trên thế giới. Các nước Châu Á chính là cái nôi của loại hình du lịch này. Hàng năm, du lịch Thiền mang lại doanh thu khá lớn cho ngành công nghiệp không khói của các nước Nhật Bản, Trung Quốc hay Thái Lan. Những thiền viện luôn là nơi thu hút hàng triệu du khách đến thực hành Thiền.

Zentourism ra đời trên tinh thần của Thiền tông Nhật Bản.

Trong lịch sử của nhân loại, các phương pháp luyện tập Yoga của Ấn Độ giáo cổ xưa nhằm tiếp cận với cõi vô thức đã xuất hiện khoảng 3000 - 3500 năm trước là xuất phát điểm của Thiền. Khoảng 2500 năm trước, đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi áp dụng Dhyana vào tu tập Phật pháp, đã sáng tạo ra dòng Thiền đầu tiên trong lịch sử minh triết phương Đông có tên là Thiền Thiên Trúc.

Khoảng năm 520 CN, tức là 1000 năm sau khi xuất hiện dòng Thiền Thiên Trúc Ấn Độ, vị sư tổ đời 28 của dòng Thiền Thiên Trúc là Bồ Đề Đạt Ma sang truyền đạo ở Trung Quốc. Sự kết hợp giữa Dhyana và Đạo Lão đã làm xuất hiện Thiền Tông Trung Hoa, được gọi là Ch'an (hoặc T'an).

Đến đất nước Phù Tang, Ch'an gặp được mảnh đất màu mỡ để bén rễ xanh cây, đó là thần đạo (Shinto) - một trong các tôn giáo cổ xưa nhất thế giới. Shinto là sản phẩm của nền văn hóa nông nghiệp Nhật Bản, vốn gắn chặt và phụ thuộc vào thiên nhiên, hơn nữa lại là một thiên nhiên đầy rũi ro động đất, núi lửa, trượt lở đất đá... Vì thế, Shinto còn được gọi là "Tôn giáo kính thờ thiên nhiên". Ngoài những lễ nghi và tập tục, Shinto còn là sự biểu cảm sức mạnh và vẻ đẹp tự nhiên. Sự kết hợp giữa Ch'an Trung Quốc và Shinto Nhật Bản tạo ra Zen (thiền Nhật Bản).

Ngày nay, Zen trở thành phổ biến và là thuật ngữ tiếng Anh chính thức của Thiền. Zen không chỉ là cách tu tập của Phật giáo mà còn là một lối sống có triết lý giản dị nhưng thâm trầm, đậm sắc thái Nhật Bản hàng ngàn năm trở lại đây của phần đông dân chúng. Zen đi vào nhiều mặt của đời sống Nhật Bản như: điêu khắc, nghệ thuật tranh Mực hội (Sumiye), xây dựng các công viên Thiền (ví dụ điển hình là công viên đá Royanji ở Kyoto). Và hơn thế nữa, Zen đã thâm nhập vào lối sống Nhật mang đậm phong cách Thiền là võ sĩ đạo (Bushido)...

Sự phát triển ZT (Zen tour) trên cơ sở một xã hội có phong cách sống Thiền đã khiến cho thiên nhiên Nhật Bản được bảo vệ rất tốt. Chính Hội các đền thờ Shinto là tổ chức đầu tiên đề xuất việc bảo vệ môi trường ở đất nước này.

Số liệu thống kê của Tổ chức du lịch quốc gia Nhật Bản cho thấy, hàng năm doanh thu của du lịch Thiền đạt đến 30 tỷ USD. Du khách đến với du lịch Thiền không chỉ là người bản địa mà còn từ các nước Tây Âu, Bắc Mỹ và Đông Bắc Á, mặc dù giá của các tour này đều đắt hơn so với các chương trình du lịch thông thường khác.

Các nước Trung Quốc, Hàn Quốc và Thái Lan cũng đã bắt tay vào tổ chức loại hình du lịch Thiền và đều thành công. Hiện nay, Trung Quốc nổi tiếng với chương trình du lịch tham quan, tập võ sinh và tìm hiểu về cuộc sống của các Thiền sư Thiếu Lâm. Còn tại Thái Lan, những thiền viện lớn mỗi năm thu hút hàng triệu du khách đến thực hành Thiền thông qua chương trình "Thailand Zen tour" (đã được Công ty Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn giới thiệu tại Việt Nam).

Nhiều người tìm đến với loại hình du lịch Thiền để thoát khỏi những căng thẳng của đời sống thường ngày, tìm ra được những điều chân, thiện, mỹ của thế giới và từ đó có thái độ tốt đẹp hơn với cuộc sống, thiên nhiên và con người.

1.5.2. Du lịch Thiền ở một số tỉnh, thành phố Việt Nam

Một số nhà làm du lịch đã tổ chức các chương trình du lịch khai thác các giá trị tốt đẹp của Thiền. Họ gọi các chương trình kiểu này bằng rất nhiều tên gọi khác nhau: Zen tour (tour Thiền), Spiritual tour (tour tâm linh)... Nội dung của các chương trình này là tổ chức cho khách tham quan các thiền viện, các công trình kiến trúc Thiền, tham gia vào cuộc sống, sinh hoạt giống như các Thiền sư, thưởng thức, chiêm ngưỡng, cảm nhận những nét đặc sắc của các loại hình nghệ thuật Thiền như cắm hoa, trà đạo, bonsai, ngắm hoa, ẩm thực, họa thiền... Khách du lịch trong suốt thời gian tham gia chương trình sẽ hoàn toàn được tách ra khỏi cuộc sống căng thẳng thường ngày. Họ được học, được hiểu về thế giới Thiền. Các chương trình du lịch đã nhanh chóng thu hút được sự chú ý của khách du lịch. Ngoài ra, người ta cũng thấy bóng dáng của một số hoạt động Thiền trong các chương trình du lịch thông thường. Ví dụ như trong một hành trình đi bộ (hiking) thông thường, du khách có thể viếng thăm các khu rừng lá đỏ, ngôi lạng lẽ trong các am cỏ, nghe suối chảy róc rách, lắng nghe hơi thở của mình. Hoặc sau một hành trình dài tham quan các ngôi chùa, leo núi, ngắm cảnh, khách du lịch sẽ được ngồi tĩnh lặng bên cạnh những góc anh đào, uống rượu và ngắm hoa nở.

Ở Việt Nam, loại hình du lịch này hầu như chưa được quan tâm đầu tư nghiên cứu phát triển, mặc dù có thể thấy rõ tiềm năng để phát triển du lịch Thiền của chúng ta là rất lớn.

Về tài nguyên:

Việt Nam là đất nước Thiền tông được truyền vào từ rất sớm. Tư tưởng cơ bản của các dòng thiền Việt Nam rất phù hợp với triết lý sống Thiền, tư duy Thiền của thời hiện đại. Các dòng Thiền Việt đều tập trung đề cao cái “tâm”, cho rằng “phật tại tâm”, đạt “chân tâm” ấy là tới Niết Bàn.

Chính vì xuất hiện từ rất sớm và tồn tại khá lâu ở Việt Nam nên các triết lý Thiền tông có ảnh hưởng mạnh mẽ đến văn hóa của người Việt. Chùa chiền và các công trình Thiền giáo được xây dựng trên khắp cả nước.

Theo thống kê hiện nay ở Việt Nam có khoảng gần 120 thiền viện. Trong đó có những ngôi chùa thiền nổi tiếng đã được đưa vào các chương trình du lịch như: chùa Dâu (Bắc Ninh), chùa Bà Đá, chùa Trấn Quốc (Hà Nội), Trúc Lâm Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Bích Động (Ninh Bình), Trúc Lâm Yên Tử (Quảng Ninh), Từ Đàm, Thiên Mục, Từ Hiếu (Thừa Thiên - Huế), Từ Ân, Giác Lâm, Giác Viên (TP. Hồ Chí Minh)...

Không những thế, lối ứng xử và các giá trị văn hóa, nghệ thuật của người Việt Nam đều ít nhiều chịu ảnh hưởng của tư duy Thiền, của triết lý Thiền. Chúng ta có cả một hệ phái thơ Thiền rất nổi tiếng và cũng có rất nhiều tác phẩm tranh Thiền, tượng Thiền độc đáo. Đặc biệt, chúng ta có rất nhiều loại hình nghệ thuật chịu ảnh hưởng của triết lý thiền như nghệ thuật thưởng thức trà, nghệ thuật ẩm thực, nghệ thuật sắp đặt vườn nhà, nội thất, nghệ thuật gốm méo, môn võ thái cực trường sinh đạo. Những loại hình nghệ thuật này đều là cơ sở để phát triển thành du lịch Thiền phục vụ du khách.

Về nguồn khách

Hiện nay, nhu cầu tham dự các chương trình du lịch mang tính Thiền tại các nước phát triển như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức... là rất lớn. Trong khi đó, mới chỉ có một vài quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái

Lan quan tâm phát triển loại hình du lịch này. Đây chính là một điều kiện rất thuận lợi về nguồn khách quốc tế đối với Việt Nam.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng có nguồn khách nội địa rất lớn cho phát triển du lịch Thiền. Ngày càng có nhiều khách du lịch đặc biệt là cư dân của các thành phố lớn, các trung tâm công nghiệp thương mại, có nhu cầu muốn tham gia vào các hoạt động Thiền nhằm giải tỏa bớt những căng thẳng của cuộc sống công nghiệp hóa, đô thị hóa.

Bởi thế mà tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, các quán Cà phê Thiền (Zen Café), Trà Thiền (Zen Tea), Công viên Thiền (Zen Park), hay các Zen spa trong một số khách sạn lớn luôn thu hút được một lượng rất đông khách tham gia thường xuyên.

Du lịch Thiền hiện rất phát triển tại TP. Hồ Chí Minh. Nhiều công ty du lịch ở đây đang có những tour du lịch đưa khách đến những địa điểm đẹp, yên tĩnh, phối hợp mời các chuyên gia, bác sĩ uy tín tư vấn về các loại bệnh của người già như tiểu đường, cao huyết áp, sinh lý tuổi già, trao đổi những vấn đề về cuộc sống, tham gia sinh hoạt tập thể và hướng dẫn cho du khách phương pháp hít thở an tịnh - cấp độ ban đầu của Thiền, tạo cho du khách cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái...

Tại Nha Trang, Công ty TNHH Du lịch Anh Anh cũng có 2 tour du lịch thiền kết hợp với Yoga. Đó là tour dài 2 ngày 3 đêm dành cho du khách đến từ TP. Hồ Chí Minh, tour 3 ngày 4 đêm dành cho du khách đến từ Đà Nẵng và Hà Nội.

Khánh Hòa có khá nhiều địa điểm lý tưởng để tổ chức tour du lịch Thiền như Hòn Bà, Suối Đổ, Khu Du lịch suối Hoa Lan, Ba Hồ, vịnh Vân Phong... Đây là những nơi rừng núi hoang sơ, không khí trong lành, rất thích hợp để du khách tập luyện Thiền và Yoga. Trong suốt thời gian tham gia tour Thiền - Yoga, du khách sẽ được tách ra khỏi mọi áp lực của cuộc sống, công việc thường ngày để hòa mình vào thiên nhiên và học những điều tưởng như vô cùng đơn giản không cần phải học. Đó là học cách thư giãn và thở đúng cách.

Đặc biệt, người hướng dẫn các buổi tập luyện Yoga là thầy Dada Udvelanada - một chuyên gia về Yoga. Tour du lịch này hiện đang được giới kinh doanh lữ hành đánh giá cao và thu hút nhiều khách tham gia.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC SẢN PHẨM DU LỊCH THIÊN Ở QUẢNG NINH

2.1. Khái quát về tỉnh Quảng Ninh

Tỉnh Quảng Ninh ngày nay được hợp nhất giữa khu Hồng Quảng và tỉnh Hải Ninh từ tháng 10 năm 1963 theo Nghị quyết khoá II kỳ họp thứ 7 ngày 30 tháng 10 năm 1963 của Quốc hội nước Việt Nam dân chủ cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam).

Là tỉnh miền núi, biên giới, hải đảo, nằm ở phía Đông Bắc của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong khoảng: 20,4 - 22,4 độ vĩ Bắc; 106,26 – 108,31 độ kinh Đông. Chiều rộng từ Đông sang Tây, khoảng rộng nhất là 195 km; chiều dài từ Bắc xuống Nam, khoảng dài nhất là 102 km.

Phía Bắc và phía Đông Bắc giáp tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc) dài 132,8 km. Tây Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn. Phía Tây giáp các tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh, Hải Dương, thành phố Hải Phòng. Phía Đông và phía Nam giáp vịnh Bắc Bộ.

Quảng Ninh có cửa khẩu quốc tế, quốc gia Bắc Luân và nhiều cửa khẩu địa phương trên đất liền, trên biển đã tạo nên vị trí tiền đồn rất quan trọng về kinh tế, quốc phòng - an ninh đối với cả nước.

Quảng Ninh có diện tích 611.081,3 ha gồm thành phố Hạ Long và các huyện là: thị xã Cẩm Phả, thị xã Uông Bí, thị xã Móng Cái, huyện Bình Liêu, Hải Hà, Tiên Yên, Ba Chẽ, Vân Đồn, Yên Hưng, Hoành Bồ, Đông Triều, Cô Tô.

Dân số của tỉnh Quảng Ninh năm 1955 có 280.692 người. Theo kết quả điều tra sơ bộ của cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009, dân số Quảng Ninh hiện nay có 1.144.381 người thuộc 22 dân tộc khác nhau gồm: Kinh, Dao, Tày, Sán Dìu, Sán Chay, Hoa, Mường, Nùng, Thái....

Quảng Ninh có địa hình đa dạng gồm cả vùng núi, đồng bằng và một vùng biển giàu tiềm năng.

Bờ biển Quảng Ninh dài hơn 250 km với hàng ngàn hecta bãi triều ven biển có nhiều lợi thế để nuôi trồng thủy sản, trên 600.000 ha mặt biển có 2078 đảo chiếm 2/3 số đảo ven biển Việt nam (trong đó 22 đảo có dân sinh sống) và 30 con sông, suối bắt nguồn từ phía sườn đồi đón gió thuộc cánh cung Đông Triều ở độ cao 500 m, chảy ra vịnh Bắc Bộ, tạo nên nhiều bến cảng sông biển, thuận tiện cho lưu thông hàng hoá, quan hệ giao lưu với các vùng trong nước, nước ngoài đang là một lợi thế lớn để phát triển các ngành công nghiệp chế biến thủy hải sản, công nghiệp đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, sản xuất muối và xây dựng các trạm thủy điện nhỏ phục vụ đời sống đồng bào dân tộc miền núi cùng nhân dân trong tỉnh Quảng Ninh....

Khoáng sản ở Quảng Ninh có nhiều loại với trữ lượng lớn, ngày nay đã có hơn 140 mỏ khoáng sản và hàng ngàn điểm quặng có trữ lượng lớn, nhỏ đang được khai thác như: than đá, đá vôi, đất sét, sét trắng, cát thủy tinh, cao lanh Pyrôphilit, Titan, Ăngtymoam, Vàng, Kẽm, Nước khoáng thiên nhiên...

Nước khoáng thiên nhiên và nước khoáng nóng có ở một số địa phương như Quang Hanh, Cẩm Thạch (Cẩm Phả), Khe Lạc (Tiên Yên), Đồng Long (Bình Liêu), nhưng có thương hiệu và được nhiều người biết đến là nước khoáng Quang Hanh tập trung trên địa bàn thị xã Cẩm Phả. Từ cuối thế kỷ XX đến nay, nguồn tài nguyên này bắt đầu được khai thác để phục vụ nhu cầu của khách du lịch và chữa bệnh cho nhân dân vùng mỏ.

Quảng Ninh là tỉnh có nhiều điều kiện để phát triển, là tỉnh nằm trong tam giác kinh tế phía Bắc Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh. Quảng Ninh còn có những cảnh quan nổi tiếng như: Vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long, nhiều bãi biển đẹp: Trà Cổ, Cô Tô, bãi Dài (huyện Vân Đồn), đảo Tuần Châu, núi Bài Thơ...cùng các di tích lịch sử kiến trúc nghệ thuật tạo khả năng mở các tuyến du lịch trên đất liền, trên biển đảo.

Tỉnh Quảng Ninh có gần 500 di tích lịch sử, văn hóa, nghệ thuật...gắn với nhiều lễ hội truyền thống, trong đó có những di tích nổi tiếng của Quốc gia như chùa Yên Tử, đền Cửa Ông, di tích lịch sử Bạch Đằng, chùa Long

Tiên, đình Quan Lạn...đây là những điểm du lịch thu hút khách thập phương đến với các loại hình du lịch văn hóa, tôn giáo, nhất là vào những dịp lễ hội.

Đến với Quảng Ninh du khách sẽ có cơ hội thưởng thức các món ăn được chế biến từ các loài hải sản của biển Quảng Ninh, trong đó có những đặc sản giá trị như hải sâm, bào ngư, tôm, cua, sò, ngán, hầu hà, sá sùng, rau câu...

Trong những năm gần đây du lịch Quảng Ninh rất phát triển với nhiều loại hình du lịch khác nhau và du lịch trở thành một ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

2.2. Tài nguyên du lịch Thiền ở Quảng Ninh

Tài nguyên du lịch là một nguồn lực quan trọng hàng đầu để tạo ra sản phẩm du lịch. Quy mô và khả năng phát triển du lịch của một địa phương hay một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào số lượng, chất lượng và sự kết hợp của các loại tài nguyên du lịch. Trên thế giới, những quốc gia có số lượng khách du lịch quốc tế đến và doanh thu du lịch đứng hàng đầu thế giới đều là những nước có tài nguyên du lịch phong phú và hấp dẫn du khách như Hoa Kỳ, Pháp, Tây Ban Nha, Trung Quốc, Anh, Canada, Italia...

Với bất cứ một loại hình du lịch nào thì tài nguyên du lịch cũng là cần thiết và là điều kiện thiết yếu, quan trọng để phát triển và du lịch Thiền cũng không nằm ngoài quy luật đó, nó cần có những điều kiện nhất định để tồn tại và phát triển.

Căn cứ vào định nghĩa du lịch Thiền cũng như cơ sở lý luận về sản phẩm du lịch Thiền, ta có thể thấy ở Quảng Ninh cũng có các tài nguyên để phát triển du lịch Thiền như sau:

2.2.1. Hệ thống các chùa, thiền viện

2.2.1.1. Đặc điểm chung

Quảng Ninh có nhiều các di tích lịch sử văn hóa, các chùa chiền, trong đó có 10 chùa được xếp hạng di tích cấp quốc gia và trên 12 chùa được xếp hạng di tích cấp tỉnh. Phần lớn các chùa đều tập trung ở đất liền, khu vực hải đảo chỉ rất ít chùa và thiền viện.

Phần lớn các di tích – chùa đều gắn liền với các lễ hội đặc sắc. Nơi có mật độ chùa dày đặc nhất là khu vực huyện Đông Triều và huyện Yên Hưng nhưng ở đây hầu như tập trung chủ yếu các chùa trung bình và nhỏ, mang tính chất địa phương như: chùa Ngọa Vân, Mỹ Cụ, Hoàng Xá, Triều Khê, Vân Đông... (huyện Đông Triều); chùa Cầm La, chùa Rui, chùa Lai Khê.. (huyện Yên Hưng). Các chùa lớn và các thiền viện có khả năng phát triển du lịch Thiền tập trung ở thị xã Uông Bí (chùa Yên Tử - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử), thành phố Hạ Long (chùa Lô Âm, chùa Long Tiên), huyện Vân Đồn (chùa Cái Bàu – Thiền viện Giác Tâm, chùa Quan Lạn).

Ngoài ra các chùa ở Quảng Ninh còn tập trung nhiều ở các huyện khác như Hoàn Bồ (chùa Yên Mỹ), thành phố Móng Cái (chùa Nam Thọ, Xuân Lân)...

Có thể khẳng định hệ thống các chùa Quảng Ninh rất đặc sắc và có nhiều giá trị văn hóa, lịch sử, có ý nghĩa to lớn với phát triển du lịch. Đặc biệt các thiền viện và các chùa có quy mô tương đối lớn, có quang cảnh hấp dẫn, có không gian thoáng đạt là nơi có nhiều điều kiện hơn cả để phát triển loại hình du lịch Thiền. Do đó tỉnh cần có biện pháp tổ chức quản lý và khai thác một cách hợp lý, có hiệu quả để phát huy giá trị của các nguồn tài nguyên này.

2.2.1.2. Một số chùa, thiền viện tiêu biểu

a) Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử

+ Khái quát di tích – thắng cảnh Yên Tử

Khu di tích thắng cảnh Yên Tử nằm trong dãy núi Đông Triều, thuộc địa phận thị xã Uông Bí, phía Tây giáp huyện Đông Triều và phía Đông là khu vực Than Thùng và xã Thượng Yên Công.

Khu di tích có tổng diện tích tự nhiên là 2.686,5ha. Yên Tử có đỉnh chùa Đổng là ngọn núi cao nhất vùng Đông Bắc với độ cao 1068m so với mực nước biển. Địa hình ở đây bị chia cắt rất mạnh, độ dốc trung bình 20 đến 25⁰, có một số nơi có độ dốc cao, có thể đạt tới 35⁰, núi đất xen kẽ núi đá tạo thành một vùng núi non trùng điệp.

Sở dĩ có tên là Yên Tử vì ở vùng đất trước đó thuộc Kinh Môn (Hải Dương) có một ngọn núi là Yên Phụ, để hợp lẽ tự nhiên có cha (phụ) thì phải có con (tử), ngọn núi phía sau đặt là Yên Tử. Con hơn cha là nhà có phúc. Nên từ xa xưa tới nay vùng đất Kinh Môn, Đông Triều, Uông Bí được coi là “phúc địa”.

Yên Tử còn có tên là núi Voi, vì núi sừng sững như một con voi nằm phủ phục. Núi Voi án ngữ gió nồm Nam. Hơi nước bề Đông theo gió gặp núi ngưng đọng thành mây. Mây trắng quanh năm giăng phủ núi. Vì thế núi còn gọi là Bạch Vân Sơn.

Ngoài ra, cách đây hơn nghìn năm có một đạo sĩ tên Yên Kỳ Sinh tu tiên đắc đạo. Ông tìm đến núi này hái thuốc, luyện đan, mong tìm cỏi trường sinh. Dân lấy tên người thay tên núi, nên gọi là núi thầy Yên (Yên Tử Sơn). Yên Tử còn có tên là Phù Vân Sơn.

Yên Tử là một di sản có giá trị về nhiều mặt : đa dạng sinh học, quân sự, khoa học, bảo tồn vẻ đẹp thiên nhiên. Chính vì vậy 13/3/1974 Yên Tử được Bộ Văn hóa thông tin cấp bằng chứng nhận là khu di tích lịch sử văn hóa thắng cảnh đặc biệt quan trọng trong số 80 di tích đặc biệt của quốc gia.

Yên Tử có rừng nguyên sinh với nhiều loài động vật phong phú đa dạng. Theo thống kê của Ban quản lý Yên Tử thì có khoảng 274 cây tùng đại thụ trong đó có những cây có niên đại 700 tuổi được coi là nguồn tài nguyên quý bậc nhất. Bên cạnh đó còn có rừng trúc bạt ngàn, bãi sù vẹt cổ thụ ở độ cao trên 1000m, tổng số loài động vật ở cận có xương sống trên 206 loài. Hệ thực vật gồm 4 ngành chủ yếu: thông đất, dương xỉ hạt trần, hạt kín thuộc 21 bộ và 428 loài đặc trưng cho luồng thực vật miền Bắc.

Yên Tử còn là nơi có nguồn tài nguyên nhân văn phong phú. Yên Tử là vùng đất có nhiều tộc người sinh sống, quá trình con người bắt đầu đến định cư, sinh sống trên vùng đất này đã xây dựng nên những nét nổi bật, đặc thù về văn hóa xã hội. Mỗi cộng đồng người đều có những phong tục tập quán khác mà quá trình sinh hoạt làm ăn kinh tế, khai thác tài nguyên tự nhiên cũng như

đấu tranh sinh tồn góp phần hình thành nên. Dần dần những nét đặc thù đó đã được định hình, phát triển, trở thành bản sắc văn hóa cộng đồng – một nguồn tài nguyên du lịch nhân văn độc đáo của Yên Tử.

Yên Tử còn là cội nguồn của “Đạo Phật Việt Nam”, qua sử sách, khảo sát, khai quật, bằng các hiện vật thu được các nhà sử học, chuyên gia khảo cổ đã khẳng định Yên Tử là nơi phát tích của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Đây là Thiền phái đạo Phật duy nhất do người Việt Nam sáng lập, cũng là Thiền phái duy nhất kết tinh tinh hoa của dân tộc.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Mỹ, Yên Tử là căn cứ cách mạng của nhân dân chiến khu.

Bên cạnh những giá trị lịch sử và tâm linh, kể từ thời Trần Nhân Tông trong quá trình tu hành của mình, ông và các Thiền sư đã để lại cho thế hệ sau những di vật quý giá. Đó là hệ thống chùa, am, tháp, tượng bia phong phú với nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc đặc biệt.

Yên Tử là một hệ thống gồm 10 chùa: chùa Bí Thượng (chùa Trình Yên Tử), chùa Suối Tắm, chùa Cầm Thực, chùa Lân (Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử), chùa Giải Oan, chùa Hoa Yên (chùa Cả), chùa Một Mái, chùa Vân Tiêu, chùa Bảo Sái, chùa Đồng. Ngoài ra còn có một hệ thống các di tích khác như vườn tháp Huệ Quang, tháp Tổ (là nơi thiêu liêng nhất Yên Tử), Hòn Ngọc, Vọng Tiên Cung, các tháp ở khu vực chùa Lân, chùa Hoa Yên, Bảo Sái, Một Mái; các địa danh lịch sử như Am Ngọa Vân, Am Thiền Định, Am Lò Rèn, đường Tùng trên 700 tuổi, đóc Hạ Kiệu, đóc Voi Quỳ, đóc Dây Diêu, suối Giải Oan, suối Tắm, đóc Cửa Ngàn, tượng An Kỳ Sinh, bia Phật và trên 600 các di vật, di tích, giá trị văn hóa phi vật thể khác.

Hệ thống chùa, am, tháp ở Yên Tử tập trung trên sườn núi phía Đông của ngọn núi. Không kể chùa Bí Thượng ở chân đóc Đỏ, chùa Cầm Thực ở Uông Bí, chùa Lân ở thôn Nam Mẫu thì đường lên Yên Tử sẽ qua một hành trình như sau: Giải Oan - Hòn Ngọc - Hoa yên - Bảo Sái - An Kỳ Sinh - Cổng Trời.

Trong bối cảnh xã hội hiện đại, Yên Tử thực sự có tiềm năng phát triển mạnh mẽ bởi nhiều lý do. Các du khách đến Yên Tử đều cảm thấy hết sức mãn nguyện và sung sướng, lúc mới trèo lên, mọi người không biết mình có thể lên tới nơi hay không, nhưng không hiểu sao càng đi càng thấy dẻo dai như có người nâng bước, và họ cho đó là Phật phù hộ, Phật giúp sức; sự sung sướng thể hiện trên nét mặt họ thật khó có lời nào tả hết được.

Vấn đề ở đây không phải là phép thần thông biến hoá gì của tôn giáo, mà là mặt tâm lý của con người khi tiếp xúc với những tín ngưỡng tôn giáo. Nó đã đem đến cho người ta sự thanh thản và giải toả rất nhiều lo lắng, bức xúc trong cuộc sống. Đó chính là tiềm năng to lớn nhất mà Yên Tử có thể đem lại cho con người hiện đại hôm nay. Đặc biệt, trong tình hình xã hội hiện đại như bây giờ, con người đang chịu không biết bao áp lực do cuộc sống đem lại như cường độ công việc, nỗi lo lắng của công ăn việc làm, ô nhiễm môi trường, những bất trắc của cuộc sống...

Môi trường sinh thái Yên Tử là cũng là tiềm năng để phát triển. Ở Yên Tử quy mô của nó khác hẳn với các nơi khác ở chỗ nó không chỉ đẹp về cảnh quan, mà hấp dẫn bởi môi trường sinh thái với trúc lâm (rừng trúc), với những rừng thông, những cây tùng cổ thụ xen kẽ trong các di tích tôn giáo.... Tất cả những cái đó tạo nên sự u tịch, tĩnh lặng và trong lành, vừa thiêng liêng vừa hoang sơ làm nao lòng các du khách. Đến đây người ta như trút được tất cả để thả hồn trong rừng cây, con suối... để lấy lại sức lực cho những thách thức mới đang đợi họ phía trước. Sự thanh thản ấy sẽ là một liều thuốc vô cùng quý giá càng tăng thêm sự tự tin và sức mạnh trong mỗi con người.

Điều kiện kinh tế càng ngày càng cho phép du khách đến đây đông hơn, thường xuyên hơn không chỉ vào dịp hội mà trong suốt cả năm.

Một điểm chú ý khác đó là xu thế du lịch hành hương đang ngày càng phát triển ở nước ta. Bên cạnh những niềm tin tôn giáo thì giá trị lịch sử của khu di tích này như một bài học lịch sử đối với tất cả người Việt Nam ở trong nước và nước ngoài về một triều đại oanh liệt, về một dòng thiền Trúc Lâm

trong Phật giáo nước ta. Đến đây, du khách được thấy tận mắt những bằng chứng sống của một giai đoạn lịch sử, hơn thế là những giai thoại và câu chuyện gắn liền với các hiện vật còn lại ở đó, như vậy bài học lịch sử càng sâu sắc thêm.

Cùng với du lịch hành hương là những tour du lịch kết nối giữa các điểm hành hương và thắng cảnh trong khu vực như Côn Sơn – Kiếp Bạc – Hạ Long – Bạch Đằng... cũng có lẽ hội vào dịp đó. Do vậy đây là một tiềm năng lớn mà ngành du lịch đã và đang khai thác triệt để.

Những tiềm năng văn hoá khác như các nghi lễ và sinh hoạt văn hoá cũng đang dần dần được khôi phục và phát triển, chẳng hạn năm 2008 ngày khai hội đã vang lên “tiếng nhạc Long âm cùng tiếng trống khai hội vang vọng khắp núi rừng cùng Lễ dâng hương, lễ cầu quốc thái dân an”. Đặc biệt hơn nữa, trong lễ khai hội năm 2008, để tạo thêm sắc thái mới, Ban tổ chức đã mang đến cho du khách một tiết mục rất đặc sắc, đó là “múa bài bông” – một điệu múa cổ tương truyền có từ thời Trần, thường được trình diễn tại các đại lễ của triều đình – do 20 diễn viên đến từ Hà Nội thể hiện.

Ngày nay, khu di tích Yên Tử đã trở thành một điểm đến lý tưởng của nhiều du khách thập phương, được Đảng, Nhà nước quan tâm, đầu tư công sức để tôn tạo, tu sửa, bảo vệ và phát huy giá trị của di tích.

Yên Tử với các giá trị về cảnh quan thiên nhiên cũng như các giá trị văn hóa, lịch sử, tạo điều kiện hỗ trợ cho phát triển du lịch Thiền ở thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, nó sẽ là sản phẩm bổ sung cho các chương trình du lịch Thiền tại thiền viện, làm phong phú và hấp dẫn hơn cho các chương trình du lịch Thiền ở đây.

+ *Thiền viện Trúc Lâm*

Chùa Lâm tên chữ là Long Động tự thuộc địa phận thôn Nam Mẫu, xã Thượng Yên Công, thị xã Uông Bí. Chùa Lâm xưa kia là một trong những ngôi chùa quan trọng nhất trong hệ thống chùa tháp của Thiền phái Trúc Lâm.

Chùa Lân là địa điểm vua Trần Nhân Tông đã dừng chân trước khi lên Yên Tử tu hành. Năm Kỷ Hợi (1293) ngài cho tôn tạo, xây dựng chùa Lân thành một nơi khang trang lộng lẫy, chùa Lân trở thành Viện Kỳ Lân, là nơi giảng đạo, độ tăng. Trong hệ thống chùa tháp ở Yên Tử, chùa Lân là ngôi chùa quan trọng chỉ đứng sau chùa Hoa Yên, nơi có nhiều vị cao tăng đã trụ trì, thuyết pháp, trong đó vua Trần Nhân Tông đã từng giảng đạo tại đây. Trong “Tam tổ thực lục”, cuốn sách ghi chép về hành trạng của ba vị sư tổ Trúc Lâm, có phần chép khá tỉ mỉ bài giảng của Trần Nhân Tông tại Viện Kỳ Lân ngày 1 tháng giêng năm Bính Ngọ (1306). Ngài thuyết pháp và trực tiếp trả lời các câu hỏi của sư môn. Theo các tài liệu Phật giáo, chỉ có hai bài giảng của Trần Nhân Tông được chép lại, bài thứ nhất giảng tại chùa Sùng Nghiêm (Chí Linh – Hải Dương), bài thứ hai giảng tại Viện Kỳ Lân. Đệ nhị Tổ Pháp Loa và Tam tổ Huyền Quang cũng thường đến đây thuyết pháp, giảng kinh.

Chùa Lân nằm trên một quả đồi có hình dáng một con lân nằm phủ phục. Danh tiếng và sự nguy nga của chùa Lân còn được lưu truyền trong dân gian qua câu ca: ngõ chùa Lân, sân chùa Muống, ruộng chùa Quỳnh. Hiện thời ngõ chùa Lân vẫn còn lưu dấu tích xưa, ngõ dài, rộng, hai bên có nhiều tháp mộ các nhà sư.

Sau thời Trần, chùa Lân vẫn là thiền viện do các thiền sư nối tiếp “truyền đăng lục diệm”. Thời nhà Lê, thiền sư Chân Nguyên, người đã có công chấn hưng Phật pháp đã niên soạn “Thiền tông bản hạnh”, “Kiến tính thành Phật” và thiền sư Tuệ Nguyên in “Trúc Lâm tam tổ”, “Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục” tại chính Viện Lý Lân.

Trong kháng chiến chống Pháp, chùa gần như bị thiêu huỷ hoàn toàn, chỉ còn hệ thống các mộ tháp gồm 23 tháp, trong đó tháp lớn nhất là tháp mộ thiền sư Chân Nguyên. Nhằm tôn tạo lại chốn Tổ, bảo tồn và phát huy tinh thần Thiền phái Trúc Lâm, ngày mười chín tháng Giêng năm Nhâm Ngọ (2002), lễ đặt đá xây dựng chùa Lân - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử đã được

tổ chức trang nghiêm, trọng thể. Công trình được xây dựng với sự khởi xướng của hoà thượng Thích Thanh Từ, Viện trưởng Viện Trúc Lâm Đà Lạt và công đức của các tăng ni, phật tử trong, ngoài nước. Nhân dịp ngày sinh của Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông, ngày 11 tháng 11 năm Nhâm Ngọ (2002) chùa Lâm - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử được chính thức khánh thành trên diện tích gần 5 mẫu. Chùa được xây dựng bằng vật liệu hiện đại nhưng vẫn giữ được nét truyền thống của ngôi chùa Việt. Các công trình chính của chùa gồm Chính điện, Nhà thờ tổ, Lầu trống, Lầu chuông, Nhà tăng, La Hán đường... Bài trí trong chùa đơn giản, khoáng đạt, dùng ngay chữ quốc ngữ trên các hoành phi, câu đối.

Hiện tại, ở chùa Lâm có một số hiện vật quý, độc đáo. Trong toà Chính điện có tượng đồng Thích ca mâu ni nặng gần 4 tấn, là pho tượng đồng lớn nhất tại Yên Tử hiện nay. Ngoài ra chùa Lâm - Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử còn có một pho tượng độc đáo khác, đó là tượng Bồ Đề Đạt Ma làm bằng gỗ dáng hương có nguồn gốc từ Nam Mỹ. Tượng cao 3,2m, bệ đỡ cao 0,65m, chiều rộng bệ đỡ 0,95m, nặng khoảng 3,2 tấn với những đường nét chạm khắc tinh tế. Pho tượng đặt sau Chính điện, trước nhà thờ Tam tổ Trúc Lâm, do các Phật tử thành tâm công đức.

Trước sân thiền viện đặt một quả cầu Như ý bảo ân Phật bằng đá hoa cương đỏ (rubi), đường kính 1,590m, trọng lượng 6,5 tấn được lấy từ mỏ đá An Nhơn (Quy Nhơn). Quả cầu được đặt trên một bệ đá có tiết diện vuông, nặng 4 tấn, bên ngoài là bể nước hình bát giác với tám bồn hình cánh hoa bao quanh tượng trưng cho bát chính đạo. Quả cầu đã được trung tâm Sách kỉ lục Việt Nam xác định: quả cầu Như Ý lớn nhất Việt Nam. Trong La Hán đường có bộ tượng gỗ mười tám vị La Hán được chạm khắc tinh tế, đủ các dáng điệu tư thế và lai lịch của từng vị. Du khách được chứng kiến những trạng thái cuối cùng của các vị tu hành đắc đạo đang trên con đường giải thoát về cõi vĩnh hằng. Bộ tượng gỗ gợi nhớ tới chùa Tây Phương và bài thơ nổi tiếng của nhà thơ Huy Cận: Các vị La Hán chùa Tây Phương. Phía bên trái tháp thiền viện

có một cây đa cổ thụ bảy trăm năm tuổi, cành lá sum xuê tươi tốt. Đứng dưới gốc đa cổ thụ du khách không khỏi bồi hồi về những dấu tích người xưa để lại và sự trường tồn của đạo pháp dân tộc. Hiện thời, chùa Lâm - Thiền viện Trúc Lâm đang được tiếp tục xây dựng, tôn tạo để ngày càng khang trang sạch đẹp, phát huy tinh thần của Thiền phái Trúc Lâm và là địa điểm tham quan, tìm hiểu hấp dẫn du khách trong và ngoài nước.

Thiền viện xây dựng theo kiến trúc mới, khác với thế kỷ XVI, XVII. Các công trình chính điện, nhà thờ tam tổ, lầu trống, lầu chuông, nhà trung bày, nhà sách đều được xây theo kiến trúc chùa hiện đại, hoành tráng uy nghi, hài hòa với thiên nhiên.

Thiền viện giống các thiền viện khác là sự thanh thoát, nhẹ nhàng, đậm tính dân tộc. Nếu kiến trúc chùa Việt Nam xưa sử dụng phần lớn chữ Hán thì tại thiền viện đều sử dụng chữ quốc ngữ với chủ trương Việt hóa, đề cao bản sắc dân tộc. Thiền viện xây dựng theo một trục chính xuyên và được chia làm hai khu vực: khu nội viện và khu ngoại viện.

Nét đặc sắc trong cách trang trí của tòa chính điện là 9 bức tranh về quá trình tu hành và đắc đạo của đức Phật được trang trí hai bên tường, tranh đắp bằng xi măng và mạ đồng do các nghệ nhân Hà Nội làm.

Nếu không gian chùa thường nhỏ, thấp thì không gian trong nhà chính điện lại rất thoáng mát, uy nghi, hoành tráng. Sự kết hợp tài tình giữa kiến trúc phương Đông và phương Tây đã tạo nên vẻ đẹp thanh thoát, trang nhã nhưng vẫn cổ kính, linh thiêng cho thiền viện.

Thiền viện có nhiều giá trị du lịch, nhưng còn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch Thiền. Vườn Thiền nơi có hoa thơm cỏ lạ, những cây cổ thụ, những loài hoa quý, thảo dược. Vườn thiền không cầu kì hoa mỹ như các thế bonsai trong vườn thiền Trung Hoa, Nhật Bản mà nhẹ nhàng, gần gũi. Đến với không gian Thiền trong Thiền viện du khách như được cảm nhận sâu sắc triết lí “cư trần lạc đạo” (vui đạo ở giữa đời) mà đức Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông đã gửi gắm khi tạo lập dòng thiền của người Việt Nam.

Thiền viện còn có các công trình như Thiền đường, trai đường, nhà khách... là điều kiện để mở cửa đón du khách về tu tập Thiền và thưởng thức ẩm thực chay, trà đạo, học các loại hình nghệ thuật Thiền...

b) Thiền viện Giác Tâm

Mặc dù mới được khánh thành, song chùa Cái Bàu (Vân Đồn) đã được rất nhiều du khách trong và ngoài tỉnh viếng thăm bởi những giá trị lịch sử văn hoá và vẻ đẹp nên thơ của cảnh quan thiên nhiên.

Chùa Cái Bàu ở thôn 1, xã Hạ Long, huyện Vân Đồn. Chùa được xây dựng trên nền chùa Phúc Linh Tự (có từ thời Trần cách đây trên 700 năm). Theo truyền thuyết đền Cái Bàu có từ thời Trần, do người Thái Bình di cư ra đảo lập nên. Nhưng dù có từ bao giờ thì cá trận can qua thời kì cuối Lê đầu Nguyễn cả chùa và đền đều bị phá hủy. Vào niên hiệu Duy Tân dân mới có điều kiện phục hưng. Nhưng công trình này còn bị phá hủy vào thời kì kháng chiến chống Pháp. Đền và chùa chỉ còn lại móng và ba bức tượng. Trong thập kỷ 90 dân xã mới có điều kiện dựng lại nhưng do thiếu ngân sách, thiếu quy hoạch nên tất cả đều khiếm tốn, sơ sài.

Ngày 07/12/2007, chùa được khởi công xây dựng lại trên tổng diện tích 20 ha, với tổng mức đầu tư trên 24 tỷ đồng bằng nguồn vốn huy động xã hội hóa và khánh thành giai đoạn I vào cuối năm 2009.

Chùa ở gần khu du lịch Bãi Dài nổi tiếng với vẻ đẹp hoang sơ bên bờ Vịnh Bái Tử Long. Với vị trí lưng tựa núi, mặt hướng ra biển, đây có lẽ là một trong những ngôi chùa có vị trí đẹp nhất trong hệ thống chùa của Việt Nam. Đây còn là Thiền viện Giác Tâm, một trong hai thiền viện Phật giáo của Quảng Ninh.

Chùa Cái Bàu - Thiền viện Trúc Lâm Giác Tâm là công trình văn hóa tâm linh có kiến trúc và cảnh quan đẹp tọa lạc bên bờ Vịnh Bái Tử Long, nơi gắn liền với bao chiến công hiển hách của những anh hùng hào kiệt đã giữ vững cửa ải địa đầu của vùng Đông Bắc. Đây cũng là nơi còn ghi dấu những chiến công trong cuộc chiến chống quân Nguyên Mông xâm lược của nhà

Trần. Trải qua thời gian và những thăng trầm lịch sử, chùa đã bị hư hỏng nặng.

Vào thập kỷ 90 của thế kỷ trước chùa đã được tôn tạo lại nhưng còn đơn sơ, thiếu quy hoạch. Từ năm 2007 chùa đã được quy hoạch đầu tư xây dựng lại khang trang, xứng với những giá trị lịch sử, văn hoá to lớn của nơi đây. Chùa Cái Bàu mang dấu ấn, dấu tích giống các ngôi chùa cổ về cả kiến trúc, trang trí, phù điêu, hoa văn trang trí, bậc thang...

Hiện tại Chùa đã hoàn thành các hạng mục: thiền viện - Chánh điện cao 2 tầng rộng 6.000 m², cổng tam quan, nhà tổ, lầu chuông, thất ở hòa thượng, nhà khách chur tăng- chur ni, bến bãi đỗ xe... Giai đoạn II chùa Cái Bàu sẽ được tiếp tục đầu tư gồm: Thất đường trụ trì, thất chuyên tu, thiền đường, nhà trung bày, trai đường và dựng 1 tượng Phật cao 50 m trên đỉnh núi sau Thiền Viện.

Trụ trì nhà chùa - Ni sư Hạnh Nhã cho biết: “Để giữ gìn sự tôn nghiêm nơi cửa phật, công tác an ninh trật tự trong khu vực chùa được các tăng ni, phật tử triển khai thực hiện rất tốt. Trong khuôn viên nhà chùa không cho phép bán hàng, không có những hoạt động chèo kéo du khách. Du khách đến chùa muốn dùng cơm chay hay tá túc tại đây sẽ không phải trả tiền. Nhà chùa chỉ đặt hòm công đức để cho du khách tùy tâm công đức”.

Đến đây, du khách cảm nhận được sự yên bình, thanh thản, một không khí trong lành và cảnh đẹp làm say đắm lòng người với hướng nhìn ra biển; tạo sự tĩnh lặng, môi trường trong lành cho các khóa tu tập thiền; bên cạnh đó thiền viện còn có các khu trung bày, nhà khách, trai đường sẽ được xây dựng trong tương lai gần là nơi có thể tiếp đón nhiều du khách hơn với nhiều hoạt động thiền hơn... Có lẽ chính vì vậy mà những người đến vãn cảnh chùa đang ngày một đông. Và Chùa Cái Bàu đang dần trở thành một điểm du lịch tâm linh đối với du khách mỗi lần về với Quảng Ninh, về với Vân Đồn.

c) Chùa Quỳnh Lâm

Chùa Quỳnh Lâm thuộc xã Tràng An, huyện Đông Triều tỉnh Quảng Ninh – di tích Lịch sử Nghệ Thuật được xếp hàng cấp Quốc gia ngày 15/11/1991.

Chùa Quỳnh Lâm tên thường gọi là chùa Quỳnh, tên chữ là Quỳnh Lâm tự, tọa lạc trên một ngọn đồi nằm giữa hai thôn là thôn Thượng và thôn Hạ xã Tràng An, xưa kia nơi đây gọi là núi Tiên Du. Quỳnh Lâm là một trung tâm Phật giáo nổi tiếng xứ Đông.

Theo nghiên cứu văn bia trong chùa cho thấy chùa được hình thành từ thời Tiền Lý (khoảng cuối thế kỷ V, đầu thế kỷ VI) , trải qua nhiều lần trùng tu, tu sửa ở các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê. Đặc biệt chùa được tôn tạo hoàn chỉnh vào cuối triều đại Lý - Trần (thế kỷ XIII đến giữa thế kỷ XIV) và người có công lớn trong việc tu tạo, mở mang để chùa Quỳnh Lâm trở thành một trung tâm Phật giáo lớn của cả nước và thành một giảng đường quy mô phục vụ cho việc giảng tập kinh sách Thiền Tông chính là thiền sư Pháp Loa.

Vào thời Lý, nhà sư Không Lộ (còn gọi là Minh Không) đã cho đúc một pho tượng Di Lặc bằng đồng cao 6 trượng, được coi là một trong "*An Nam tứ đại khí*" (bốn báu vật lớn của Việt Nam) và một tấm bia đá lớn cao 2,5m với hoa văn hình rồng uốn lượn mềm mại.

Năm 1299 Trần Nhân Tông chính thức xuất gia và tu ở núi Yên Tử, ông thành lập phái Trúc Lâm và lấy Pháp hiệu là Trúc lâm đại sỹ. Ông đã đi khắp nơi và trong cuộc vân du năm 1304 vua Trần Nhân Tông đã gặp Pháp Loa, dưới sự dìu dắt của Trần Nhân Tông Pháp Loa đã trở thành ông tổ thứ 2 của thiền phái Trúc Lâm. Từ đó ông nhận được sự ủng hộ rất lớn của nhà vua và các giới quý tộc, ông đã cho xây dựng và mở mang nhiều chùa tháp.

Riêng năm 1314 ông cho xây dựng 33 cơ sở điện thờ Phật, gác chứa kinh... Chính trong thời kỳ này trên cơ sở chùa Quỳnh Lâm cũ, năm 1316 Pháp Loa cho thành lập “viện Quỳnh Lâm” - trường đại học Phật giáo đầu

tiên ở nước ta được ra đời từ đây. Quỳnh Lâm trở thành trung tâm Phật giáo lớn với 2000 mẫu ruộng, gia nô hơn 1000 người.

Năm 1319 Pháp Loa đã kêu gọi tăng nhân và phật tử chích máu in hơn 5.000 quyển kinh Đại Tạng cất giữ ở Quỳnh Lâm viện. Năm 1328 ông lại cho đúc một pho tượng Di Lặc. Sau đó ông tâu xin nhà vua cho được kéo tượng từ nền điện lên bảo tọa để dát vàng.

Năm 1329 chùa Quỳnh Lâm được xây dựng lại với một kiến trúc đồ sộ, hoàn chỉnh và trở thành một đệ nhất danh lam cổ tích của nước An Nam (Văn bia). Nhiều hội lớn được tổ chức tại đây như hội “Thiên Phật” tổ chức vào năm 1325, hội kéo dài bảy ngày bảy đêm. Chùa Quỳnh Lâm đã trải qua nhiều lần trùng tu, tôn tạo, đúc chuông, tạc tượng...

Năm 1329 Pháp Loa cho đem theo một phần tro hài cốt của Nhân Tông (vị tổ thứ nhất của thiền Trúc Lâm) về đặt trong tháp đá chùa Quỳnh Lâm.

Chùa Quỳnh Lâm cũng nhận được sự cung tiến của nhiều người trong hoàng tộc như phò mã họ Vũ cúng 20 mẫu ruộng, tư đồ Văn Huệ vương Trần Quang Triều và Thượng Trân công chúa cúng 900 lạng vàng để đúc tượng Phật Di Lặc...Ruộng chùa Quỳnh Lâm có đến 1.000 mẫu, tá điền đông đến 1.000 người, người trong nước truyền tụng chùa Quỳnh Lâm là chốn “Thiên Nam đệ nhất danh lam”. Những năm cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV, cùng với chùa Vân Yên ở Yên Tử, chùa Báo Ân ở Siêu Loại, thiền viện Quỳnh Lâm do Pháp Loa (đệ nhị tổ) trụ trì là 1 trong 3 trung tâm lớn nhất của giáo hội Trúc Lâm thời Trần. Trần Nhân Tông sau khi đã xuất gia từng đến thuyết pháp ở chùa.

Sang đầu thế kỷ XV chùa bị phá hủy nặng nề, phải trùng tu rất nhiều lần. Đến thế kỷ 18 (1727) chùa dựng tháp Tịch Quang bằng đá xanh (tháp mộ của nhà sư Chân Nguyên - một nhà sư có công lớn đối với chùa), tháp gồm 7 tầng cao 10 m, đỉnh tháp hình búp đa, trên tháp có gắn tấm bia ghi lại tiểu sử của sư Chân Nguyên.

Đặc biệt vào thế kỷ XVIII chúa Trịnh cho tu sửa với quy mô lớn. Tạc các lan can bậc, hai con sấu đá và một số công trình khác nhưng vì tốn kém quá mức nhân dân phục vụ vất vả, lòng người bất bình nên công trình bị bỏ dở. Mới đưa được một con sấu đá bên trái vào đúng vị trí còn con sấu đá bên phải và lan can cửu cấp hai bên mới tạc xong chưa đưa vào vị trí. Đến thời Nguyễn chùa được xây dựng thêm 5 ngọn tháp để kỷ niệm các nhà sư đã trụ trì ở đây và có công lớn trong việc tu bổ, tôn tạo chùa.

Không chỉ là trung tâm Phật giáo lớn của cả nước trong thời kỳ chiến tranh chùa Quỳnh Lâm còn là căn cứ kháng chiến, nằm trong đệ tứ chiến khu Đông Triều. Dưới sự tàn phá của chiến tranh năm 1947 chùa Quỳnh Lâm đã bị hủy hoại hoàn toàn chỉ còn là phế tích. Năm Đinh Dậu (1957) Thích Thanh Trí quê ở Hà Bắc đã về tu tại đây và cùng nhân dân xây dựng phần kiến trúc hiện nay, lần thứ 2 xây khu nhà tổ năm Đinh Mùi (1967).

Năm 1990 chủ trì Thích Đạo Quang cho xây dựng thêm 4 gian nhà khách và sửa một số ngọn tháp. Trải qua hỏa hoạn và chiến tranh chùa Quỳnh Lâm không giữ được vẻ nguy nga, cổ kính như trước nữa nhưng các di vật cổ còn lại quanh chùa đã giúp chúng ta hình dung dáng vóc ngôi chùa và quy mô to lớn của nó qua các thời kỳ.

Di vật cổ ở đây là tấm bia đá cao 2,5m dựng trước chùa vẫn giữ được những hình rồng trang trí uốn lượn mềm mại, đặc trưng cho rồng thời Lý. Sau nữa là các thành bậc rồng bằng đá xanh, gần một trăm tảng đá kê chân cột, chạm cánh sen, đầu rồng bằng đất nung, khánh đá. Đặc biệt là một góc bệ đá có hình chim thần Garuda được tạo như một hình người ngồi xổm, hai tay vươn lên hai giá bệ để đỡ tòa sen. Tất cả đều thể hiện rõ nét điêu khắc đá thời Trần. Sang thời Lê, hiện vật còn lại ở đây nhiều nhất là các bia đá và các ngôi bảo tháp đặc biệt là hai bức chạm đá ở bài vị và tượng của bà Hậu Phật Bùi Thị Thao với các hình chạm trổ công phu, tỷ mỉ, mềm mại đang ở thế động rất tự nhiên, hiện thực. Ngoài ra chùa còn có bia đá ghi rõ ngày tháng năm trùng tu chùa, tên các thiện nam tín nữ đã có hảo tâm công đức tiền của tu bổ

chùa và những công trình đã làm trong các đợt trùng tu. Trong vườn chùa còn hệ thống tháp cổ được ghép bằng đá xanh thớ mịn với kỹ thuật ghép mộng chắc chắn đã để lại cho hậu thế một kho tàng nghệ thuật vô giá.

Lễ hội chùa Quỳnh Lâm diễn ra từ ngày mùng 1 đến ngày mùng 4 tháng 2 âm lịch, nhưng khách du xuân đến chùa trong suốt ba tháng xuân, với lòng thành kính của tất cả các tín đồ Phật tử gần xa tín tâm về đây dâng hương, lễ Phật.

Với những di vật còn lại của chùa Quỳnh Lâm đã cho chúng ta thấy được những giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật qua các thời đại; các giá trị tiềm tàng (không gian) để phát triển du lịch Thiên.

d) Chùa Lôì Âm

Cụm di tích Hồ Yên Lập – chùa Lôì Âm thuộc xã Đại Yên, huyện Hoàn Bô, tỉnh Quảng Ninh đã được Bộ Văn hóa Thông tin cấp bằng công nhận là di tích thắng cảnh. Hồ cách Bãi Cháy – Hạ Long 20km, có rừng thông bao bọc xung quanh.

Hồ Yên Lập là hồ nhân tạo với tổng diện tích là 182km² ban đầu nhằm phục vụ cho nông nghiệp và ngày nay đã trở thành điểm du lịch lý tưởng với nhiều cảnh quan hấp dẫn. Trên núi Lôì Âm vẫn còn di tích khu chùa từ thế kỷ 17.

Năm 1975, Hồ Yên Lập được hình thành tạo nguồn nước tưới tiêu cho các huyện Hoàn Bô, Yên Hưng, Uông Bí... với tổng diện tích 182,2 km², trữ lượng nước trung bình là 128 triệu m³, độ sâu trung bình là 29,5m. Hồ gồm một đập chính là đập Yên Lập và hai đập phụ là đập Nghĩa Lộ và đập Dân Chur. Đây là công trình thủy lợi lớn nhất của tỉnh Quảng Ninh. Sau khi hồ Yên Lập được hoàn thành, mực nước ở đây dâng cao, ôm quanh các chân núi tạo thành một hồ nước lớn có nhiều cảnh đẹp hấp dẫn với những đảo nhỏ nổi tự nhiên như đảo Bàn Tay, đảo Canh, đảo Cua, đảo Giáp Giới... cùng với hàng thông xanh thẳng tắp tạo nên cảnh huyền bí, kì diệu.

Chùa Lôì Âm (chữ Lôì Âm nghĩa là tiếng của Phật) ở trên độ cao 350m, tựa lưng vào đỉnh núi Linh Thú. Lịch sử xây dựng chùa còn nhiều tranh cãi. Có người cho rằng chùa được chính thức xây dựng vào thời hậu Lê cách đây 500 năm, có người lại cho rằng xây dựng vào thời Trần với qui mô kiến trúc rộng lớn và trải qua nhiều lần trùng tu. Theo sách Đại Việt sử ký tiền biên của Ngô Thì Sĩ, vua Trần Nhân Tông cùng các đại sư Pháp Loa, Huyền Quang, những nhà sáng lập Thiền phái Trúc Lâm trong Đạo Phật Việt Nam đã từng đến giảng kinh ở đây vào thời Trần, cuối thế kỷ XIII đầu thế kỷ XIV.

Nằm giữa bạt ngàn rừng thông, dưới chân là hồ nước Yên Lập mênh mông, phẳng lặng, muồn tới phải qua đò khiến cảnh sắc Lôì Âm càng trở nên xa xăm, thanh tịnh.

Ngày nay, chùa thu hút nhiều khách thập phương đến thăm quan và lễ Phật. Trải qua thăng trầm lịch sử, chùa ngày nay không còn nữa nhưng vẫn giữ lại được không gian rộng lớn của nền chùa với vườn tháp, vườn bia và cây hương đã có niên đại từ đầu thế kỷ 17.

Năm 2001, Chùa Lôì Âm được Hội Phật giáo Việt Nam cho phép xây cất lại hoàn toàn trên nền cũ với diện tích chùa chính 300m² và toàn bộ nội thất bằng gỗ quý.

Hàng năm, hội chùa mở vào ngày 27 tháng giêng. Nhưng bốn mùa, khách hành hương vẫn lặn lẽ tới đây chiêm bái. Đặc biệt là bà con Phật tử vẫn dốc lòng công quả phục vụ cho việc kiến thiết khuôn viên và các công trình phụ trợ của chùa.

Trong tương lai gần, Lôì Âm sẽ là một trong những chốn tu hành chân tín nhất mà người đời không thể nào không biết tới.

2.2.2. Các loại hình nghệ thuật Thiền

Nghệ thuật Thiền là một khái niệm còn khá mới mẻ ở Việt Nam. Ngay cả triết lý Thiền, hay tôn giáo Thiền cũng chưa phải là những vấn đề được đa số người Việt hiểu một cách đúng đắn và đầy đủ. Trong khi đó, tại một số nước trên thế giới, Thiền đã là một khái niệm rất phổ biến. Đặc biệt, ở Nhật

Bản và Trung Hoa, Thiền đã trở thành một triết lý sống, một lối tư duy có ảnh hưởng tới nhiều mặt của đời sống văn hóa xã hội.

Trong các nhà chùa, mọi thiền sư – người học Thiền và hành Thiền đều có khả năng am hiểu và là tác giả của các tác phẩm nghệ thuật Thiền:

- *Trà thiền*: Nói một cách đơn giản trà thiền là một phương pháp thiền thông qua việc uống trà. Tất cả mọi người, mọi lứa tuổi, mọi nền văn hóa khác nhau, mọi tôn giáo đều có thể thực hiện được. Trà thiền ở đây khác hẳn với trà đạo của Nhật Bản. Trà thiền Việt Nam đơn giản hơn rất nhiều. Khi uống trà, chỉ nghĩ đến việc lựa chọn vài nhúm trà, mùi của trà, tiếng reo của ấm nước đang sôi và cảm giác cái vị của hớp trà đầu tiên trên môi. Việc nhận thức chén trà đầu tiên sẽ làm cho chúng ta có cảm giác bị nhấn chìm vào một vũ trụ mà trong đó chỉ có mình, tách trà và thế ngồi của chính mình. Thực hiện được các điều trên là chúng ta đã đi vào thiền định.

- *Tranh thiền* là một loại tranh rất khó vẽ, đòi hỏi người vẽ có sức tập trung cao. Tranh vẽ trên một loại giấy rất mỏng dễ rách nên nét vẽ không thể dừng lâu ở một chỗ và cũng không thể bôi sửa vì sẽ làm rách giấy. Tranh thường vẽ bằng mực đen. Mỗi một nét vẽ cần phải có sự định thần và nét bút phải dứt khoát đều đặn thì bức tranh mới có thể thành công.

Vẽ tranh thiền là một cách để các thiền sinh thể nghiệm sức định của tâm trí. Mục tiêu của tranh là thể hiện trạng thái của tâm. Tranh thường vẽ lên quan hệ giữa người và thiên nhiên mà lời nói không thể diễn tả được.

Tranh là trạng thái tĩnh, biểu lộ cuộc sống rất thâm trầm nhưng quá trình hình thành một bức tranh lại là trạng thái động. Tranh "điệu múa sư tử" biểu hiện một con sư tử đang yên lặng nhập định nhưng quá trình mô tả của họa sĩ thì có lẽ đã phải quan sát không biết bao nhiêu trạng thái sư tử múa mới có thể vẽ được một bức tranh như thế. Bức tranh vẽ sự lặng im của biển cả với bãi cát trắng trải dài vô tận, họa sĩ có lẽ phải mất hết nửa đời người mới có thể tìm được hứng khởi để phác họa trong chốc lát. Vậy mà cái hứng khởi đó đòi

với thiền giả chỉ cần nhón tay một cái, tùy ý tùy cơ có thể đạt được một cách dễ dàng.

Mục đích của tranh thiền là họa sĩ phải tự do, không gò ép, để dòng cảm hứng của mình trôi đi một cách tự nhiên. Nét vẽ dường như là một tổng thể của một sức mạnh huyền bí nào đó dẫn dắt đi, không để cho họa sĩ kiểm soát cảm hứng của mình. Đây là khả năng phi - kiểm - soát , một sự phi - kiểm - soát đầy khổ luyện. Nếu giữa bút và giấy có xen vào sự suy tư , lý luận nào đó, điều này sẽ phá hỏng họa phẩm. Chúng ta sẽ làm nếu cho rằng bức tranh chỉ là những nét nguệch ngoạc cầu thả vô lối. Đường nét của tranh thiền là cái gì bất toàn, nó bất chấp luật phối cảnh (perspective) và luật vẽ bóng (chiaroscuro) (phân biệt rõ cái gần với cái xa ...) - vốn là định luật cơ bản của lối họa Tây phương để dựng hình ba chiều. Tranh thiền từ bỏ quan niệm không gian, thời gian, tương đối và chủ quan, điều cốt yếu là cái thần của sự vật phải thể hiện được trên giấy, do đó nét vẽ phải sống động như luồng sinh khí của một thực thể.

Nếu so với lối họa Tây Phương có bố cục chặt chẽ và hệ thống thì tranh thiền nghèo nàn, hình thức sơ sài , đường nét giản lược. Thế nhưng chúng ta có thể nhìn thấy sau những nét chấm phá đơn giản, đậm nhạt , ẩn chứa một sức sống kỳ diệu. Màu đen đậm nhạt trên tờ giấy trắng tượng trưng cho Âm Dương làm nổi bật lẫn nhau. Đen và trắng tượng trưng cho cặp mâu thuẫn gay gắt trong thế giới nhị nguyên: đen- trắng, đúng -sai, tốt - xấu, thiện - ác, hạnh phúc - đau khổ ... Tư tưởng thiền là phá cái quy luật đó bởi thế trong tranh với những nét đen trắng đậm nhạt ấy chừng như vô nghĩa : nhánh cây khô, cục đá, một bông huệ cô đơn, đều chuyển tải được sự sống một cách linh động.

Tranh thiền không phải là một sao bản, một hình chụp của thực thể. Một nét chấm hay một đường cong không tượng trưng cho con chim hay ngọn núi, mà nét chấm đó chính là con chim, đường cong đó chính là ngọn núi, bởi vì thiền họa phải là sáng tạo. Một sự vật trong tranh thiền phải giống - thực mà dường như không - giống - thực, phải tràn đầy mà dường như khiếm khuyết.

Họa sĩ không phóng ra mọi nỗ lực để chụp nguyên hình sự vật, mà sáng tạo một sinh thể ngoài sự tưởng tượng của chúng ta. Thái độ của họa sĩ đối với nghệ thuật cũng là thái độ của thiền đối với cuộc sống. Đó là lý do vì sao hầu hết các họa sĩ của tranh thiền đều là thiền sư hay thiền sinh.

Nét bút của họa sĩ phải dứt khoát như tia chớp, không tô sửa, phải vừa táo bạo vừa nhẹ nhàng. Đó là thần bút. Bởi thế cái thần trong bức họa là nét bút của họa sĩ, nét nào đã phóng ra thì không bao giờ đòi lại. Nét đòi là nét chết. Do vậy một vật chỉ đẹp khi nó không bị ràng buộc. Cái đẹp đó nằm trong sự buông xả. Bức tranh được hình thành trong cái tâm hư vô. Họa sĩ chụp bắt cái thần của sự vật đương lúc nó vận hành. Điều này có vẻ khó bởi vì vạn vật luôn vận động không bao giờ tĩnh tại. Nhưng họa sĩ thiền có thể làm được điều này nếu biết nắm bắt sự sống từ trong nội tâm hơn là bên ngoài.

Họa sĩ tranh thiền không dùng màu sắc lòe loẹt, chỉ dùng màu đen khi đậm, khi nhạt. Chỉ có sự cực kỳ đơn giản mới tượng trưng được cái Hư Không. Hơn nữa màu sắc gợi lên một thực thể trong thiên nhiên mà tranh thiền chủ trương không mô phỏng giống hệt sự vật.

Mặt khác, họa sĩ không được trì hoãn ngọn bút trong khi vẽ vì trì hoãn sẽ làm hỏng tờ giấy mong manh. Trì hoãn cũng có nghĩa là toan tính, thay đổi, điều này trái với tinh thần của tranh thiền. Nét bút phải xuất hiện đột ngột, bất chợt và bay đi vun vút. Nơi mà ta tưởng sẽ có một đường hay một chấm thì lại chẳng có gì cả. Nhưng sự thiếu vắng đó không gây thất vọng mà nó gợi ý mạnh mẽ hơn cho người xem. Cho nên tranh thiền có nhiều khoảng trống, thoáng và đầy gợi ý. Một trang giấy nhỏ có thể hàm ẩn cả vũ trụ. Một nét ngang ngụ ý cho sự mênh mông của không gian, một vòng tròn cho sự vĩnh hằng của thời gian, sự vô biên và sự sống.

Bước vào thế giới tranh thiền là bước vào thế giới vô cùng vô tận của vũ trụ, trong đó qua những hình ảnh và nét bút thô sơ người vẽ tranh muốn ký thác cho người xem một chân lý vừa được khám phá. Đó là khoảnh khắc của

sự bình tĩnh. Như vậy tranh thiền có thể xem như là một phương tiện chứng ngộ.

Vẽ hoặc ngắm tranh Thiền là cách để giúp con người ta thiền định, tĩnh tâm, đưa mình vào thế giới của suy tưởng trực giác và nhìn thấy những vẻ đẹp tuyệt vời của thế giới nội tâm.

- *Thư pháp*: Thư pháp là nghệ thuật viết chữ của những nước sử dụng chữ tượng hình như Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam (chữ Hán Việt)... Viết thư pháp là để thư giãn, để bình tâm và cũng để tải Đạo. Nó giúp cho tinh thần được thanh thản bằng một thứ hình tượng nghệ thuật tao nhã. Đó là một môn nghệ thuật phát xuất từ Trung Hoa và đã được các nước Nhật, Triều Tiên, Việt Nam chấp nhận và lặn lẽ duy trì. Đối với Đông Phương, nói đến thư pháp, người ta thường nghĩ đến cách viết chữ Hán với phong cách đặc biệt: viết chữ bằng bút lông.

Nghệ thuật này có thể viết vài chữ vào các hoành phi, câu đối, và các tranh ảnh, quạt giấy... Song song với sự phát triển của tranh Thiền thì thư pháp Thiền, còn gọi là “Thư Đạo” cũng ra đời và phát triển. Thư pháp thiền của Nhật (tức là sumi-e) xuất hiện sớm vào thời kỳ Kamakura (1185-1333). Ban đầu thư pháp được viết chung với các tranh thiền như là các lời minh họa ý dưới dạng thơ hay vài từ ngắn gọn. Về sau thì thư pháp được tách ra. Tuy nhiên về mục đích thì vẫn như tranh thiền.

Thư pháp thiền có một số đặc tính sau: Mực pha bằng các khối nhỏ gọi là sumi làm từ nhọ đen của đèn trộn với keo. Mực khi dùng được nhúng ướt và mài cho tới khi đạt được độ đậm nhạt vừa ý. Cọ từ lông thú. Nó được nhúng nước và để cho khô trước khi dùng. Khi viết cọ được nhúng ngập trong mực được giữ trong tư thế thẳng đứng với giấy và được viết những nét cọ nhanh chắc chắn và có các độ dày khác nhau. Vì thư pháp thiền không cho phép những sai sót nên nó thể hiện trạng thái của tâm. Các nét cọ quét và biến đổi theo cùng lúc và không dự đoán trước cũng như không tuân theo phép tắc nào.

Qua cái nhìn của Thiền thì thư pháp là phương tiện tải đạo có tính sâu sắc tế nhị. Một khi hơi thở của Thiền đi vào Thư pháp thì thư pháp trở nên sống động, tràn đầy sinh khí, mỗi chữ, mỗi nét bút biểu hiện tính hồn nhiên, thanh thoát. Chính sinh khí của Thiền đã làm thư pháp có ý nghĩa và tạo cảm giác cho người thưởng ngoạn tìm thấy một niềm vui thanh nhã.

Từ những nét chấm phá bay bổng trên mỗi tác phẩm thư pháp, xuyên qua tâm các nhà thư pháp tự do thả hồn vào nét bút. Dấu mực tuy đơn sơ nhưng ẩn tàng một chân lý sâu sắc. Các thiền giả đã nhìn thấy thư pháp như là một phương tiện tu tập. Ngoài ra thư pháp có khả năng hướng dẫn con người thâm nhập vào thế giới tâm linh, chính lúc đó thư pháp không còn là một bộ môn nghệ thuật thuần túy, và thư pháp biến thành thư đạo (Shodo). Thiền giả tin tưởng thư pháp sẽ đưa họ đến trạng thái giác ngộ. Để có một bức thư pháp đẹp và có hồn, ngoài cách trình bày sao cho thẩm mỹ, các nhà thư pháp đã phải trải qua một thời gian khổ luyện. Nhà thư pháp mỗi khi chấp bút, khí bút phải vận hành một cách tự nhiên. Hơi thở sinh động và luân chuyển trong trạng thái nhiếp tâm.

Điểm đặc biệt của thư pháp là sự đơn giản, chỉ một ngọn bút lông (lớn nhỏ tùy theo nhu cầu), nghiên mực, thỏi mực xạ, tờ giấy xuyên chỉ, lụa, gấm hay những vật dụng khác như quạt, đĩa bằng sứ...v.v. Phần màu sắc chỉ có một màu đen của mực xạ cùng với một nền màu duy nhất. Đặc tính của thư pháp là thể hiện rõ nét bình dị, không trau chuốt, màu mè.

Dưới cái nhìn của Thiền người ta thấy rõ nét chữ đã thể hiện nét người, nhìn một bức thư pháp có thể biết được tâm trạng tác giả đang ở trong trạng thái nào. Rèn luyện thư pháp chính là rèn luyện tâm thức vì vậy các nhà thư pháp thường sống ẩn cư, phong thái của nhà thư pháp thì khoan thai từ tốn, khi chấp bút một cách tự nhiên nhẹ nhàng, thư pháp càng đơn giản thì người ta càng thấy cái “thần” trong chữ viết. Sự luyện tập nội tâm được kết tinh trong từng nét bút. (Danh từ chuyên môn trong thư pháp gọi là “Mạc khí” hay dấu mực). Nhà thư pháp thực hiện mỗi nét chữ như đang đối diện với những

giây phút quan trọng nhất, nói một cách khác thơ pháp là một sự nối dài cá tính và năng lực nội tâm của người sáng tạo. Qua ngọn bút lông người ta có thể thực tập Thiền, tương tự như lần chuỗi hạt để theo dõi câu niệm.

Thơ pháp thiền là một thơ pháp sống động. Trong từng chữ, ngoài những nét thâm mỹ tiềm ẩn một đạo lý, một cách sống an nhiên tự tại, một triết lý đầy tính chất nhân bản. Thơ pháp được thực hiện bằng cả một tâm hồn tự do và sáng tạo, người viết chữ được tu tập cho đến lúc tình và ý không còn tách rời làm hai, thân và tâm trở thành một.

- *Thơ Thiền* phản ánh toàn bộ tư tưởng thiền học, có thể nói đó là kết quả của sự hội ngộ, dung hợp giữa thiền và thơ. Sở dĩ có sự hội ngộ, dung hợp thú vị này là vì thiền và thơ có nhiều điểm tương đồng. Phần lớn Thơ Thiền là những bài kệ, hoặc là vấn đáp giữa sư phụ và môn đệ cốt để khai thông trí tuệ. Nhiều bài khô khan nghiêm khắc như kinh tụng, nên Thơ Thiền còn được gọi là Kệ có nghĩa là ca ngợi, tụng tán, dùng để khẳng định giáo lý, kinh nghiệm, truyền tâm pháp cho đệ tử.

Thơ Thiền xuất phát từ Trung Hoa và phát triển mạnh từ thời nhà Đường. Ở Việt Nam phát triển vào thời Lý Trần. Các nước khác như Ấn Độ, Triều Tiên, Nhật Bản đều không làm loại thơ này. Hầu hết các học giả phương Tây cho rằng thơ Thiền là kiểu thơ Haiku của Nhật. Thật ra thơ Haiku Nhật có đặc điểm riêng của nó. Thơ Thiền cũng có đặc điểm riêng. Về hình thức thơ thường dùng các thể loại Đường luật. Ở Việt Nam thơ chỉ viết bằng chữ Hán. Lời thơ mộc mạc hoà vào thiên nhiên, thức tỉnh trước sự vô thường, tha thiết với trật tự và sự mâu nhiệm của thế giới để giác ngộ và trở về với thế tục. Ngày nay, Thơ Thiền dùng đủ mọi thể loại và đề tài miễn nội dung thơ chứa đựng được tất cả sự hiểu biết sâu xa về thiền học.

Ở một mức độ khác, thơ thiền còn mô tả các biến cố trực tiếp chỉ thẳng vào chân lý huyền diệu thâm sâu (như các công án). Khai mở tâm ra khỏi thói quen cảm xúc sự vật theo cách thông thường.

Thiền tông chủ trương "bất lập văn tự", vì ngôn ngữ văn tự không có giá trị tuyệt đối, không diễn tả được hết những khái niệm trừu tượng về tâm linh, và vật ngoài tự tâm. Không quan tâm nhiều đến ngôn ngữ văn tự mà phải rời bỏ nó để đạt tới chân lý, để ngộ đạo.

Thơ trước hết giống Thiền ở cách thể nghiệm. Thơ là một nghệ thuật dùng ngôn từ để diễn đạt ý tưởng. Đối tượng nhận thức của thơ cũng là con người và cuộc sống. Thông qua ngôn từ, thơ biểu hiện những rung cảm về nội tâm và ngoại cảnh, những thao thức, trăn trở về thân phận con người, khiến cho người làm thơ và người đọc thơ cảm thông lẫn nhau. Thơ không chỉ phản ánh cái hiện thực mà còn là nơi ký thác tâm tư, tình cảm và lý tưởng.

Ngôn ngữ của Thiền, không phải ngôn ngữ mà chúng ta thường sử dụng. Một tiếng hét vang của Ngài Lâm Tế làm bùng vỡ chân tâm của hành giả; những chiêu gậy hàng ma của Ngài Bách Trượng xua đi đám mây mù che mắt thế gian; sự im lặng đến vô tình của Ngài Bồ Đề Đạt Ma hay một đóa sen Đức Phật đưa lên ở hội Linh Sơn... đó là ngôn ngữ của Thiền. Mục đích của Thiền là ngộ chân tâm. Nó là những phương tiện để phá vỡ vỏ bọc mê muội về cuộc đời.

Thơ Thiền không những phản ánh sâu sắc và tập trung vào đời sống tinh thần, mà tiếp tục mở rộng tới các lĩnh vực khác của cuộc sống, nhưng vẫn mang trong mình tư tưởng "hòa quang đồng trần", "cư trần lạc đạo". Nó giúp cho con người (dù là vua, tướng, hay sư) bước ra khỏi những giáo điều khô khan, cứng nhắc để nhập thế, giúp đời, tạo nên tinh thần khai phóng, cởi mở, vừa siêu thoát lại vừa gần gũi...

- *Ẩm thực chay*: Khởi nguyên của kiểu nấu ăn này bắt nguồn từ các nhà sư. Nguyên liệu chế biến món ăn thường làm từ gạo và rau quả. Cách trang trí các món ăn với nhiều màu sắc, nhiều dạng hình cũng khiến cho người thưởng thức cảm thấy được hòa mình rất gần với thiên nhiên. Ngày nay, nghệ thuật và phong cách ẩm thực kiểu Thiền đang trở thành một trào lưu thu hút sự

quan tâm của nhiều người sau những chứng minh về tính khoa học của các bữa ăn mà nguyên liệu chế biến chủ yếu từ thực vật.

- *Kiến trúc Thiền*: Đặc trưng của các công trình kiến trúc này đó là sự cởi mở, nhẹ nhàng và hòa hợp tối đa với thiên nhiên. Mục tiêu chính kiến trúc Thiền là nhằm tạo bầu không khí an nhiên, cởi mở cho tâm hồn các thiền sư cũng như của những người viễn cảnh chùa.

- *Vườn Thiền* (vườn dành cho việc thực hành Thiền) thường có đặc điểm không quá lớn về kích cỡ, sử dụng các hiệu ứng tâm lý tạo cảm giác về không gian và khoảng cách như sắp đặt các bonsai, hòn non bộ, trải cát thành các dòng nhỏ tạo hình ảnh của nước, cây cỏ sắp xếp giản dị, không đối xứng... phản ánh khung cảnh thiên nhiên. Triết lý của vườn Thiền là giúp người thực hành Thiền nắm bắt được tinh thần của thiên nhiên.

- *Luyện tập yoga*, là các phương pháp luận tâm và luyện thân cổ xưa bắt nguồn từ Ấn Độ. Hệ thống các phương pháp này bao gồm rất nhiều bước khác nhau và ở mỗi bước (mỗi cấp bậc), người luyện yoga (yogi) lại phải tuân theo những mục tiêu, những tư thế nhất định.

- *Nghệ thuật cây cảnh* (bonsai) một loại hình nghệ thuật đặc sắc của Thiền tông. Ở Việt Nam, nghệ thuật chơi cây cảnh cũng đã được du nhập vào từ rất sớm và cũng chịu nhiều ảnh hưởng của tâm hồn, tính cách và hoàn cảnh dân tộc. Dáng cây, thế cây, chậu cảnh của Việt Nam thường mang dáng vẻ chông đỡ hơn là chằm phá và thoát ly. Cho dù mang những đặc trưng khác nhau nhưng nghệ thuật chơi cây cảnh mang tính Thiền có một đặc điểm chung là sự mô tả lại thế giới tĩnh lặng, trang trọng của tự nhiên. Trồng và ngắm cây cảnh, giúp cho những nghệ nhân diễn đạt được chí hướng, tâm tư và tình cảm của mình.

Như vậy các loại hình nghệ thuật Thiền này có nhiều giá trị để phát triển du lịch Thiền.

2.3. Hiện trạng khai thác sản phẩm du lịch Thiên ở Quảng Ninh

2.3.1. Tình hình hoạt động du lịch Quảng Ninh trong thời gian qua

Theo số liệu thống kê của Sở Du lịch, trong 6 năm (2001-2006), về chỉ tiêu khách du lịch đạt tốc độ tăng bình quân 14%/năm; trong đó, khách quốc tế đạt tốc độ tăng bình quân 13%/năm. Nếu như năm 2001, tổng lượt khách đến Quảng Ninh mới chỉ đạt 1,9 triệu thì năm 2006 đã vượt qua mốc 3 triệu. Riêng 7 tháng đầu năm 2007, lượng khách tăng 35% so với cùng kỳ năm 2006. Tổng doanh thu du lịch năm 2001 là 468 tỷ đồng thì năm 2006 là 1.269 tỷ đồng; tốc độ tăng bình quân trong 6 năm là 27%.

Đến năm 2009, tuy phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, bệnh dịch... nhưng ngành Du lịch Quảng Ninh đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, các hoạt động quản lý nhà nước về du lịch của ngành được duy trì thường xuyên và có hiệu quả. Ngành du lịch đã chủ động phối hợp với các ban, ngành và các địa phương trong tỉnh tổ chức thành công Lễ hội Du lịch Hạ Long 2009, góp phần quảng bá hình ảnh du lịch Hạ Long - Quảng Ninh đến bạn bè trong nước và quốc tế. Đồng thời tăng cường quan hệ hợp tác, giao lưu của tỉnh đối với các tỉnh, thành phố trong và ngoài nước, được dư luận đánh giá cao. Chương trình Hạ Long vào hè 2009 với các hoạt động biểu diễn văn nghệ, chiếu phim, ẩm thực, thể dục thể thao, trưng bày triển lãm tại Công viên Quốc tế Hoàng Gia... đã thực sự thu hút khách du lịch. Các hoạt động tuyên truyền quảng bá xúc tiến du lịch cũng có những chuyển biến rõ nét, sáng tạo và chuyên nghiệp hơn, tạo được ấn tượng sâu sắc cho du khách về hình ảnh và thương hiệu du lịch Quảng Ninh. Trong năm 2009, ngành Du lịch Quảng Ninh đã phối hợp liên kết với các nước trong diễn đàn du lịch Đông Á (EATOF) quảng bá hình ảnh, sản phẩm du lịch của hai bên. Đồng thời tập trung quảng bá, xúc tiến vào một số thị trường lớn như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước trong khu vực đông Nam Á... và thị trường nội địa. Cùng với đó, du lịch Quảng Ninh cũng đã đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế về phát triển du lịch giữa Quảng Ninh với Cục Du lịch một số

tỉnh, thành của Trung Quốc như: Quảng Tây, Bắc Hải, Phòng Thành, Vân Nam... và hợp tác phát triển du lịch liên vùng giữa Quảng Ninh với một số tỉnh trong nước, tạo điều kiện cho việc kết nối các điểm du lịch trong các tour du lịch liên vùng. Điều đáng chú ý trong hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch là công tác xã hội hoá được quan tâm, ngày càng có thêm nhiều doanh nghiệp tham gia các hoạt động xúc tiến quảng bá với cơ quan nhà nước. Các hoạt động phổ biến tuyên truyền pháp luật, công tác quản lý hoạt động kinh doanh lữ hành, hướng dẫn du lịch, vận chuyển khách du lịch, quản lý lưu trú, đảm bảo môi trường tự nhiên và xã hội cũng được triển khai tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp du lịch...

Thị trường khách du lịch quốc tế tuy giảm nhưng bù lại thị trường khách du lịch nội địa tăng mạnh. Theo thống kê của Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch, tổng lượng khách du lịch đến Quảng Ninh trong năm 2009 đạt: 4,7 triệu lượt khách, tăng 5% so với cùng kỳ. Trong đó, khách quốc tế đạt 1,6 triệu lượt, giảm 1% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu đạt 2.600 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu từ các hoạt động du lịch đạt 2.400 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ. Công suất sử dụng buồng phòng bình quân trên địa bàn tỉnh đạt 45%.

Kết quả hoạt động kinh doanh du lịch Quảng Ninh quý IV – 2009

Danh mục	ĐVT	T10	T11	T12
A - Tổng khách du lịch	Lượt khách	221,400	264,300	299,990
Trong đó: khách du lịch quốc tế		180,400	196,200	223,067
I – Khách lưu trú	Lượt khách			
1. Lượt khách		222,500	232,400	232,560
Trong đó: khách quốc tế		55,700	72,300	77,695
2. Ngày khách	Ngày khách	335,900	375,400	417,342
Trong đó: khách quốc tế		157,000	202,100	138,161
II - Lữ hành	Lượt khách	18,000	20,100	23,175
1. Khách quốc tế		17,400	19,500	22,511
Khách do ĐV tự tổ chức		15,600	18,300	18,286
Khách tiếp nhận				

Khách VN đi nước ngoài		880	890	1,000
Khách TQ đi VN trong ngày		250	280	245
2. Khách trong nước		650	600	664
III – Khách thăm DTLSVH		3,500	3,800	4,200
IV – Khách thăm VHL		135,000	163,600	160,336
B - Tổng doanh thu	Triệu đồng	208,945	233,743	253,363
I – Doanh thu du lịch		198,995	221,752	240,950
Trong đó:				
* Lữ hành		15,159	16,350	19,586
* Phòng nghỉ		71,503	81,792	89,209
* Ăn uống		35,946	43,881	45,975
* Vận chuyển khách		13,020	17,179	15,142
(V.c khách thăm Vịnh)		12,756	16,877	14,819
* Bán hàng hoá		9,594	14,913	12,484
* P.vụ VC giải trí		26,887	23,819	29,277
* Doanh thu khác		26,887	23,819	29,277
II – Vé thăm Vịnh		4,601	6,017	5,424
III – Phí XNC		5,222	5,837	5,849
IV – Phí XDCSHT		127	137	141

(Nguồn: Sở văn hóa Quảng Ninh)

Nét nổi bật rất dễ nhận thấy của hoạt động du lịch trong 2 năm 2008-2009, đó là đã có nhiều tiến bộ về tổ chức kinh doanh, tuyên truyền, quảng bá, tiếp thị nhờ đó số khách du lịch đến Quảng Ninh ngày càng tăng. Địa bàn phát triển không chỉ tập trung ở khu vực Bãi Cháy mà đã mở rộng phạm vi ra 4 trung tâm du lịch của tỉnh: Hạ Long; Uông Bí - Đông Triều - Yên Hưng; Vân Đồn; Móng Cái. Nét nổi bật của ngành Du lịch 2 năm qua là lượng khách du lịch quốc tế đi bằng đường biển tăng mạnh nhờ mở thêm được 2 tuyến du lịch đường biển Hạ Long đi Khâm Châu và Bắc Hải (Trung Quốc). Cơ cấu khách quốc tế có sự chuyển biến tích cực, không chỉ có khách Trung Quốc mà lượng khách đến từ các nước Hàn Quốc, Nhật Bản và các nước Châu Âu, ASEAN, Bắc Mỹ tăng đáng kể. Với tốc độ phát triển như hiện nay ngành Du lịch sẽ hoàn thành chỉ tiêu Đại hội sớm hơn 1 năm đó là đón 5 triệu lượt khách, trong đó có 2,2 triệu lượt khách quốc tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi có tác động tích cực đến hiệu quả kinh doanh thì du lịch Quảng Ninh vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức cần phải khắc phục.

Quảng Ninh là địa phương giàu tiềm năng du lịch, có nhiều danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử nổi tiếng. Tuy nhiên, việc khai thác tiềm năng du lịch của Quảng Ninh đến giai đoạn hiện nay là hiệu quả, nhưng chưa thật cao. Hoạt động du lịch phát triển còn mang tính tự phát, manh mún, tính chuyên nghiệp chưa cao, tình trạng cạnh tranh không lành mạnh còn diễn ra, thiếu nhiều sản phẩm dịch vụ có chất lượng.

Quảng Ninh chỉ mới phát triển du lịch trọng tâm là du lịch tham quan thắng cảnh Vịnh Hạ Long, du lịch tâm linh sinh thái Yên Tử - Uông Bí, du lịch tham quan, mua sắm tại cửa khẩu Móng Cái... Đó là những loại hình du lịch chủ yếu và đã được thực hiện tương đối tốt trong điều kiện phải bảo tồn tính nguyên vẹn và sự phát triển bền vững của các danh thắng nói trên.

Sự phối hợp liên kết giữa các doanh nghiệp du lịch, giữa doanh nghiệp du lịch với các ngành còn hạn chế, thiếu sự hợp tác chặt chẽ: Các doanh nghiệp lữ hành chủ yếu tập trung vào khai thác thị trường Trung Quốc, chưa đủ năng lực để vươn tới các thị trường có khả năng chi tiêu cao. Chất lượng, hiệu quả kinh doanh du lịch còn thấp Sản phẩm du lịch chưa đa dạng, chương trình tour tuyến còn đơn điệu kém hấp dẫn. Cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch còn nhiều bất cập...

2.3.2. Hiện trạng khai thác du lịch Thiên ở Quảng Ninh

2.3.2.1. Thiên viện và chùa ở Quảng Ninh

a) Yên Tử, thiên viện Trúc Lâm Yên Tử

Nói đến du lịch Uông Bí, ấn tượng đầu tiên thu hút du khách chính là khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử - một trung tâm du lịch văn hóa tâm linh kết hợp với du lịch sinh thái tạo nên điểm nhấn cho du lịch của thị xã. Bên cạnh đó, Uông Bí còn có nhiều cảnh quan thơ mộng được thiên nhiên ban

tặng như: Lũng Xanh, Hang Sơn, Hồ Yên Trung... tạo thành một quần thể du lịch hấp dẫn du khách đến với thị xã công nghiệp than, điện này.

Trong những năm gần đây, với việc đầu tư, bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử văn hóa - danh thắng Yên Tử của Trung ương và địa phương, việc quy hoạch, đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí đã tạo điều kiện cho ngành "công nghiệp không khói" của thị xã có những bứt phá mới, trở thành một trọng điểm du lịch của tỉnh.

Khu danh thắng Yên Tử trải dài gần 20km với diện tích 2.686,5 ha núi rừng hùng vĩ, có hệ sinh thái đa dạng phong phú của rừng nhiệt đới và á nhiệt đới. Nơi đây vốn lưu giữ nhiều di tích lịch sử và đã trở thành Trung tâm Phật giáo, "Đất tổ của Phật giáo Việt Nam" từ khi vua Trần Nhân Tông từ bỏ ngai vàng, khoác áo cà sa về Yên Tử tu hành (1299), sáng lập ra một dòng Phật giáo đặc trưng của Việt Nam - dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử và trở thành vị Tổ thứ nhất với pháp danh Điều Ngự Giác Hoàng Trần Nhân Tông. Trải qua 19 năm tu hành, ông đã cho xây dựng hàng trăm công trình lớn nhỏ bao gồm các chùa, tháp, am để làm nơi tu hành và truyền kinh, giảng đạo. Đặc biệt, tọa lạc trên đỉnh non thiêng Yên Tử ở độ cao 1068m so với mực nước biển là Chùa Đồng - tên chữ là Thiên Trúc Tự. Nơi đây có không gian thiên nhiên bao la kỳ vĩ, quanh năm mây trắng, sương mờ che phủ.

Năm 2006, chùa được trùng tu bằng 70 tấn đồng nguyên chất, chiều dài 4,6m, rộng 3,6m, cao 3,35m có hình dáng như một đài hoa sen. Chùa thờ tượng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Tam Tổ Trúc Lâm. Tổng chiều dài đường bộ lên đỉnh Yên Tử (Chùa Đồng) vào khoảng 6.000m. Ngày nay, du khách lên văn cảnh Yên Tử không còn vất vả như xưa bởi hệ thống cáp treo giai đoạn II lên đỉnh Yên Tử đã đưa vào sử dụng từ mùa lễ hội 2008.

Năm 2008, thị xã đẩy mạnh công tác kiểm tra, khảo sát các cơ sở lưu trú có liên quan đến phục vụ khách du lịch và các Trung tâm du lịch lữ hành nhằm thống nhất công tác quản lý trên địa bàn; chủ động đầu tư, sửa chữa hoàn thành một số công trình phục vụ cho việc thu hút khách văn cảnh Yên

Tử, trong đó có việc hoàn thành và đưa vào sử dụng tuyến cáp treo giai đoạn II với kinh phí 118 tỷ đồng, tạo thuận lợi cho du khách ngắm cảnh Yên Tử từ trên cao; hoàn thành và đưa vào sử dụng tuyến đường từ quốc lộ 18A vào bến xe Giải Oan có chiều dài 13,5km với tổng vốn đầu tư trên 40 tỷ đồng; mở rộng bến xe Giải Oan, đầu tư sửa chữa tuyến đường nội vi, tuyến đường lên Chùa Đòng... giảm thiểu tình trạng ùn tắc giao thông vào mùa lễ hội, đảm bảo việc đi lại thuận lợi cho khách hành hương. Hiện tại, thị xã đang tiếp tục triển khai Dự án mở rộng và phát triển khu di tích Yên Tử, trong đó tập trung vào việc xây dựng và triển khai thực hiện dự án Chùa Suối Tắm, dựng Tượng đức vua Trần Nhân Tông

Yên Tử là cõi linh thiêng, du lịch Yên Tử là du lịch tâm linh kết hợp sinh thái.

Những năm gần đây, lượng du khách đến Yên Tử tăng đột biến, nếu như năm 2004 có 404.700 khách du lịch, thì đến năm 2005 Yên Tử đón 43 vạn lượt khách, doanh thu đạt gần 20 tỷ đồng thì đến năm 2008, Yên Tử đã đón gần 1,6 triệu lượt khách, doanh thu trên 85 tỷ đồng, đến giữa tháng 4 năm 2009 đã có trên 1,4 triệu lượt khách hành hương về Yên Tử, bằng 185% so với cùng kỳ năm 2008, đã chứng tỏ sức hút lớn của danh thắng này và sự bứt phá của du lịch địa phương. Mặt khác, hiện nay du khách đến với Yên Tử không chỉ giới hạn vào mùa lễ hội đầu năm như trước kia mà đang có xu hướng diễn ra quanh năm. Theo số liệu thống kê của thị xã thì năm 2009, lượng du khách đến Yên Tử là hơn 2,4 triệu lượt khách tới thăm quan, vượt xa tầm một Trung tâm du lịch quốc gia.

Nhưng hoạt động kinh doanh du lịch ở Yên Tử cũng giống như các điểm du lịch khác là có tính mùa vụ. Vào thời gian chính vụ, lượng khách thập phương đổ về Yên Tử rất đông, đặc biệt là tháng 1, 2 mùa lễ hội Yên Tử. Thời gian ngoài vụ từ 1/4 đến 9/1 năm sau, lượng khách thưa thớt, mọi hoạt động đơn điệu.

Khách thập phương hành hương về Yên Tử chủ yếu với mục đích lễ Phật, về với vùng đất tổ, về với cội nguồn Phật giáo Việt Nam. Trong tâm khảm của du khách Yên Tử là cõi tâm, cõi thiện, là nơi gửi gắm niềm tin, lễ sống, giải tỏa những niềm u uất, phiền não khổ đau..

Trong số khách về với Yên Tử, chủ yếu là lễ Phật, cầu những điều may mắn, sức khỏe, tiền tài...cho gia đình và bản thân. Số còn lại với mục đích tham quan, văn cảnh, tìm hiểu nghiên cứu khoa học, lịch sử, chiêm ngưỡng những nét kiến trúc, khảo cổ.

Khách du lịch quốc tế đến Yên Tử chủ yếu đi theo tour du lịch của các công ty lữ hành, đặc biệt từ Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Sài Gòn...Khách quốc tế đến Yên Tử cũng chỉ với mục đích tham quan phong cảnh thiên nhiên, tìm hiểu văn hóa, nghiên cứu khoa học, thể thao leo núi....

Khách du lịch nội địa thường tự tổ chức, không có hướng dẫn viên, họ đến từ các tỉnh lân cận như Hải Phòng, Hải Dương, Hà Nội, Thái Bình, và cư dân của Quảng Ninh. Họ đến Yên Tử theo truyền thống đầu năm dâng hương lễ Phật, tham quan và tìm hiểu văn hóa Phật giáo. Một số ít trong số họ đến Yên Tử để Thiền, ăn ở, sinh hoạt giống đời sống của một thiền sư, được nghe giảng kinh Phật...nhưng hầu như đơn lẻ, không có tổ chức, manh mún.

Hiện nay, có một số tour du lịch mới từ Hà Nội hoặc TP.HCM đến Yên Tử do Công ty Transviet tổ chức. Từ Hà Nội có 2 tour: tour 1 ngày (280.000 đồng/khách) đến Yên Tử: đi cáp treo lên khu tháp tổ, thăm chùa Hoa Yên, chùa Một Mái, chùa Bảo Sái, chùa Vân Tiêu, thăm Thiền viện Trúc Lâm; tour 2 ngày cũng có các địa điểm trên, và có thêm chương trình nghe sư trụ trì giới thiệu về Thiền phái Trúc Lâm, lịch sử chùa Yên Tử, *học cách ngồi thiền...*Trong chương trình học ngồi thiền, du khách sẽ được Thiền sư của chùa giảng giải và hướng dẫn thực hành tư thế ngồi thiền đơn giản nhất, các tác dụng của việc ngồi Thiền...Như vậy các lớp học Thiền ở các thiền viện cũng như các chùa sẽ có tác dụng kéo dài thời gian lưu trú của khách du lịch

tại điểm đến, nó góp phần tạo cơ hội cho sự phát triển du lịch của địa phương và của tỉnh.

b) Thiền viện Giác Tâm

Chùa Cái Bàu – Thiền viện Giác Tâm là một điểm du lịch mới của huyện Vân Đồn. Trước cũng có nhiều người đã đến thăm và dâng hương tại chùa Cái Bàu nhưng số lượng không nhiều, chủ yếu là người dân sinh sống ở huyện đảo Vân Đồn vì chùa lúc đó còn đơn sơ và thiếu quy hoạch.

Đến năm 2007 chùa mới được quy hoạch, xây dựng khang trang trên tổng diện tích 20ha. Vì chùa còn nằm ở gần khu du lịch Bãi Dài nổi tiếng với vẻ đẹp hoang sơ bên bờ vịnh Bái Tử Long nên ngôi chùa được nhiều người biết đến. Từ năm 2008 sau khi các công trình của chùa đã được hoàn thiện thì chùa Cái Bàu – thiền viện Giác Tâm đã trở thành một điểm du lịch tâm linh hấp dẫn du khách trong và ngoài tỉnh, đã có rất nhiều du khách thập phương đến viếng thăm bởi giá trị lịch sử, văn hóa và vẻ đẹp nên thơ của cảnh quan thiên nhiên.

Các chương trình du lịch thăm viếng chùa của du khách ngoại tỉnh (Hải Dương, Hải Phòng, Hà Nội, Thái Bình...) chủ yếu được thực hiện bởi các công ty lữ hành, như một số chương trình du lịch Chùa Lân – chùa Long Tiên – Đền Cửa Ông – chùa Cái Bàu (1 ngày), Yên Tử - chùa Cái Bàu (2 ngày), Côn Sơn – chùa Long Tiên – chùa Cái Bàu – thiền viện Trúc Lâm Yên Tử (2 ngày)...Phần lớn khách đến thăm chùa là người dân Quảng Ninh với hình thức tự tổ chức, không có hướng dẫn viên, họ đi theo một truyền thống đầu năm lễ Phật, đến các ngôi chùa trong địa bàn của tỉnh như chùa Long Tiên – chùa Yên Tử - đền Cửa Ông – chùa Cái Bàu hoặc các con nhang đệ tử đến chùa trong dịp lễ hội, ngày lễ Phật đản được tổ chức tại chùa.

Khách du lịch đến chùa Cái Bàu – thiền viện Giác Tâm cũng chỉ với mục đích dâng hương lễ Phật, cầu bình an, sức khỏe, tham quan, ngắm cảnh...còn mục đích Thiền gần như không có. Và trên thực tế cũng chưa có tour du lịch hay chương trình du lịch Thiền nào về Cái Bàu – thiền viện Giác Tâm mặc dù

Thiền viện Giác Tâm là một Thiền viện mới xây dựng, có đầy đủ nơi ăn nghỉ, trai đường, Thiền đường cho du khách đến để tu tập Thiền và nghe giảng kinh sách, sống cuộc sống của một Thiền sư trong khung cảnh thiên nhiên yên bình để tìm lại sự cân bằng cho bản thân, để giải tỏa những lo âu, những điều vướng bận trong cuộc sống gấp gáp hiện đại, để nhìn mọi thứ một cách nhân ái hơn.

c) Chùa Quỳnh Lâm

Chùa Quỳnh Lâm là một trong những ngôi chùa nổi tiếng của xứ Đông xưa, là nơi các nhà tu hành, trụ trì các chùa về đây học đạo và nghiên cứu. Chùa đã trở thành địa điểm khá quen thuộc với người dân Quảng Ninh cũng như du khách của các tỉnh lân cận khác.

Mỗi dịp lễ hội lượng khách du lịch là 2-3 nghìn người 1 ngày. Khách du lịch đến từ các tỉnh lân cận như Hải Phòng, Hải Dương và khách nội tỉnh. Đối tượng khách đa dạng đủ mọi lứa tuổi, ngành nghề. Tuy nhiên khách nội tỉnh cũng như khách ngoại tỉnh, họ thường đi theo chương trình của công ty lữ hành, hay tự tổ chức nhưng chỉ ghé qua tham quan chứ không lưu trú tại đây.

Sở dĩ một ngôi chùa có lịch sử lâu đời, lại mang nhiều giá trị văn hóa nhưng lượng khách đến đây ít, chủ yếu vào dịp đầu năm và lễ hội, vì hiện nay chùa đã bị xuống cấp nhiều do thời gian, chùa có quy mô tương đối nhỏ, sự đầu tư cho xây dựng và tu bổ chùa chưa được chính quyền địa phương quan tâm đúng mức, chùa lại không có không gian và nơi ăn nghỉ cho khách thập phương. Mặt khác di tích còn bị khai thác sai mục đích: nuôi gấu trong khuôn viên chùa.

Loại hình du lịch Thiền chưa có ở đây cũng vì những lý do trên, chùa có điều kiện để phát triển du lịch Thiền nhưng cần sự đầu tư tích cực và mạnh mẽ về kinh tế để tu bổ, mở rộng không gian, xây dựng trai đường, thiền đường, giảng đường, nhà khách...trên một diện tích rộng có sẵn của chùa.

d) Chùa Lô Âm

Chùa Lô Âm tu bỏ lại từ năm 2007, tuy nhiên chùa vẫn chưa được nhiều khách du lịch biết đến. Du khách đến chùa chủ yếu là người dân địa phương đi về trong ngày, không lưu trú qua đêm. Khách thập phương đến đây trong dịp lễ bái đầu năm và ngày lễ hội của chùa.

Tuy chùa có cảnh quan hấp dẫn, nhưng do diện tích nhỏ hẹp, cùng với chùa chưa được xây dựng hoàn thiện các hạng mục, các khu nhà trai đường, thiền đường, nhà khách còn rất hạn chế nên chưa thu hút được khách du lịch đến đây lưu trú qua đêm, và loại hình du lịch Thiền cũng chưa hình thành và phát triển.

2.3.2.2. Các loại hình nghệ thuật Thiền trong các chùa và thiền viện Quảng Ninh

Các loại hình nghệ thuật Thiền như trà thiền, tranh thiền, thư pháp, vườn thiền...đều đang tồn tại trong các chùa, thiền viện Quảng Ninh. Những người hiểu và sáng tác các tác phẩm của các loại hình nghệ thuật này chỉ là các thiền sư tại các chùa. Các thiền sư vẽ tranh thiền, làm thơ thiền, viết thư pháp...cũng có tác phẩm trưng bày trong các nhà trưng bày của chùa, trong nhà quà lưu niệm nhưng vẫn còn hạn chế. Nhìn chung các loại hình nghệ thuật ấy mới chỉ được hoạt động trong nội bộ chùa, phục vụ cho đời sống và quá trình tu tập Thiền của các Thiền sư mà chưa được phát triển rộng rãi, chưa đủ sức để trở thành một sản phẩm du lịch Thiền vì hiếm có nhiều người biết và hiểu được cái hay, cái đẹp và ý nghĩa Thiền của các loại hình nghệ thuật này.

Có thể thấy rõ nét rằng trong mỗi ngôi chùa đều có phòng tiếp khách, có khuôn viên cho du khách dừng chân nghỉ ngơi và đồ uống dùng tiếp khách ở đây là trà. Tuy rằng nghệ thuật uống trà Việt Nam rất đơn giản, nhẹ nhàng, uống trà trong vườn với khung cảnh bình yên, không cầu kì phức tạp như Nhật Bản, Trung Quốc, nhưng cách thức uống trà của du khách tại các chùa không mang tính chất thiền sâu sắc và trà Thiền chưa trở thành đặc trưng

trong du lịch Thiền. Người ta uống trà với mục đích là để giảm bớt cơn khát, cái mệt nhọc trong quá trình tham quan chùa...mà không hiểu uống trà theo phong cách Thiền, không đạt được tới cái đích Thiền. Trà thiền vốn có nhiều tiềm năng phát triển, có nhiều tác dụng cho sức khỏe và đời sống tâm lý, nhưng chúng chưa được khai thác một cách hợp lý, đúng giá trị.

2.3.3. *Đánh giá chung về hoạt động du lịch Thiền ở Quảng Ninh*

Nhìn chung Quảng Ninh cũng là tỉnh có nhiều chùa chiền nổi tiếng, lại là nơi phát tích của dòng Thiền Việt Nam – Thiền Phái Trúc Lâm Yên Tử do Giác Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập.

Hoạt động du lịch của Quảng Ninh cũng khá phát triển, bên cạnh du lịch biển, du lịch tham quan, mạo hiểm, thì lượng du khách và doanh thu từ loại hình du lịch dựa vào các tài nguyên du lịch lễ hội, chùa chiền cũng đáng kể.

Nhưng hầu như, khách du lịch, các chương trình du lịch đến chùa chiền của Quảng Ninh chủ yếu với mục đích dâng hương lễ Phật, cầu bình an, may mắn, hạnh phúc, sức khỏe...cho gia đình và bản thân. Rất ít hoặc có khi rất hiếm ai đến chùa để tu tập Thiền, nghe giảng kinh Phật, nghe thuyết pháp, sống cuộc sống của Thiền sư. Chính vì vậy mà hoạt động du lịch Thiền ở Quảng Ninh dường như mới chỉ bắt đầu trên con đường hình thành, manh mún, ở giai đoạn sơ khai.

Nếu như ở các tỉnh, thành phố khác trên đất nước, nơi có Phật giáo phát triển và có các Thiền viện như Đà Lạt (thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt), Vĩnh Phúc (thiền viện Tây Thiên), thành phố Hồ Chí Minh (thiền viện Phước Sơn, thiền viện Vạn Hạnh..), Nha Trang loại hình du lịch Thiền đã hình thành và bắt đầu phát triển trong vài năm gần đây. Họ đã tổ chức các lớp tu tập Thiền với nhiều hình thức khác nhau, thu hút được nhiều du khách tham gia. Đặc biệt vào những tháng nghỉ hè, người dân địa phương và các vùng lân cận thường cho con em mình lên các thiền viện để sống, sinh hoạt như một thiền sư trong 2 tháng hè. Kết quả các em đã trưởng thành hơn, nhiều em ham chơi, lười làm công việc nhà, lười học, bướng bỉnh, ốm yếu đã ngoan hơn, sống

gần gũi, cởi mở hơn...và điều quan trọng là các em thông hiểu được đạo lý sống để trở thành một công dân có ích cho xã hội.

Nhìn lại hiện trạng khai thác du lịch Thiền ở Quảng Ninh, các chùa và thiền viện của Quảng Ninh vẫn chưa làm được những chương trình du lịch Thiền như thế.

Nguyên nhân của sự chậm phát triển loại hình du lịch Thiền ở Quảng Ninh là do:

- Nhận thức của cấp quản lý nhà nước, người làm du lịch, người dân về loại hình du lịch mới mẻ này chưa hình thành và chưa phổ biến.

Kết quả điều tra 150 người đang sinh sống tại thành phố Hạ Long, trung tâm kinh tế, hành chính của tỉnh, cho thấy: tất cả họ đều cho rằng du lịch Thiền gắn với chùa chiền, 80% họ không biết du lịch Thiền là như thế nào, có những hoạt động gì, nó bổ ích ở chỗ nào, mục đích làm gì; 20% chỉ nghe nói đến loại hình du lịch này mới xuất hiện và hiểu một cách sơ khai về nó; hầu như trong số họ chưa có ai đã đi du lịch Thiền, họ chỉ đến chùa để lễ Phật theo truyền thống, nếu có tập Yoga thì cũng là đến các câu lạc bộ hoặc tự tập ở nhà...Nhìn từ góc độ quản lý, các cơ quan các cấp và chính quyền địa phương dường như cũng chưa có một chương trình hay dự án nào cho loại hình du lịch hấp dẫn này. Hiện tại, chỉ quan tâm, chú trọng đến việc khai thác các lễ hội truyền thống tại các chùa chiền và Thiền viện mà chưa quan tâm đến khai thác tổng thể các nguồn tài nguyên phong phú (hệ thống kiến trúc, cảnh quan thiên nhiên, các loại hình văn hóa trà đạo, thư pháp, hội họa Thiền, ẩm thực chay, vườn thiền...) tại các điểm du lịch này để phát triển loại hình du lịch Thiền, loại hình du lịch gần gũi với môi trường, du lịch bền vững.

- Không gian cho du lịch Thiền tại các chùa và các thiền viện chưa được quy hoạch cụ thể, thiếu không gian cho sự phát triển của loại hình du lịch này.

- Chưa xây dựng được các chương trình du lịch Thiền đặc trưng.

- Các loại hình nghệ thuật cho sự phát triển của du lịch Thiền chưa được chú trọng khai thác, phát triển phục vụ cho du lịch

- Đội ngũ cán bộ nhân viên, hướng dẫn viên cho du lịch Thiên chưa có.
- Vốn đầu tư cho việc tôn tạo, phát triển các nguồn tài nguyên cho du lịch Thiên còn hạn chế.

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH THIÊN Ở QUẢNG NINH

3.1. Phương hướng phát triển du lịch Quảng Ninh trong thời gian tới

Phương hướng nhiệm vụ năm 2010 ngoài công tác xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật, Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Quảng Ninh sẽ phối hợp cùng các ngành và các doanh nghiệp liên quan lập đề án xây dựng các sản phẩm du lịch cộng đồng, sinh thái tại khu vực làng chài Vung Viêng và các sản phẩm và tuyến du lịch mới; tiếp tục cuộc vận động bầu chọn cho Vịnh Hạ Long là Kỳ quan thiên nhiên thế giới; liên kết quảng bá cho Vịnh Hạ Long trong chương trình quảng bá 1.000 năm Thăng Long- Hà Nội; đưa Lễ hội Du lịch Hạ Long vào danh mục các Lễ hội Du lịch quốc gia hàng năm... Sau khi nghe tham luận của các doanh nghiệp Du lịch đại diện cho các khối Nhà hàng- Khách sạn, Lữ hành, Tàu vận chuyển khách du lịch... Tỉnh cần khắc phục những khó khăn để thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch chuyên môn trong năm 2010 như cần chặt chẽ, đồng bộ trong công tác quản lý nhà nước về Du lịch; công tác nắm bắt thông tin về lữ hành và thị trường Du lịch; tổ chức các cuộc Hội thảo về quảng bá và xúc tiến về du lịch.

Năm 2010, ngành Du lịch Quảng Ninh tiếp tục thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tạo chuyển biến tích cực về chất lượng và môi trường du lịch. Nắm bắt cơ hội để củng cố các thị trường truyền thống, tranh thủ phát triển các thị trường tiềm năng, mới; đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ du lịch. Đến năm 2010, sẽ thu hút khoảng 6.8triệu lượt khách du lịch (trong đó từ 2.5-3 triệu lượt khách quốc tế) và tăng gấp 1.5 lần vào năm 2020. Phấn đấu doanh thu đạt 3.000 tỷ vào năm 2010 và trên 5.000 tỷ đồng vào năm 2020.

Tập trung phát triển 4 khu du lịch chính là : Hạ Long, Vân Đồn, Móng Cái-Trà Cổ, Uông Bí- Đông Triều- Yên Hưng thành trung tâm du lịch lớn tương ứng với vị thế của tỉnh có doanh thu từ du lịch chiếm tỉ trọng cao, bền

vững trong cơ cấu GDP. Tổ chức các tuyến du lịch trong tỉnh, ngoài tỉnh và du lịch nước ngoài.

Chú trọng phát triển các sản phẩm du lịch có chất lượng cao và các sản phẩm du lịch bổ trợ, sản phẩm lưu niệm thủ công mỹ nghệ, ẩm thực.

Các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư:

- Khu đô thị, du lịch sinh thái Hoàng Tân, tại xã Yên Hưng, thời gian thực hiện 2005-2010.
- Khu du lịch Bãi Dài, huyện Vân Đồn, thời gian thực hiện 2005-2010
- Cảng tàu du lịch Hòn Gai, Hạ Long, thời gian thực hiện 2006-2010
- Khu du lịch Trà Cổ và sân gôn Quốc tế, Móng Cái, thời gian thực hiện 2007-2012.
- Khu vui chơi bóng (Bowling) tại Hạ Long – Móng Cái, thời gian thực hiện 2008-1015
- Công viên giải trí tổng hợp và khu thể thao ngoài trời Hạ Long tại Đại Yên, thời gian thực hiện 2008-2015
- Công viên giải trí tổng hợp và khu thể thao ngoài trời Móng Cái, tại Trà Cổ, thời gian thực hiện: 2009-2015
- Công viên nước, tại Hạ Long; thời gian thực hiện:2010-2020
Câu lạc bộ biển và săn bắn trên đảo,tại Hạ Long - Bái tử Long; thời gian thực hiện: 2010-2020
- Khách sạn Bến Đoan, tại Hạ Long; thời gian thực hiện:2008-2010
- Khu du lịch đảo Hòn Gạc, tại Hạ Long; thời gian thực hiện: 2008-2020
- Khu du lịch đảo Ngọc Vũng, tại Vân Đồn; thời gian thực hiện: 2006-2010
- Khu nghỉ mát trên vịnh Hạ Long, tại Hạ Long-Công Đông-Tây; thời gian thực hiện: 2008-2015

- Khu du lịch khe Chè tại Đông triều thời gian thực hiện:2008-2020
- Khu resort ở đảo Ngọc Vũng tại Vân Đồn;thời gian thực hiện: 2006-2015
- Làng văn hoá chân núi Yên Tử tại Uông Bí;thời gian thực hiện: 2007-2010

Trên thực tế hoạt động du lịch mấy tháng đầu năm 2010 cho thấy du lịch Quảng Ninh đang bắt đầu hoạt động có hiệu quả và phấn đấu đạt chỉ tiêu đề ra.

Chỉ trong 3 tháng đầu năm 2010, ngành Du lịch Quảng Ninh đã đón trên 2,2 triệu lượt khách (đạt 42 % kế hoạch năm 2010, tăng 12 % so với cùng kỳ), trong đó khách quốc tế đạt trên 475 nghìn lượt. Tổng doanh thu du lịch quý I đạt khoảng 840 tỷ đồng, tăng 8 % so với cùng kỳ.

Có thể nói, trong những tháng đầu năm, lượng khách du lịch đến Quảng Ninh tăng đột biến nhưng chủ yếu vẫn là khách đi lễ hội. Các điểm tham quan như: Khu danh thắng Yên Tử, đền Cửa Ông, đền Cặp Tiên, chùa Cái Bầu ... là những nơi thu hút lượng khách lớn. Theo số liệu thống kê, với tổng số hơn 2,2 triệu lượt khách du lịch đến Quảng Ninh trong 3 tháng, trong đó đã có 1,5 triệu lượt khách đến tham quan các khu di tích lịch sử văn hóa và hơn 567 nghìn lượt khách tham quan Vịnh Hạ Long. Một tín hiệu đáng mừng nhất là sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, lượng khách du lịch quốc tế đến Quảng Ninh đang có dấu hiệu phục hồi trở lại. Nếu tháng 2-2010, khách quốc tế đến Quảng Ninh đạt 161.780 lượt, đến tháng 3 là 166.800 lượt. Trong đó, phải kể đến khách du lịch quốc tế đến Hạ Long bằng tàu biển. Cũng vào những tháng đầu năm này du lịch đường biển quốc tế cũng có dấu hiệu khả quan hơn so với cùng kỳ năm 2009. Nhiều hãng tàu biển lớn như Seaborn, Legend of the sea, Aurora, Silver sea... đã chọn Hạ Long là điểm đến trong hành trình tới Việt Nam. Điều đáng nói, sau một thời gian gián đoạn, trong những ngày gần đây, Hạ Long lại được đón sự trở lại của một số hãng tàu biển du lịch quốc tế sang trọng như: Nautica, hãng Oceania Cruises và tàu

biển 6 sao Seven seas. Sự xuất hiện và trở lại của một số hãng tàu biển lớn đã góp phần làm tăng lượng khách quốc tế đến Quảng Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung.

Thực tế cho thấy, năm 2010 là năm ngành Du lịch Quảng Ninh có nhiều cơ hội để thúc đẩy sự tăng trưởng. Vì đây là năm nước ta có nhiều sự kiện trọng đại, tiêu biểu nhất là Đại lễ 1000 năm Thăng Long- Hà Nội, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm. Thêm nữa, trong chương trình xúc tiến du lịch chung cho toàn ngành năm 2010, Hà Nội và Hạ Long được chọn là 2 điểm đến quan trọng nhất trong Năm du lịch quốc gia. Và gần đây nhất, trung tuần tháng 3, Tổng Cục Du lịch đã triển khai chương trình kích cầu du lịch năm 2010 với tên gọi “Việt Nam-điểm đến của bạn” bao gồm 7 nội dung, trong đó có 3 nội dung hoàn toàn mới. Đó là: Phát động chiến dịch bán hàng giảm giá vào mùa thấp điểm “Impressive Viet nam Grand Sale 2010” nhằm thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế; phát động chiến dịch xúc tiến tại chỗ đối với khách du lịch đã đến Việt Nam với khẩu hiệu “Việt Nam thân thiện chào đón bạn”; Phát động chiến dịch hướng về cội nguồn giành cho Việt Kiều. Còn các nội dung khác đã triển khai trong những năm qua, trong đó có việc đẩy mạnh chiến dịch bầu chọn cho Vịnh Hạ Long là kỳ quan thiên nhiên thế giới, với thông điệp “Mỗi du khách một phiếu bầu cho Vịnh Hạ Long”. Riêng đối với Quảng Ninh, đây cũng là năm Quảng Ninh đăng cai tổ chức Diễn đàn Du lịch Liên khu vực Đông á (EATOF) và tổ chức Lễ hội Du lịch Hạ Long 2010 cùng một chuỗi liên kết các sự kiện hoạt động văn hóa, thể dục thể thao và du lịch phong phú... Với những lợi thế này cộng với thế mạnh về tiềm năng du lịch, là nơi có nhiều danh lam, thắng cảnh hấp dẫn, đặc biệt là Vịnh Hạ Long chắc chắn sẽ thu hút một lượng khách du lịch lớn đến với Quảng Ninh.

Trong những tháng đầu năm 2010 này, ngành Du lịch Quảng Ninh đang tiếp tục đổi mới hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch gắn với chiến lược phát triển thị trường. Bên cạnh đó, còn chú trọng đến công tác đầu tư và nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ du lịch, tăng cường liên kết liên vùng, đẩy

mạnh quan hệ hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường khách. Đặc biệt, ngành du lịch đang tích cực triển khai thực hiện các chương trình của Lễ hội Du lịch Hạ Long, và tiếp theo đó là Đại hội EATOF, diễn đàn du lịch liên khu vực Đông á với sự tham gia của 12 nước trong khu vực Đông á.

Thông qua những sự kiện này, ngành Du lịch Quảng Ninh có thêm cơ hội để quảng bá hình ảnh du lịch Quảng Ninh đến với bạn bè trong nước và quốc tế cũng như thu hút khách du lịch đến với Quảng Ninh.

3.2. Một số giải pháp phát triển du lịch Thiền ở Quảng Ninh

Quảng Ninh là nơi phát tích của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, phong phú chùa chiền và thiền viện, các loại hình văn hóa, nghệ thuật Thiền. Tuy nhiên, trên thực tế việc khai thác các tài nguyên này chủ yếu vào phục vụ cho loại hình du lịch văn hóa, thăm quan, lễ hội... còn đối với du lịch Thiền thì thật sự còn ở giai đoạn sơ khai và chưa đạt hiệu quả cao, chưa xây dựng được các tour du lịch Thiền đặc thù. Đa số khách du lịch đến với các tài nguyên Thiền này chỉ là khách nội địa, khách tự do không đi theo đoàn, chủ yếu đi với hình thức nhỏ lẻ tự tổ chức mà không trực tiếp mua tour của các công ty lữ hành; với mục đích thăm viếng, văn cảnh chùa, dâng hương lễ Phật đầu năm, với mục đích du lịch Thiền thật sự rất hiếm.

Quảng Ninh cần có biện pháp và chính sách để đưa du lịch Thiền trở thành sản phẩm du lịch mới, độc đáo, hấp dẫn của tỉnh, thu hút ngày càng nhiều du khách đến với Quảng Ninh.

Vấn đề cần thiết đặt ra với việc khai thác các sản phẩm du lịch Thiền của Quảng Ninh là phải có biện pháp tôn tạo, bảo tồn các tài nguyên du lịch Thiền; xây dựng nhận thức về du lịch Thiền với mọi đối tượng từ nhà quản lý, người hoạt động du lịch và người dân địa phương, khách du lịch; xây dựng các sản phẩm du lịch Thiền... thì hoạt động du lịch Thiền mới có cơ hội phát triển vững mạnh.

3.2.1. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động du lịch, hợp tác phát triển du lịch

Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong việc kiểm tra hướng dẫn các doanh nghiệp kinh doanh du lịch đặc biệt trong khâu dịch vụ phục vụ khách đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của khách. Cần có biện pháp ngăn chặn và xử lý các hiện tượng bán hàng không đúng quy định, chèo kéo, bắt chẹt khách... tại các điểm du lịch Thiền gây ấn tượng không tốt đối với khách.

Sự hợp tác liên kết giữa các cơ quan chức năng trong việc phát triển du lịch sẽ tạo điều kiện thuận lợi để khai thác các sản phẩm du lịch Thiền trong tương lai, khai thác có hiệu quả các nguồn tài nguyên sẵn có, đặc biệt chú trọng đến việc quảng bá loại hình du lịch mới này, chú trọng đến sự liên kết giữa các địa phương có tài nguyên du lịch Thiền với cá công ty lữ hành trong việc xây dựng và phát triển các tour du lịch Thiền.

Phối hợp với các vùng phụ cận như Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Bình, Hải Dương, Hải Phòng... trong việc mở các tour du lịch liên quan dài ngày, hợp tác phát triển du lịch của tỉnh nói chung và du lịch Thiền nói riêng với các tỉnh bạn.

Tổ chức các hội thảo chuyên đề về Thiền học, du lịch Thiền, tiềm năng phát triển du lịch Thiền, các sản phẩm du lịch Thiền, các chương trình du lịch Thiền và lấy ý kiến của khách.

Liên kết với các doanh nghiệp trên cả nước đã từng tổ chức loại hình du lịch này như Nha Trang, Đà Lạt, Tp Hồ Chí Minh, kết hợp khảo sát, trao đổi, tọa đàm với các doanh nghiệp trong việc khai thác các tour du lịch Thiền để khai thác tiềm năng du lịch Thiền của tỉnh.

3.2.2. Bảo vệ và tôn tạo các tài nguyên du lịch Thiền vốn có của Quảng Ninh

Đầu tư, tôn tạo, bảo vệ các tài nguyên du lịch Thiền đối với Quảng Ninh là một việc làm quan trọng và cấp thiết. Muốn làm được điều đó cần có sự hỗ trợ của các Bộ ngành trung ương, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành

của tỉnh, các địa phương có nguồn tài nguyên và cộng đồng dân cư địa phương.

Các biện pháp nhằm bảo tồn, tôn tạo tài nguyên du lịch Thiền:

Tăng cường giáo dục cho mọi tầng lớp nhân dân đặc biệt là nhân dân trong khu vực có các công trình Phật giáo nhận thức đúng giá trị, ý nghĩa quan trọng về giữ gìn các giá trị vật chất và tinh thần của các công trình đó để từ đó nâng cao tinh thần tự giác bảo vệ các giá trị của chùa chiền và cảnh quan có liên quan. Giúp họ thấy rằng các thiền viện Trúc Lâm, Giác Tâm, các chùa Lô Âm, Quỳnh Lâm bên cạnh giá trị văn hóa, lịch sử, là trung tâm Phật giáo Quảng Ninh, Yên Tử là nơi phát tích của Thiền phái Phật giáo mang đậm màu sắc dân tộc, đây là quần thể tái hiện quá trình tu tập, đắc đạo của vua Trần Nhân Tông... chúng còn giá trị về du lịch, đặc biệt là du lịch Thiền, một loại hình du lịch có xu hướng phát triển trong tương lai.

Tăng cường công tác quản lý tại các di tích để bảo vệ và kiểm tra thường xuyên tình trạng hoạt động du lịch trong khu vực di tích. Phải xây dựng và củng cố các Ban quản lý ở các di tích cho phù hợp với thực trạng phát triển du lịch tại khu di tích đó. Như khu du lịch Yên Tử, hàng năm vào mùa lễ hội, số lượng du khách về đây rất đông do vậy phải tăng cường nguồn nhân lực quản lý về cả số lượng và chất lượng để đáp ứng nhu cầu quản lý một số lượng khách đông như vậy, để tránh tình trạng di tích bị xâm hại. Các khi di tích như chùa Quỳnh Lâm, chùa Lô Âm, chùa Cái Bầu và Thiền viện Giác Tâm, ban quản lý chỉ có vài người, vào mùa lễ hội không thể kiểm soát được, công tác quản lý ở đây còn sơ sài.

Các cơ quan quản lý nhà nước cần phải quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép kinh doanh cho các doanh nghiệp, các hộ dân kinh doanh buôn bán trong khu vực di tích. Đồng thời, cũng khuyến khích các doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân đầu tư kinh doanh các loại hình dịch vụ phục vụ cho hoạt động du lịch của di tích. Như ở Yên Tử nên khuyến khích xây dựng thêm các quán ăn, nhà hàng, nhà nghỉ phục vụ khách du lịch.

Ban hành các chính sách pháp luật để bảo vệ các di tích, cảnh quan chùa, thiền viện. Việc bảo vệ chúng phải gắn liền với lợi ích của cư dân địa phương. Nghiêm cấm các hành vi phá hoại đến cảnh quan, môi trường xung quanh khu di tích thắng cảnh, như ở Yên Tử, nghiêm cấm việc khai thác than, việc khai thác các lâm sản như măng, tre, phong lan... làm ảnh hưởng xấu đến cảnh quan và môi trường; ở chùa Lô Âm nghiêm cấm việc chặt phá rừng của người dân để lấy gỗ làm chất liệu đốt phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày, làm giảm mỹ quan môi trường và phá hủy môi trường, không gian Thiền của nó.

Cần phục hồi, tôn tạo các chùa đã bị hư hỏng do thời gian như chùa Quỳnh Lâm, một ngôi chùa được coi là trung tâm Phật giáo xứ Đông xưa với nhiều giá trị văn hóa, lịch sử. Đồng thời phải thường xuyên xây dựng lại cảnh quan môi trường các khu di tích này, hoàn thiện quy hoạch tổng thể các khu du lịch. Do vậy cần phải triển khai phong trào giữ gìn môi trường xanh, sạch trong cộng đồng, kêu gọi ý thức bảo vệ môi trường của người dân trong cuộc sống hàng ngày cũng như khi tham gia vào hoạt động du lịch.

Để việc đầu tư cho bảo tồn, tôn tạo các chùa chiền, thiền viện đạt hiệu quả cao nhất thì vấn đề đầu tiên là cần phải quan tâm đến việc lựa chọn những người trực tiếp làm công tác bảo tồn, tôn tạo vì chính chỉ khi họ hiểu được tầm quan trọng của việc họ đang làm, có kiến thức đầy đủ về chuyên môn thì công việc bảo tồn, tôn tạo mới đạt hiệu quả.

Đối với các loại hình văn hóa, nghệ thuật như thư pháp, trà thiền, sinh vật cảnh, thơ thiền... phục vụ cho hoạt động du lịch Thiền cần thật sự được phát huy tích cực hơn nữa. Các loại hình nghệ thuật này vẫn đang tồn tại nhưng dường như chỉ để phục vụ cho đời sống riêng của Thiền sư – người biết và hiểu, người làm ra sản phẩm, nó chưa được phát triển rộng rãi. Bởi vậy cần có biện pháp tăng cường, phát huy các loại hình này một cách thích đáng, làm cho nó trở nên quen thuộc với mọi người, phát huy được hết các giá trị vốn có của nó như mở rộng không gian cho việc trưng bày các tác phẩm của các Thiền sư, thành lập câu lạc bộ về các loại hình nghệ thuật Thiền cho

những người am hiểu và yêu thích tham gia, tổ chức các triển lãm nghệ thuật Thiền để mọi người có thể biết đến, mở các lớp học cho mỗi loại hình nghệ thuật đó... Ở các chùa và thiền viện là nơi có nhiều điều kiện để phát triển hơn cả, các nhà sư, thiền sư là người thông hiểu về Thiền, lại có khả năng về các loại hình nghệ thuật như thơ thiền, trà thiền, tranh thiền, thư pháp... thiền viện lại có cảnh quan thiên nhiên – vườn thiền – là điều kiện để phát huy các loại hình nghệ thuật này phục vụ cho khách du lịch khi đến đây tu tập và sống thiền.

3.2.3. Xây dựng nhận thức khai thác du lịch Thiền

Xây dựng nhận thức khai thác sản phẩm du lịch mới muốn đạt hiệu quả phải được thực hiện trên mọi đối tượng khác nhau.

Đối với Thiền sư, những người hành đạo và theo đạo: cần phải cho họ thấy du lịch Thiền là loại hình du lịch mới có nhiều tiềm năng phát triển, có nhiều giá trị khai thác để họ chủ động tiếp nhận hoạt động du lịch tại các chùa và các thiền viện của mình, chủ động nâng cao hiểu biết về các loại hình nghệ thuật Thiền, chủ động mở các lớp tu luyện thiền, hướng dẫn trực tiếp cho du khách, là người giới thiệu cho khách về Phật giáo Việt Nam, về Thiền Trúc Lâm. Làm cho họ nhận thức được ý nghĩa của loại hình du lịch này đối với người đi du lịch, đối với sự phát triển du lịch của địa phương và tỉnh, họ sẽ chủ động đề nghị các chương trình du lịch, các dự án quy hoạch du lịch Thiền vì chính họ là người hiểu rõ nhất về Phật giáo và Thiền, từ đó tạo điều kiện cho du lịch Thiền phát triển.

Đối với người làm du lịch bao gồm cơ quan quản lý nhà nước về du lịch, các cấp lãnh đạo về du lịch của tỉnh, địa phương, các công ty du lịch, đội ngũ hướng dẫn viên và cả du khách: phải cho họ thấy đây là một loại hình du lịch mới mẻ, có rất nhiều khác biệt so với các loại hình du lịch khác, để họ không nhầm tưởng và phân biệt được với các hoạt động du lịch tại các chùa và thiền viện hiện tại khác với du lịch Thiền như thế nào, từ đó giúp họ hiểu về các điều kiện cần thiết để phát triển loại hình du lịch này, với các cấp lãnh đạo thì

kết quả đạt được là đề ra phương hướng và giải pháp, chính sách phát triển, với hướng dẫn viên thì chuẩn bị lượng kiến thức mới để hướng dẫn và tuyên truyền cho khách. Nhưng nhìn chung đối với mọi đối tượng, xây dựng nhận thức về du lịch Thiền giúp họ tiếp nhận loại hình du lịch này một cách lịch sự, trang nghiêm, thành kính, có ý thức tham gia giữ gìn bảo tồn các giá trị văn hóa, nghệ thuật, không nên chỉ có tâm lý hưởng thụ, phải tham gia hết mình để cảm nhận được giá trị đích thực của du lịch Thiền.

Đối với cư dân địa phương: đây là những người ảnh hưởng trực tiếp và có ý nghĩa quan trọng trong phát triển du lịch, phải làm cho họ hiểu về giá trị của loại hình du lịch này để có thái độ đúng đắn với khách du lịch, có ý thức bảo vệ và giữ gìn tài nguyên, môi trường, thu hút họ vào hoạt động du lịch vì chính họ sẽ là người gián tiếp tuyên truyền, quảng bá đến với các đối tượng khác.

Để xây dựng được nhận thức về du lịch Thiền như trên, cần mở các lớp đào tạo, các buổi hội thảo về du lịch Thiền với sự tham gia của các cơ quan chuyên ngành của các tỉnh đã phát triển loại hình du lịch này, đặc biệt là những chuyên gia chuyên ngành nghiên cứu về loại hình du lịch này.

3.2.4. Đào tạo nguồn nhân lực du lịch Thiền

Vấn đề con người và trình độ nghiệp vụ là vấn đề hết sức quan trọng. Nó có ý nghĩa then chốt đối với sự phát triển của ngành du lịch. Bởi vậy phải có nguồn lao động có chất lượng mới có thể tạo ra những sản phẩm hàng hóa có chất lượng.

Ngành du lịch đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ của người trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch rất cao đặc biệt là các hướng dẫn viên và thuyết minh viên tại điểm tham quan. Do đó phải tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch. Đặc biệt với loại hình du lịch Thiền thì vấn đề đó càng quan trọng hơn vì đây là loại hình du lịch mới xuất hiện ở Việt Nam nói chung và Quảng Ninh nói riêng.

Hiện nay đối với các hướng dẫn viên và thuyết minh viên, ngay cả đối với các Thiền sư, nhận thức của họ về du lịch Thiền chưa hình thành nên đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên chưa có nhu cầu tìm hiểu về loại hình du lịch này và chưa hình thành kiến thức về nó. Với các nhà Thiền sư, không phải ai cũng nắm được các kỹ năng và hiểu một cách sâu sắc giá trị của các loại hình nghệ thuật Thiền. Chính vì vậy công tác đào tạo là vấn đề quan trọng.

Cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan quản lý tại địa phương về du lịch, các trường cao đẳng, trung cấp du lịch tại Quảng Ninh cần tổ chức các lớp bồi dưỡng, các khóa đào tạo nghiệp vụ ngắn và dài hạn, bồi dưỡng nghiệp vụ hướng dẫn viên và thuyết minh viên điểm du lịch để trang bị cho họ đầy đủ kiến thức về du lịch Thiền và tiềm năng phát triển du lịch Thiền ở Quảng Ninh.

Hướng dẫn viên và thuyết minh viên là cầu nối giữa khách du lịch và nhân dân địa phương, đồng thời là sứ giả hòa bình liên kết các cá nhân, tổ chức, địa phương giữa các vùng miền khác nhau. Hướng dẫn viên và thuyết minh viên tại điểm du lịch Thiền (chùa, thiền viện) phải am hiểu về lịch sử, giá trị văn hóa, tinh thần, kiến trúc...; tìm hiểu các loại hình nghệ thuật Thiền như trà thiền, thơ thiền, tranh thiền, ẩm thực chay, thư pháp thiền... để hướng dẫn cho khách du lịch, làm cho du khách cảm nhận và thấy được giá trị nhiều mặt của du lịch Thiền tạo hứng thú và niềm đam mê khám phá của du khách.

Thiền sư trong các thiền viện và chùa là những người am hiểu về Thiền nên cần đào tạo, cung cấp cho họ những kiến thức về du lịch và du lịch Thiền, bồi dưỡng và nâng cao sự am hiểu của họ về lịch sử, nguồn gốc, đặc điểm, quy luật, giá trị văn hóa và đặc biệt là giá trị tinh thần của các loại hình nghệ thuật Thiền để họ có thể vừa vận dụng trong quá trình tu tập Thiền của mình, đồng thời trở thành những người hướng dẫn tích cực nhất cho khách du lịch khi đến chùa và thiền viện.

Đồng thời trong chương trình đào tạo nguồn nhân lực cần coi trọng đào tạo đội ngũ quản lý nhà nước và điều hành kinh doanh theo hướng cung cấp kiến thức về du lịch Thiền, kiến thức về nhu cầu của du khách... Đa dạng hóa các hình thức đào tạo từ gửi đi học các trường, lớp đào tạo bài bản, mở các lớp đào tạo dài hạn, ngắn hạn tại địa phương, tham gia học tập các mô hình du lịch Thiền có hiệu quả để học hỏi kinh nghiệm cho đến đào tạo tại chỗ làm việc hay khuyến khích tự học, nghiên cứu tài liệu. Bên cạnh đó cần liên kết với các cơ sở chuyên ngành và các chuyên gia đào tạo có uy tín để tổ chức đào tạo. Các đơn vị kinh doanh cũng cần có chính sách hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa đào tạo như bố trí thời gian, cung cấp phương tiện hay một phần kinh phí.

3.2.5. Quy hoạch không gian Thiền

Hiện nay tại các thiền viện cũng như các ngôi chùa, vẫn chưa có một không gian rộng cho khách thập phương tới tu tập thiền, chưa có không gian vườn Thiền, không gian cho các hoạt động như vẽ tranh thiền, thơ thiền, thư pháp, nấu ăn chay.... Không gian thiền không chỉ hiểu đơn giản là ở các ngôi chùa và thiền viện, nó có thể là một cảnh quan yên tĩnh, thanh bình, rộng rãi để du khách có thể luyện thiền cũng như nghe giảng giải đạo Phật, nghe các phương pháp chữa bệnh đơn giản, học và thưởng thức các loại hình nghệ thuật Thiền....

Với thiền viện như thiền viện Trúc Lâm Yên Tử, thiền viện Giác Tâm, ngoài nơi tu tập cho các chư tăng, nên quy hoạch riêng những công trình dành cho hoạt động du lịch Thiền của du khách như xây dựng vườn Thiền, xây dựng thiền đường dành riêng cho du khách tu tập thiền bên cạnh thiền đường của các chư tăng, xây dựng trai đường nơi thưởng thức ẩm thực chay, xây dựng giảng đường nơi giảng thuyết pháp, xây dựng thư viện cho khách đến đọc sách Phật, tìm hiểu Phật giáo, giáo lý Phật giáo, Thiền phái Trúc Lâm... mở rộng quy mô nhà khách để đón được khách nhiều hơn.

Với các chùa, không có điều kiện xây dựng Thiền viện như chùa Lô Âm, Chùa Quỳnh Lâm thì cảnh quan của chùa cũng phải được quy hoạch để tạo ra không gian thoáng đãng, yên tĩnh, gắn kiến trúc chùa với thiên nhiên, cây xanh. Nếu có điều kiện về diện tích, nên xây dựng các bãi cỏ lớn được bao bọc xung quanh là cây cối, tạo không khí thoáng mát, cảnh quan yên bình để khách có thể ngồi tập thiền ngay tại đó dưới sự hướng dẫn của các Thiền sư. Bên cạnh đó cần mở rộng nhà nghỉ cho khách, nhà ăn để đón một số lượng khách lớn.

Để làm được những điều đó cần sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ về nguồn kinh phí của cơ quan nhà nước, chính quyền địa phương và tăng ni phật tử.

3.2.6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch Thiền

Tuyên truyền quảng bá đóng vai trò rất quan trọng cho mọi thành công của các lĩnh vực khác nhau trong thời đại bùng nổ thông tin và phương tiện truyền thông. Trong những năm gần đây hoạt động tuyên truyền quảng bá hình ảnh du lịch của Quảng Ninh có nhiều chuyển biến tích cực với hình thức và nội dung phong phú hấp dẫn.

Tiến hành nghiên cứu, mở rộng thị trường khách du lịch trong và ngoài nước. Căn cứ vào đặc điểm tâm lý xã hội của du khách mà phân chia và có chiến lược quảng bá có hiệu quả.

Du lịch Thiền là một loại hình du lịch mới, ít người biết đến và hiểu được tác dụng cũng như các giá trị của nó. Vì vậy phải triển khai tuyên truyền, quảng bá mạnh mẽ bằng nhiều hình thức khác nhau.

In ấn phát hành nhiều sách, tập gấp, đĩa CD bằng nhiều thứ tiếng với nội dung về các chương trình du lịch Thiền Quảng Ninh, các điểm di tích, thắng cảnh, thiền viện cùng các loại hình nghệ thuật thiền... của Quảng Ninh để giới thiệu cho khách du lịch về cái hay, cái đẹp, sức hấp dẫn của chúng. Cần triển khai xây dựng và lắp đặt các pano quảng cáo về du lịch Thiền trên các tuyến đường chính, tại điểm tài nguyên du lịch Thiền.

Phối hợp với Đài phát thanh và Đài truyền hình, làm các phóng sự về hình ảnh, các hoạt động du lịch Thiền của các tỉnh đã thực hiện và về tài nguyên cũng như hoạt động du lịch Thiền của Quảng Ninh.

Cần phối hợp với các công ty du lịch, các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành (trực tiếp ở đây là đội ngũ hướng dẫn viên và người làm công tác du lịch) đi khảo sát các điểm có tài nguyên, có khả năng phát triển, các loại hình nghệ thuật phục vụ cho du lịch Thiền và các chương trình du lịch Thiền ngắn ngày cũng như dài ngày như đã dự kiến. Từ đó tham khảo lấy ý kiến để xây dựng tour một cách hấp dẫn, khoa học và hợp lý. Duy trì các trang web về du lịch Quảng Ninh như quangninh.gov.vn, halongbay.com.vn, yentu.net... với nội dung phong phú nhằm quảng bá cho du lịch tỉnh.

Các công ty du lịch và các doanh nghiệp lữ hành cần tiến hành xây dựng các tour du lịch Thiền đặc trưng bằng cách tham khảo các chương trình của các công ty đã tổ chức, ý kiến của chuyên gia, khách hàng và tiến hành chào bán trên thị trường để thu hút khách du lịch đến với loại hình du lịch mới này. Bước đầu xây dựng các chương trình kết hợp giữa du lịch Thiền và các loại hình du lịch khác đang phát triển ở địa phương để dần dần đưa du lịch Thiền làm quen với du khách.

3.2.7. Xây dựng sản phẩm du lịch Thiền

3.2.7.1. Mở các khóa tu tập Thiền cho mọi đối tượng

Ngoài tăng ni phật tử, bất kì ai cũng có thể tham gia vào các khóa học này. Có thể mở các khóa tu khác nhau, ngắn ngày và dài ngày, khóa tu mùa hè, hay khóa tu dành cho các đối tượng khác nhau như người khiếm thị, khuyết tật, người già, thanh niên, trẻ em... để đáp ứng mọi nhu cầu của mọi đối tượng khách. Trong chương trình tu tập Thiền, khách có thể tham gia các hoạt động như tọa thiền, nghe giảng đạo, thuyết pháp, ăn chay, học giáo lí, tham gia hội thảo, viết thư pháp, thưởng thức trà thiền, chữa bệnh, sống cuộc sống của một Thiền sư... với mục đích nhằm nâng cao thể lực, trí lực, giải tỏa

stress, làm cho tâm hồn thanh thản trước khi quay trở lại cuộc sống bon chen đời thường.

3.2.7.2. Xây dựng các chương trình cho du lịch Thiền

Các chương trình du lịch Thiền gồm có:

❖ Văn cảnh trong vườn Thiền

Là chương trình ngắm hoa, cây cỏ, suy ngẫm về triết lý cuộc đời, tìm hiểu nghệ thuật sắp đặt vườn thiền. Tuy nhiên vườn thiền ở hai thiền viện Trúc Lâm Yên Tử và Giác Tâm vẫn còn đơn giản, cần phải đầu tư thêm nhiều như đá, sỏi, cát, cây cối, non bộ, nước để tạo ra một mô hình không gian rộng, khoáng đạt. Ở các chùa như Quỳnh Lâm, Lô Âm hầu như các ngôi chùa này đã được tạo hóa ban tặng cảnh quan xung quanh gần gũi với thiên nhiên, rừng núi, tuy nhiên vườn thiền vẫn chưa có, tuy diện tích lớn nhưng cần phải quy hoạch không gian vườn thiền đặc trưng phục vụ cho các Thiền sư và khách du lịch, tạo không gian gần gũi với con người bằng các loại cây quen thuộc với người Việt.

Tham gia vào chương trình này, du khách sẽ được đội ngũ hướng dẫn viên hướng dẫn và các nhà Thiền sư hướng dẫn:

- Tham quan và nghỉ ngơi cùng thưởng thức trà tại vườn thiền của các thiền viện cũng như các chùa.

- Tìm hiểu về lịch sử cũng như sự khác nhau giữa vườn Thiền của Việt Nam với Nhật Bản, Trung Quốc

Vườn Thiền (vườn dành cho việc thực hành Thiền) xuất hiện ở Nhật vào khoảng thế kỷ XIV, thường có đặc điểm không quá lớn về kích cỡ (chỉ lớn hơn một sân chơi), sử dụng các hiệu ứng tâm lý tạo cảm giác về không gian và khoảng cách như sắp đặt các bonsai, hòn non bộ, trải cát thành các dòng nhỏ tạo hình ảnh của nước, cây cỏ sắp xếp giản dị, không đối xứng... phản ánh khung cảnh thiên nhiên. Triết lý của vườn Thiền là giúp người thực hành Thiền nắm bắt được tinh thần của thiên nhiên.

- Lợi ích và tác dụng của vườn Thiền đối với đời sống tinh thần, khi ngồi trong vườn Thiền thì suy ngẫm về cái đã qua, về cuộc sống thế nào để được thư giãn và tạo cảm giác nhẹ nhàng, thoải mái nhất...

- Được hướng dẫn các kỹ thuật và bố cục sắp đặt của một vườn Thiền một cách cơ bản và dễ dàng nhất để du khách có thể tự tạo ra một vườn Thiền trong chính khuôn viên của gia đình.

- Du khách sẽ được ngồi trong vườn thiền tĩnh lặng, thoáng mát với không khí trong lành, được các bác sĩ chuyên gia tư vấn về một số phương pháp chữa các bệnh thông thường.

❖ Vẽ tranh, viết thư pháp, thơ thiền

Đây là chương trình mà du khách sẽ được tham gia vào hai nội dung chính:

- Tham quan và tự cảm nhận các tác phẩm tranh thiền, thư pháp, thơ thiền của các Thiền sư được trưng bày tại các nhà trưng bày, nhà lưu niệm dưới sự hướng dẫn của hướng dẫn viên du lịch.

- Tùy theo sở thích và nhu cầu của đoàn du khách tham gia vào các lớp học vẽ tranh hay viết thư pháp hay làm thơ dưới sự hướng dẫn trực tiếp của các nhà Thiền sư tại thiền viện và chùa trong khuôn viên chùa hay thiền viện hoặc ngay trong khu vực giảng đường. Tại các lớp học này, khách du lịch sẽ được tìm hiểu cụ thể hơn về lịch sử, giá trị của từng loại hình nghệ thuật này, sự khác nhau giữa loại hình nghệ thuật thiền với các loại hình nghệ thuật khác, tìm hiểu tác dụng của mỗi loại hình với sức khỏe, tâm lý... con người và được hướng dẫn cụ thể về quy luật và cách thức sáng tác của các loại hình nghệ thuật này, điều quan trọng là được chính mình cảm nhận toàn bộ các giá trị của nó, đặc biệt là giá trị tinh thần khi chính tay du khách tạo ra một tác phẩm nghệ thuật Thiền của bản thân mình.

❖ Thưởng thức trà thiền

Thói quen uống trà của người Việt đã trở thành một nét văn hóa đặc trưng của dân tộc. Trong mỗi gia đình hầu như đều có một bộ đồ trà dùng để

uống hoặc để đãi khách. Mỗi khi khách đến nhà chơi, chủ nhà đem bình trà mới pha và bộ tách trà ra tiếp khách coi như là một nghi lễ không thể thiếu. Nhưng thực tế người ta chưa thấy hết được công dụng và ý nghĩa của việc uống trà, nó không đơn giản chỉ là đồ uống mà nó là cả một nghệ thuật.

Tham gia vào chương trình “trà Thiền” khách du lịch sẽ được các nhà Thiền sư hướng dẫn tìm hiểu:

- *Tham quan nhà trưng bày: các dụng cụ để pha trà (các loại bình trà, các loại chén uống trà....), các tác phẩm tranh vẽ về trà Thiền...*

- *Lịch sử trà đạo Nhật Bản và trà đạo Việt Nam*

- *Được giảng dạy và thực hành về cách pha chế trà của người Việt:*

+ Nhất thủy (nước pha trà) . Nước phải là thứ nước mưa được hứng giữa trời. Cần trọng hơn nữa, nước đun trà có người còn đi lấy từ các nguồn suối thiên nhiên, hay từ một số mạch giếng không bị ô nhiễm, hoặc thứ sương đọng trên lá sen mà người đi thuyền hứng từng giọt vào sáng sớm.

+ Nhì trà (loại trà). Trà ta, thì có các loại trà xanh (trà móc câu, trà Thái Nguyên, v.v.) , hoặc trà tẩm hương (trà sen, trà lài, trà cúc, trà sói, trà ngâu v.v.)

+ Tam bôi (chén). Một bộ đồ trà thường có bốn chén quân, một chén tổng để chuyên trà, chén thường là loại chén dạng hạt mít (mắt trâu).

+ Tứ bình (ấm). Bình cũng có bình chuyên và bình tổng. Tùy theo lối uống "độc ấm", "song ấm", "tứ ấm" hay "quần ấm" mà có những loại bình tương ứng.

Nói đến thú uống trà không thể không nhắc đến bài tùy bút "Chén trà trong sương sớm" của Nguyễn Tuân. Ông viết: "Chưa bao giờ ông già này dám cầu thả trong cái thú chơi thanh đạm. Pha cho mình cũng như pha trà mời khách, cụ Ấm đã để vào đấy bao nhiêu công phu. Những công phu đó đã trở nên lễ nghi, nếu trong ấm trà pha ngon, người ta chịu nhận thấy một chút mùi thơ và một tí triết lý và tâm lý...Các cụ cứ suy cái lẽ một bộ đồ trà chỉ có đến bốn chén quân thì các cụ đủ biết cái thú uống trà tàu không có thể ồn ào

được. Lối giao du của cổ nhân đàm bạc cứ không huyên náo như bây giờ. Chỉ có người tao nhã, cùng một thanh khí, mới có thể cùng ngồi bên một ấm trà."

- Tìm hiểu một cách sâu sắc về trà Thiền, ý nghĩa của mỗi loại dụng cụ pha trà và các giá trị của trà thiền:

Không phải chỉ riêng có người Việt thích uống trà mà nhiều dân tộc khác cũng thích uống trà. Đặc biệt người Nhật đã tôn việc uống trà thành Trà đạo. Các nước chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa đều có một cung cách thưởng ngoạn uống trà giống nhau. Người Anh thường uống trà vào lúc chiều tối. Các nhà quyền quý uống trà lại càng cầu kỳ hơn. Nhưng thú vị nhất là các thiền sư tự nấu nước pha trà độc ẩm. Uống trà làm cho con người trầm mặc và tĩnh lặng hơn, là một cách để tĩnh tâm giúp cho tâm hồn được thư giãn, quên bớt phiền não ... Cho nên việc uống trà trở thành một triết lý sống, một nghi thức đặc biệt mang nhiều tính chất cao quý. Người uống trà khi bước vào nghi thức trà lễ là đã tự rũ bỏ tất cả cuộc đời náo nhiệt, quên hết dục vọng và tâm hồn được hoàn toàn yên tĩnh. Với người thế tục uống trà là để tìm sự an tĩnh cho tâm hồn nhưng với người thiền định thì uống trà là một phương cách để tĩnh tọa: "Trà vị thiền vị thị nhất vị" (Trà và thiền là một) .

Vậy trà thiền là gì ? Nói một cách đơn giản trà thiền là một phương pháp thiền thông qua việc uống trà. Tất cả mọi người, mọi lứa tuổi, mọi nền văn hóa khác nhau, mọi tôn giáo đều có thể thực hiện được. Trà thiền ở đây khác hẳn với trà đạo của Nhật Bản.

Khi nói đến trà và thiền nhiều người tự hỏi : " Trà và thiền có tương quan gì với nhau?" Chỉ cần thực hiện sống riêng biệt với 2 việc trên là chúng ta tức khắc tìm thấy sự tương quan giữa chúng . Hầu hết tất cả mọi người đều có "tâm viên , ý mã" (tâm như con vượn , ý như con ngựa) , nhảy nhót, bay chạy lung tung . Nó nhảy từ một ý tưởng này sang một ý tưởng khác. Chúng ta chỉ cần một chút nỗ lực định tâm, và nhận thức hoàn toàn việc chúng ta đang làm, không một thoáng liên tưởng nào về quá khứ hay tương lai thì chúng ta sẽ có cảm giác như nhìn rõ được chân tướng của vũ trụ hữu hình. Khi chúng ta

nhấp một ngụm trà, chúng ta cũng sẽ cảm thấy có một cảm giác tương tự. Chúng ta có thể hành thiền trong khi đi bộ, biểu diễn bắn cung, nghe nhạc suy niệm hay uống một tách trà mà chúng ta yêu thích. Khi uống trà, chỉ nghĩ đến việc lựa chọn vài nhúm trà, mùi của trà, tiếng reo của ấm nước đang sôi và cảm giác cái vị của hớp trà đầu tiên trên môi. Việc nhận thức chén trà đầu tiên sẽ làm cho chúng ta có cảm giác bị nhấn chìm vào một vũ trụ mà trong đó chỉ có mình, tách trà và thế giới của chính mình. Thực hiện được các điều trên là chúng ta đã đi vào thiền định. Như thế chúng ta sẽ có được những giây phút an lạc, tim sẽ đập nhẹ nhàng hơn và hơi thở sẽ sâu lắng hơn. Sau đó chúng ta sẽ làm việc với những giờ phút còn lại trong một trạng thái ý thức và thoải mái hơn. Bởi vì trà tạo cho cơ thể một trạng thái tinh thức êm dịu mà hàng ngàn năm trước các thiền sư đã dùng nó để tập trung lâu dài trong suốt thời gian thiền định. Ngày nay các nhà khoa học đã chứng minh chất Theanine là một Amino Acid chỉ tìm thấy trong cây trà (trà xanh, trắng hay đen chỉ là những sản phẩm chế biến nhưng cũng đều có đặc tính trên). Chất Theanine kích thích hoạt động của alpha sóng não. Làn sóng alpha này xảy ra khi chúng ta tỉnh táo và thư giãn. Kinh nghiệm về thiền cũng cho ta thấy có hiện tượng làn sóng alpha này ở trong não.

Cách thức uống trà phổ thông của người Việt thì thường không cầu kỳ. Người bình dân uống kiểu bình dân, quan lại, quý tộc có tiệc trà kiểu quý tộc. Tất cả đều thể hiện sự trân trọng, lòng hiếu khách. Người Trung Quốc nâng việc uống trà thành nghệ thuật gọi là Trà Kinh. Người Nhật thực hiện việc uống trà thành một nghi thức Trà đạo, nhất thiết phải có đầy đủ các yếu tố: trà thất, trà viện, đạo cụ pha chế và thưởng thức trà. Tuy nhiên các nghi thức uống trà thường phức tạp.

Trà thiền thì khác hẳn, thông qua việc uống trà để tìm một sự tĩnh lặng sâu thẳm trong tâm hồn thì không cần phải theo một nghi thức nào hết. Có 3 cách uống trà:

+ Độc ẩm là uống trà một mình ở ngoài trời hay trong phòng vắng. Uống trong yên lặng hoàn toàn, không suy nghĩ, không khởi lên một ý tưởng nào, chỉ thưởng thức hương vị của trà, quan sát quang cảnh chung quanh, lắng nghe tất cả mọi âm thanh từ lớn đến nhỏ, từ gần đến xa...

+ Nhị ẩm là uống trà với một người tri kỷ trong một không gian yên tĩnh, vắng lặng. Hai người phải thật sự yêu thương, hàn huyên tâm sự, là dịp để nói lên một cách chân thật những cảm nghĩ để thông cảm, tha thứ, giúp đỡ ...

+ Quần ẩm là uống trà với nhiều người, là dịp để trao đổi, giao lưu kiến thức, chia sẻ các trải nghiệm trong cuộc sống.

Trà thiền rất đơn giản không kiểu cách hình thức. Hành thiền như thế là tìm một phương thức để nâng cao thể nghiệm, một thực tế toàn diện, một phong cách sống thực sự. Cuộc sống hiện nay đang tăng tốc độ, con người cũng vậy. Thực phẩm có thể nấu ăn trong vài phút, đôi khi vài giây. Đi du lịch đến những nơi khác lúc trước phải mất cả tháng, bây giờ có thể được thực hiện trong một hoặc hai ngày. Thay vì phải chờ đợi một tuần để nhận một lá thư hoặc một tờ báo, nay một báo cáo về một sự kiện, những tin tức với hình ảnh được đưa đến cho chúng ta gần như ngay lập tức. Làm việc, chơi đùa, thậm chí suy nghĩ, đều phải thực hiện ở tốc độ cao, và có quá nhiều thứ để học, để thực hiện, để cho, để thưởng thức. Có thể nói ngày nay là một thời điểm rất thú vị để được sống ... Nhưng ngày nay cũng có rất nhiều người mong mỏi sống một ngày thư thả, không quá bận rộn, thức dậy muộn hơn, ăn sáng nhàn nhã với gia đình và thực hiện công việc nhẹ nhàng hơn, ít cấp bách hơn. Nghĩa là chúng ta phải đơn giản cuộc sống, như nghệ sĩ Hans Hoffman nói: “Khả năng để đơn giản hóa có nghĩa là để loại trừ việc không cần thiết để có thể nói chuyện cần thiết”. Sử dụng trà thiền có thể đơn giản hóa cuộc sống của chúng ta.

Để nghệ thuật trà Thiền đến được với khách du lịch, tại các thiền viện và chùa cần xây dựng trà thất, hoặc không gian trong vườn Thiền. Các nhà thiền

sư phải nắm bắt được cái tinh túy của trà Thiền, nghệ thuật pha trà, nghệ thuật thưởng thức trà để hướng dẫn du khách.

- *Được hướng dẫn thực hành pha trà và thưởng thức trà Thiền theo đúng ý nghĩa của nó trong các nhà khách, giảng đường.*

- *Trao đổi những vấn đề khó khăn trong cuộc sống và được các nhà Thiền sư, các chuyên gia tâm lý giúp đỡ tư vấn tìm cách giải quyết*

❖ Tham gia các lớp học về ẩm thực chay

Trong trai đường tại các thiền viện và các nhà ăn tại các chùa có thể mở các lớp nấu ăn chay. Nấu ăn cũng là một cách Thiền độc đáo và hấp dẫn mà ít người biết đến.

Nấu ăn không phải là một phương tiện tốn thì giờ để đạt được mục đích, nhưng chính là phương thuốc, là thiền và dinh dưỡng. Việc nấu nướng, sửa soạn bữa ăn là một phương pháp để thấy cuộc sống trọn vẹn hơn: tìm thấy niềm vui ngay trong công việc nấu nướng, chứ không chỉ sau khi các món ăn đã hoàn thành.

Các chương trình học nấu các món chay gồm có:

- *Tìm hiểu thế nào là ăn chay, ăn chay khác với việc ăn ít và nhịn ăn như du khách vẫn làm để giảm cân như thế nào?*

- *Du khách được các nhà Thiền sư giảng giải: Tại sao ăn chay lại có lợi hơn ăn mặn? và ăn chay thế nào cho hợp lý và hiệu quả, ăn chay có tác dụng chữa bệnh như thế nào? (ung thư, tim mạch, tiểu đường, thống phong, béo phì, gan, rối loạn trí óc, ...)*

- *Và được nhà thiền sư giảng giải Thiền trong nấu ăn thể hiện ra sao? mối quan hệ giữa Thiền và nghệ thuật nấu ăn.* Nhiều vấn đề cá nhân hay xã hội phát sinh ra do phân chia cuộc đời ra thành nhiều ngăn riêng biệt. Con người làm việc để kiếm sống, nhưng công việc thường không mang lại kết quả như mong muốn đưa đến trạng thái chán việc, tránh né công việc. Việc nấu nướng, sửa soạn bữa ăn là một phương pháp giúp con người thấy cuộc sống của mình trọn vẹn hơn: tìm thấy niềm vui ngay trong công việc nấu

nướng, chứ không chỉ sau khi các món ăn đã hoàn thành. Niềm vui khi trộn bột làm bánh, khi rửa trái cà, nhặt rau, thay vì những niềm vui trống rỗng, vô ích.

Trong bữa ăn của người tu Thiền có rất nhiều điểm cần chú ý:

- + Không được nói
- + Không được nhìn quang quát
- + Ngồi thẳng và bắt chéo chân như tư thế tọa Thiền
- + Không được để đũa chén khua vào nhau
- + Khi cầm chén đũa nhất thiết phải cầm bằng hai tay
- + Khi ăn không được phát ra tiếng động
- + Không được để thừa đồ ăn lại, phải ăn cùng tốc độ với mọi người xung quanh

Tuy sự nghiêm ngặt trong ăn uống là thế nhưng nếu ăn theo cách thức và thức ăn của Thiền sư thì sẽ rất tốt cho cơ thể, sẽ có thể chữa được nhiều bệnh về tim mạch, gan, phổi, ung thư, rối loạn trí óc...

- Sau khi nắm được những kiến thức cơ bản về ăn chay, *du khách sẽ được các đầu bếp của chùa, thiền viện dạy thực hành nấu một số món chay phổ biến ở các nhà bếp của chùa hay thiền viện, được thưởng thức miễn phí các món chay.*

❖ Thực hành ngồi thiền và tập Yoga

Tạm xa cuộc sống nhộn nhịp đời thường, đi du lịch để thả mình trong không gian tĩnh lặng, trong lành với các bài tập thiền và yoga đang là một giải pháp hữu hiệu để lấy lại sinh lực, thăng bằng và sự minh mẫn sẵn có của mỗi người giữa cuộc sống hiện đại đầy căng thẳng và áp lực công việc.

Thường nói đến du lịch là mọi người nghĩ đến những khu nghỉ resort đông vui, hoành tráng với những chương trình giải trí sôi động và những bữa ăn đặc sản thịnh soạn.... *Thế nhưng khi tham gia vào chương trình du lịch Thiền, du khách sẽ được đưa đến những nơi hoàn toàn thanh tịnh, cách biệt*

với thế giới văn minh với những hoạt động hướng nội: Toạ thiền và tập yoga để “khám phá bản thân”, “trở về với chính mình” hay “làm mới mình”.

Trong chuyến đi, du khách sẽ được đi thăm quan và thực hành thiền tại quần thể các chùa Yên Tử hay tại các chùa Lô Âm, Quỳnh Lâm, thiền viện Giác Tâm ... Hướng dẫn viên du lịch cùng các nhà Thiền sư sẽ giới thiệu và hướng dẫn thực hành kỹ thuật thiền Vipassana và các asana động tác tư thế cơ bản của yoga Tây tạng có tác dụng làm giảm mệt mỏi. Du khách sẽ được thực tập tọa thiền tại các thiền đường. Các bữa ăn trong suốt cuộc hành trình đều là cơm chay theo phương pháp dưỡng sinh. Nghỉ trưa hầu hết tại các nhà khách của chùa. Ngoài ra, các du khách tham gia tour du lịch còn được giới thiệu và thực hành một số động tác xoa bóp bấm huyệt dưỡng sinh cơ bản nhằm chống lão hoá và giảm stress, cũng như tọa đàm về kinh nghiệm tập thiền cùng yoga và ứng dụng trong cuộc sống...

Có thể lập chương trình như sau:

- + Nghỉ ngơi, nghe hướng dẫn các quy định của thiền viện, chùa, tham quan
- + Nghe hướng dẫn Thiền và thực hành ngồi thiền
- + Thực tập ngồi thiền
- + Nghe hướng dẫn Thiền hành và thực tập Thiền hành
- + Nghe pháp thoại
- + Pháp đàm (thảo luận, chia sẻ cách thực tập thiền để giải quyết các khó khăn trong cuộc sống)

❖ Học trang trí nội thất theo phong cách Thiền

Nói đến học trang trí nội thất là người ta nghĩ ngay tới các trung tâm đào tạo, các trường đại học cao đẳng mỹ thuật, kiến trúc, hội họa... nhưng ít ai nghĩ rằng ngay trong bản thân các chùa và thiền viện môn nghệ thuật này cũng tồn tại và có tính độc đáo riêng, mang tinh thần Phật giáo, Thiền tông.

Phong cách sống thiền không những quan tâm đến việc hành thiền mà còn chú trọng đến nghệ thuật thư pháp, tranh thủy mặc.... Không dừng lại ở đó, thiền giả còn muốn biến cả không gian sống của mình thành một thiền viện.

Khách du lịch sẽ được các chuyên gia về trang trí nội thất theo phong cách thiền, các nhà Thiền sư và đội ngũ hướng dẫn viên:

- *Tổ chức tham quan nội thất tại các chùa và thiền viện, tham quan nhà khách, trai đường, thiền đường*
- *Được nghe giải thích về cách bày trí của các đồ vật để tạo không gian thiền*
- *Được hướng dẫn, tư vấn một cách cơ bản về cách thức trang trí nội thất phong cách thiền trong ngôi nhà mà họ đang sinh sống.*

Trang trí nội thất theo phong cách Thiền nhằm “đơn giản hoá” kết cấu đến từng đồ vật bày biện trong nhà. Lối trang trí đơn giản, hài hoà với thiên nhiên là đặc trưng của Thiền (hay nói rõ hơn là Zen theo truyền thống Nhật Bản). Đơn giản theo tiêu chuẩn Zen nhằm tạo đường dẫn vô hình để con người hoà nhập với thiên nhiên. Ngôi nhà không có quá nhiều đồ vật sẽ làm thoáng sự di chuyển của các luồng khí. Không gian rộng mở, nhằm xoá bỏ mọi giới hạn của con người và thiên nhiên.

Bên ngoài và bên trong nhà sẽ hoà hợp với nhau, không có giới hạn giữa các không gian. Tất cả chỉ tồn tại một "thiền viện" tĩnh lặng, đưa tâm hồn con người trở về với trạng thái nguyên sơ.

Kết cấu nhà cửa và các hình khối giản dị, các đường thẳng đứng, đường ngang được sử dụng làm trục chủ đạo, những họa tiết, hoa văn không cầu kỳ, rối rắm, những hình tròn, vuông được tận dụng, tượng trưng cho trời đất. Sự an tĩnh của không gian đều nhằm hướng con người vào sự giác ngộ. Đơn giản hoá kiến trúc, nhưng không phải vì thế mà kém phần hiện đại. Tuy nhiên, cái đơn giản của Zen nằm ở chính trong bản chất nội tại của chất liệu đồ vật kết hợp với sự trang trí của con người.

Trang trí nội thất theo phong cách thiền là không để một đồ vật thừa. Trang trí sử dụng các nguyên liệu tự nhiên như : sàn gỗ, cửa xếp, bể cá nhỏ, khánh đá, chuông gió, sỏi trắng... Zen đề cao giá trị tinh khiết và tự nhiên của vật liệu và sử dụng chúng dưới dạng thô sơ, trần trụi.

Zen hướng đến sự đơn giản, tinh khiết và thiên nhiên. Zen hóa giải tất cả quá trang trọng, phô trương hay quá bày biện. Mục đích chính của Zen là làm cho con người và thiên nhiên hòa hợp. Trang trí theo phong cách Zen sẽ là một sự dẫn dắt luân chuyển nhịp nhàng từ không gian bên ngoài đến không gian nội thất, như một vòng luân hồi không bao giờ chấm dứt.

Các lớp học trang trí nội thất theo phong cách Thiền đơn giản có thể được tổ chức tại ngay không gian của vườn Thiền hay trong các nhà chung của nhà khách. Các bài giảng tập trung định hình cho người học hiểu một cách cơ bản về lối trang trí nội thất theo phong cách Thiền và giúp người học có thể tự trang trí nội thất hay một không gian riêng tư tại gia đình một cách giản đơn để họ có thể có được không gian thư giãn yên tĩnh, trong lành... Và người giảng dạy cho du khách là các bậc Thiền sư của chùa hay thiền viện cũng có thể là các nhà kiến trúc sư am hiểu và chuyên sâu về loại phong cách kiến trúc này.

3.2.8. Kêu gọi khuyến khích đầu tư vốn cho du lịch Thiền

Hoạt động du lịch là hoạt động có tính chất liên ngành. Vì vậy để đạt được hiệu quả cao thì sự phối hợp giữa các ngành, các cấp liên quan là rất cần thiết và đảm bảo sự bền vững của ngành. Tăng cường sự liên kết hợp tác để tạo điều kiện học hỏi kinh nghiệm cũng như nhận được các nguồn vốn đầu tư, hỗ trợ cho việc phát triển du lịch và bảo vệ môi trường một cách bền vững và đem lại lợi ích lâu dài.

Hiện nay điều kiện để phát triển du lịch Thiền ở Quảng Ninh còn hạn chế, mặt khác để xây dựng các hạng mục công trình phục vụ cho du lịch Thiền lại cần có một nguồn vốn rất lớn. Vì vậy phải đẩy mạnh công tác khuyến khích đầu tư vốn của các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp trong

và ngoại tỉnh, các tổ chức, cá nhân và nhân dân, tăng ni phật tử....để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cao, tôn tạo và mở rộng các công trình như trai đường, thiền đường, giảng đường, nhà khách, nhà trưng bày trong các thiền viện và các chùa, đào tạo nguồn nhân lực cho du lịch Thiền...

Tăng nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, ngân sách của tỉnh, tài trợ của các cá nhân, doanh nghiệp tại địa bàn nguồn tài nguyên và các doanh nghiệp lớn trong cả nước cho bảo tồn, tôn tạo các chùa, cảnh quan có liên quan vì việc bảo tồn, tôn tạo chúng cần một nguồn ngân sách lớn mà ngân sách của địa phương, của nhân dân công đức thì không đủ. Như Thiền viện Giác Tâm là một công trình lớn, hiện nay chưa hoàn thiện và còn nhiều ngổn ngang, để hoàn thiện nó phải cần một nguồn kinh phí lớn từ mọi phía; chùa Quỳnh Lâm đã bị phá hủy nhiều, cần tôn tạo cả không gian và kiến trúc.

Cần đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường, liên kết với các doanh nghiệp trong ngành để tạo sức mạnh. Chủ động bắt tay liên kết với các tập đoàn doanh nghiệp lớn, có thương hiệu mạnh để hỗ trợ phát triển. Bên cạnh đó cũng cần phải ưu tiên hợp tác khu vực để có được các điều kiện đầu tư, liên kết thị trường.

Để thu hút vốn đầu tư thì cần phải tạo môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn với nhiều chính sách ưu đãi như chính sách ưu tiên về đất đai, cải cách thủ tục hành chính, chính sách miễn giảm thuế trong những năm đầu cho các dự án, chính sách ưu tiên vay vốn ưu đãi...

Đặc biệt cần ban hành, xây dựng nhiều cơ chế chính sách ưu đãi, khuyến khích để thu hút nhân tài, nhà khoa học, các chuyên gia làm việc cho các dự án phát triển du lịch Thiền.

3.2.9. Tăng cường liên kết các tuyến điểm du lịch Thiền

Các điểm có khả năng phát triển du lịch Thiền phân bố tại các khu vực khác nhau trên chiều dài của tỉnh Quảng Ninh. Đây là điều kiện thuận lợi để liên kết các điểm du lịch này với nhau thành một chương trình du lịch tổng thể. Các chương trình du lịch Thiền như tu tập thiền, học nấu các món chay,

vẽ tranh, thư pháp, hội họa...không phải chỉ được thực hành tại một địa điểm mà có thể liên kết giữa các chùa, thiền viện thậm chí cả những nơi không gian rộng, gần gũi với thiên nhiên, tĩnh lặng...để phối hợp thực hiện trong một chương trình tour du lịch Thiền.

Phải đưa dự án quy hoạch tổng thể du lịch Thiền toàn tỉnh. Bản quy hoạch này phải đáp ứng được mọi nhu cầu cần thiết về không gian, thời gian của tất cả các điểm di tích, các điểm có tài nguyên du lịch Thiền để tạo ra chương trình du lịch Thiền hoàn thiện.

Đưa các điểm du lịch Thiền: Yên Tử, Quỳnh Lâm, Cái Bàu – Giác Tâm, Lô Âm...vào các chương trình du lịch của các công ty du lịch. Phải khuyến khích đầu tư, quảng bá rộng rãi các điểm du lịch Thiền trong toàn tỉnh để các công ty du lịch biết đến và tổ chức vào các tour du lịch của họ.

3.2.10. Tăng cường phối hợp du lịch Thiền với các loại hình du lịch khác

Quảng Ninh có thể phát triển rất nhiều loại hình du lịch khác nhau như: du lịch tự nhiên, du lịch biển, du lịch tham quan nghiên cứu, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch mạo hiểm, tuy nhiên tại Quảng Ninh mới phát triển loại hình du lịch biển là chủ yếu, loại hình du lịch Thiền vẫn chưa phát triển. Để các loại hình du lịch cùng phát triển thì cần liên kết các loại hình này với nhau. Bởi mỗi loại hình du lịch thường có một nét đặc sắc riêng và có tính mùa vụ khác nhau như du lịch biển phát triển vào mùa hè, du lịch văn hóa phát triển vào mùa xuân, nhưng du lịch Thiền có thể phát triển quanh năm.

Để liên kết du lịch Thiền với các loại hình du lịch khác cần phải có sự thống nhất, bàn bạc hợp tác giữa các cơ quan quản lý, có sự chỉ đạo quy hoạch tổng thể của Sở du lịch tỉnh, cần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng cần thiết, xây dựng các tuyến đường giao thông từ quốc lộ đến đường cấp huyện, xã vào các điểm tham quan, các nhà hàng, khách sạn phục vụ tốt cho nhu cầu của khách du lịch. Bên cạnh đó cần phải tăng cường công tác quản bá, tuyên truyền về loại hình du lịch Thiền – loại hình du lịch mới,

cùng các di tích thắng cảnh, các khu du lịch khác của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng để khách du lịch trong và ngoài nước biết đến.

Lấy Yên Tử làm điển hình, trước đây khi đến Yên Tử- thiền viện Trúc Lâm khách du lịch chỉ tham gia chương trình lễ hội, tìm hiểu các công trình Phật giáo, tham quan đường Tùng cổ thụ, rừng trúc bạt ngàn, hưởng thụ khí hậu mát mẻ, trong lành và các sản vật địa phương như mơ rừng, trúc, cây thuốc...mà không biết rằng ở đây còn có trai đường, giảng đường, các loại hình nghệ thuật như tranh thiền, thơ thiền, trà đạo, thư pháp... để phát triển du lịch Thiền. Vì thế bên cạnh các tour du lịch văn hóa, sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, thậm chí là du lịch mạo hiểm, Yên Tử còn có thể khai thác loại hình du lịch Thiền để lôi cuốn thêm lượng khách, kéo dài ngày nghỉ của khách, đồng thời khắc phục hậu quả tính mùa vụ trong du lịch Yên Tử.

KẾT LUẬN

Ngày nay, nền kinh tế của đất nước ngày càng phát triển, người dân có thu nhập và có đời sống vật chất cao nhưng đối với đời sống tinh thần, con người lại chịu nhiều sức ép của công việc, của cuộc sống hiện đại hóa, công nghiệp hóa... làm cho họ thiếu đi sự thoải mái và thư giãn, vì vậy con người có nhu cầu tìm đến sự tĩnh tại và thanh bình để lấy lại cân bằng tâm lý, nhìn cuộc sống tốt đẹp hơn và vị tha hơn... Và Du lịch Thiền có khả năng đáp ứng những nhu cầu đó.

Tại các nước du lịch phát triển như: Thái Lan, Nhật Bản, Trung Quốc, du lịch Thiền (zentourism) với những thiền viện lớn, phù hợp để hàng nghìn du khách có thể tọa thiền, nghe giảng đạo như thiền viện Ha-ma-cai-a (Thái Lan) trở thành loại hình du lịch thu hút đông đảo du khách. Các tour du lịch thường được chọn gồm lịch trình: tham quan các công trình kiến trúc Phật giáo, tìm hiểu và hòa mình vào cuộc sống thanh tịnh của giới tu hành; những hoạt động giải trí mang tính chất thiền, thư giãn đầu óc như: spa, cắm hoa i-kê-ba-na, trà đạo... Du lịch spa, thiền, hay còn được gọi với tên gọi khác là “du lịch tâm lý” ở Nhật Bản trở thành một điểm nhấn thu hút du khách nước ngoài.

Nước ta với bề dày 2000 năm phát triển của đạo Phật, triết lý Thiền hiện diện trong sâu thẳm văn hóa và lối sống của người Việt. Cùng với một hệ thống thiền viện độc đáo trải khắp các địa phương, Việt Nam có điều kiện để phát triển loại hình du lịch này. Cả nước có khoảng 120 thiền viện, trong đó có Trúc Lâm Yên Tử (Quảng Ninh), Trúc Lâm Tây Thiên (Vĩnh Phúc), Bích Động (Ninh Bình), Từ Đàm, Thiên Mục (Huế), Từ Ân, Giác Lâm, Giác Viên (TP Hồ Chí Minh), chùa Bà Đá, chùa Trấn Quốc (Hà Nội)... Du lịch Thiền hình thành và phát triển với việc xuất hiện những tour tham quan chùa chiền, hành hương lễ hội, các quán cà phê thiền (Zen cafe), trà thiền (Zen tea), Công viên thiền (Zen park) hay các Zen spa trong một số khách sạn ở một số thành phố lớn như: Hà Nội, TP Hồ Chí Minh...

Quảng Ninh là nơi phát tích của nền Phật giáo Việt Nam – Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, là nơi có nhiều điều kiện để phát triển loại hình du lịch Thiền. Nhưng nhìn lại thực tế, du lịch Thiền kết hợp nghỉ dưỡng, yoga không còn mới mẻ ở Việt Nam nhưng chưa thực sự phát triển ở Quảng Ninh. Tận dụng tiềm năng để khai thác hình thức du lịch đang hấp dẫn đông đảo du khách này sẽ tạo ra sức hút từ hướng đi mới của du lịch tỉnh.

Ngoài thế mạnh du lịch biển được biết đến, Quảng Ninh sở hữu hệ thống chùa, đình, miếu với giá trị văn hóa, kiến trúc lâu đời (Yên Tử - thiền viện Trúc Lâm, chùa Cái Bàu – thiền viện Giác Tâm, chùa Quỳnh Lâm, chùa Lô Âm...), cùng các loại hình nghệ thuật Thiền (thư pháp, hội họa, thơ thiền, ẩm thực chay, trà thiền...), là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình du lịch Thiền, yoga, du lịch nghỉ dưỡng kết hợp với du lịch tâm linh. Không chỉ với những người trung niên hoặc cao tuổi, du lịch đến các chùa, đình, văn cảnh, ngôi thiền, nghe giảng đạo, thưởng thức cơm chay,... cũng thu hút khá nhiều du khách trẻ. Ngoài việc tham quan các điểm du lịch như chùa chiền, vùng sông nước yên tĩnh, du khách được chuyên gia tư vấn về các loại bệnh, sinh lý người cao tuổi, trao đổi các vấn đề của cuộc sống, tập yoga... Tuy nhiên, do lượng khách du lịch Thiền đến Quảng Ninh còn hạn chế, du khách quốc tế chỉ chọn du lịch biển: Vịnh Hạ Long, Vân Đồn, Móng Cái ..., hoặc nếu có đi du lịch văn hóa, họ chỉ đến các ngôi chùa vào dịp lễ hội đầu năm, trong khi đó đi du lịch với mục đích Thiền thực sự hiếm có, nên các doanh nghiệp còn “e dè” khi đưa hình thức du lịch Thiền vào “chào bán” để thu hút khách.

Nguyên nhân của hiện tượng trên là do nhận thức về du lịch Thiền chưa được hình thành rõ rệt trong mọi đối tượng từ nhà quản lý đến người làm du lịch hay khách du lịch, mặt khác các điều kiện cho phát triển du lịch Thiền ở Quảng Ninh còn nhiều hạn chế do thiếu không gian, thiếu cơ sở vật chất, thiếu đội ngũ nhân lực, thiếu nguồn đầu tư vốn...

Du lịch Thiền là loại hình du lịch của tương lai bởi sự thân thiện với môi trường và mang lại cho du khách những giá trị tinh thần, sự thư giãn thanh

tỉnh từ sâu thẳm tiềm thức trong nhịp sống hối hả và ồn ã. Quảng Ninh là nơi có tiềm năng khai thác và phát triển loại hình du lịch này hướng vào mọi đối tượng du khách trong và ngoài tỉnh. Để du lịch Thiền trở thành một loại hình du lịch mới mẻ bên cạnh các loại hình du lịch đã khá quen thuộc, một loại hình du lịch phổ biến, Quảng Ninh cần có nhiều giải pháp để phát triển:

- Quy hoạch chi tiết không gian Thiền tại các chùa và thiền viện của tỉnh, có kế hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của chùa Yên Tử - thiền viện Trúc Lâm, chùa Quỳnh Lâm, chùa Cái Bàu – thiền viện Giác Tâm, chùa Lô Âm...

- Đầu tư và thu hút nguồn vốn đầu tư từ các cấp các ngành, địa phương, trong và ngoài tỉnh xây dựng cơ sở vật chất, quy hoạch không gian Thiền, xây dựng trai đường, thiền đường, nhà khách..., đào tạo đội ngũ nhân lực cho du lịch Thiền, để tạo điều kiện tốt nhất cho phát triển loại hình du lịch này.

- Xúc tiến quảng bá các chương trình du lịch Thiền, hình ảnh du lịch Thiền của tỉnh bằng các biện pháp khác nhau, qua các phương tiện thông tin đại chúng... để du lịch Thiền ngày càng gần gũi với khách du lịch và những người làm du lịch hơn nữa.

- Bằng cách xây dựng các tour du lịch giá rẻ, kết hợp với việc nâng cấp những tour, tuyến sẵn như: du khảo đồng quê, du lịch biển... tạo thêm nhiều điểm đến hấp dẫn trên cơ sở khai thác các giá trị văn hóa, kiến trúc của hệ thống đình, chùa, miếu... trong tỉnh để phát triển du lịch thiền là hướng đi hứa hẹn tạo diện mạo mới cho du lịch Quảng Ninh.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách, tạp chí

1. Trần Ngọc Thêm, Cơ sở văn hóa Việt Nam, NXB Giáo dục, 2000
2. Bùi Thị Hải Yến, Tuyển điểm du lịch, NXB Giáo dục, 2006
3. Bùi Thị Hải Yến, Quy hoạch du lịch, NXB Giáo dục, 2006
 4. Tỳ kheo Thích Chân Quang, Giáo trình Thiền học, NXB Tôn giáo, 2008
 5. Sở Du lịch Quảng Ninh, Báo cáo tổng kết hoạt động du lịch 2001-2006
6. Sở Du lịch Quảng Ninh, Kết quả kinh doanh du lịch năm 2008 - 2009
7. Lương Thị Thoa, Lịch sử ba tôn giáo thế giới, NXB Giáo dục, 2000
 8. Trần Thị Minh Tâm, Thiền Nhật Bản và đời sống người Nhật, NXB văn hóa Sài Gòn, 2007
 9. Trần Đức Thanh, Nhập môn khoa học du lịch, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội, 2006

II. Website

1. www.oldcottage.net
2. www.daitangkinhvietnam.org
3. www.quangninh.gov.vn
4. www.halongtourism.com.vn
5. www.yentu.net
6. www.vietbao.vn

PHỤ LỤC

**DANH MỤC DI TÍCH THẮNG CẢNH CHÙA CỦA QUẢNG NINH
ĐƯỢC XẾP HẠNG QUỐC GIA**
(Số liệu tính đến ngày 20/05/2009)

STT	Tên di tích	Địa chỉ
1	Chùa Yên Đông	Xã Liên Hòa – huyện Yên Hưng
2	Chùa Quỳnh Lâm	Xã Tràng An – Đông Triều
3	Chùa Mỹ Cự	Xã Hưng Đạo – huyện Đông Triều
4	Chùa Hồ Thiên	Xã Bình Khê – Đông Triều
5	Chùa Ngọa Vân	Xã Bình Khê – Đông Triều
6	Đình – chùa Quan Lạn	Xã Quan Lạn – huyện Vân Đồn
7	Núi Bài Thơ, chùa Long Tiên	Phường Hòn Gai, phường Bạch Đằng- TP Hạ Long
8	Hồ Yên Lập – chùa Lôì Âm	Xã Đại Yên – TP Hạ Long
9	Chùa Nam Thọ	Phường Trà Cổ - TP Móng Cái
10	Chùa Xuân Lan	Xã Hải Xuân – TP Móng Cái
11	Chùa Yên Tử	Xã Thượng Yên Công – thị xã Uông Bí

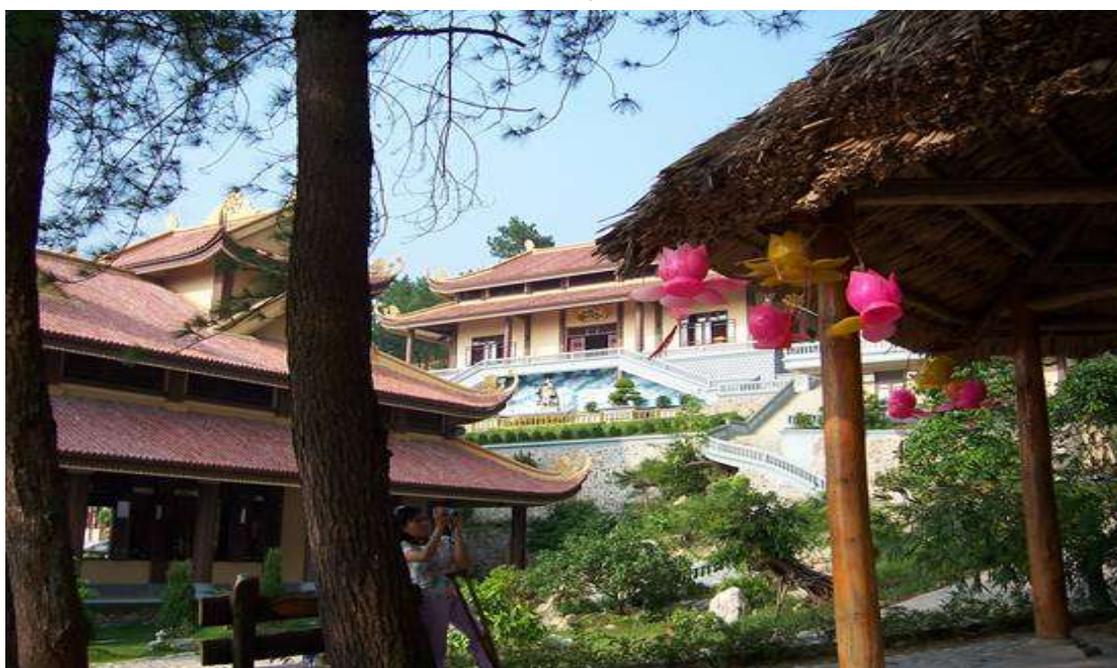
**DANH MỤC DI TÍCH THẮNG CẢNH CHÙA ĐƯỢC XẾP HẠNG CẤP
TỈNH CỦA QUẢNG NINH**
(Số liệu tính đến ngày 20/05/2009)

STT	Tên di tích	Địa chỉ
1	Cụm di tích lịch sử, văn hóa Đình, chùa Hoàng Xá	Xã Bình Dương – huyện đông Triều
2	Đình, chùa Triều Khê	Xã Hồng Phong – Đông Triều
3	Đình , chùa , nghề làng Vân Động	Xã Nguyễn Huệ - Đông Triều
4	Chùa Nhuệ Hồ	Xã Kim Sơn – Đông Triều
5	Chùa Yên Mỹ	Xã Lê Lợi – huyện Hoàn Bồ
6	Chùa Ba Vàng	Phường Quang Trung – Tx Uông Bí
7	Chùa Cẩm La	Xã Cẩm La – huyện Yên Hưng
8	Chùa Rui	Xã Liên Vị - Huyện Yên Hưng
9	Chùa Lại Khê	Xã Tiên An – Yên Hưng

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CHÙA, THIỀN VIỆN Ở QUẢNG NINH



Toàn cảnh Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử



Sân vườn và cảnh quan thiền viện Trúc Lâm Yên Tử



Trại đường và khu vực tu tập(khách du lịch không được vào)



Không gian Thiên viện Trúc Lâm Yên Tử

Thiền viện Giác Tâm



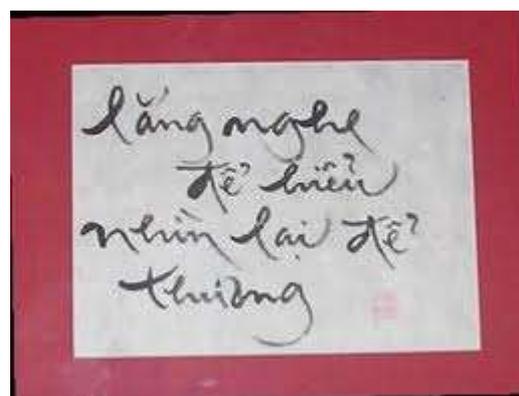
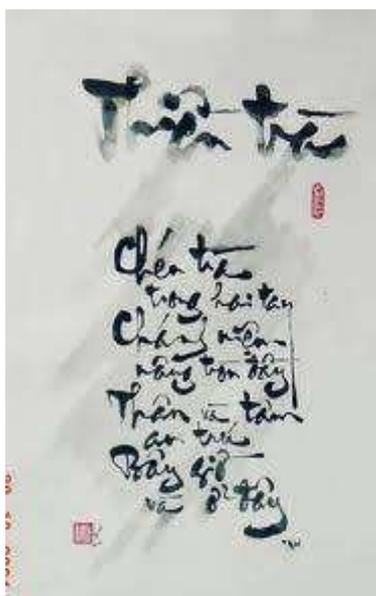
Chùa Lô Âm



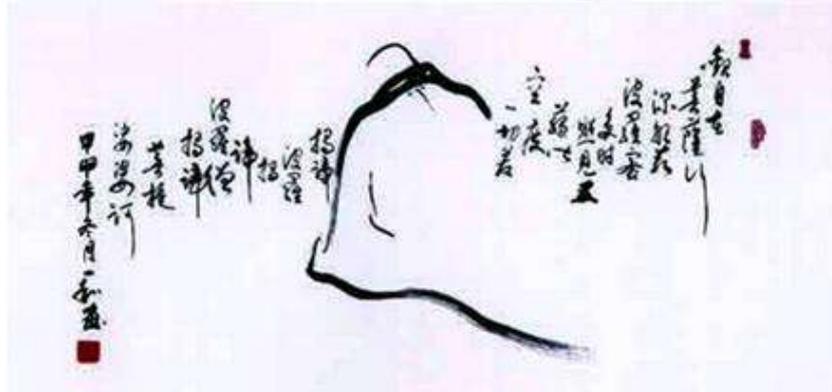
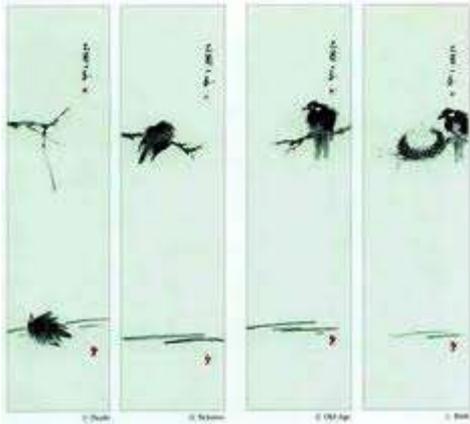
Chùa Quỳnh Lâm



Thư pháp Thiền



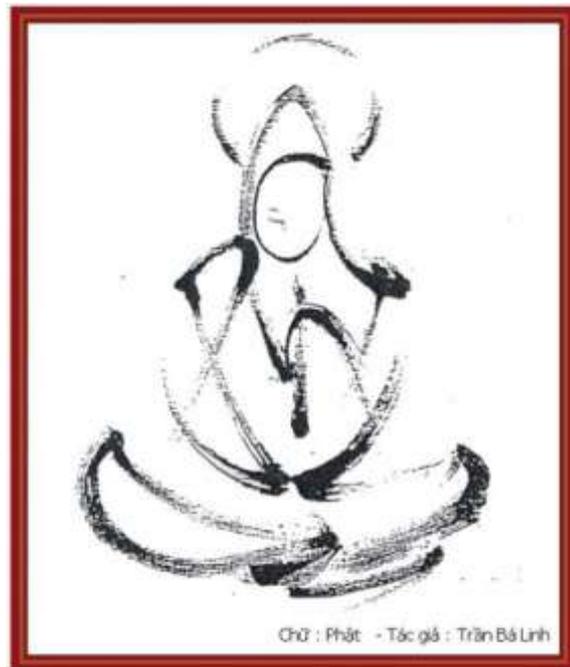
Tranh thiền



Đạo (Trần Kim Hòa)



Ranh giới mong manh
(Trần Kim Hòa)



Trà Thiền



THƠ THIỀN

Thị Đệ Tử

(Thiền Sư Vạn Hạnh)

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy, vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô

Tâm

(Thiền sư Thường Chiếu)

Tại thế vi nhân thân
Tâm vi Như lai tạng
Chiếu diệu thả vô phương
Tâm chi cánh tuyệt khoáng

Cư trần lạc đạo

(Trần Nhân Tông)

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên
Cơ tắc xan hề khốn tắc miên
Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch
Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.

Ngôn Hoài

(Thiền Sư Không Lộ)

Trạch đắc long xà địa khả cư
Dã tình chung nhật lạc vô dư
Hữu thời trực thượng vô phong đỉnh
Trường khiếu nhất thanh hàn thái hư

Trà Thiền

Tuệ Thiền

Tâm không - diệu dụng
Bất lập nhị nguyên
Duyên lành tỏa khắp
Rong chơi cõi Thiền.

Mái chèo vô thức

Minh Trang

Về xem trắng ngả màu thiền
Nhịp chèo vô thức động miền tịch hư
Nguyệt tà vẽ bóng chân như
Tình em lá nỡ về từ mùa xuân

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH THIỀN



Ngồi thiền ở thiền viện Trúc Lâm Yên Tử



